

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**



ISO 9001:2008

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

NGÀNH: KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN

Sinh viên : Lê Phương Thảo

Giảng viên hướng dẫn: ThS. Phạm Thị Nga

HẢI PHÒNG - 2013

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

**HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT
LIỆU TẠI CÔNG TY TNHH MTV XÂY LẮP
VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG V.**

**KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY
NGÀNH: KẾ TOÁN KIỂM TOÁN**

Sinh viên : Lê Phương Thảo

Giảng viên hướng dẫn: ThS. Phạm Thị Nga

HẢI PHÒNG - 2013

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Sinh viên: Lê Phương Thảo

Mã SV: 1354010139

Lớp: QT 1303K

Ngành: Kế toán – Kiểm toán

Tên đề tài: Hoàn thiện công tác kế toán nguyên vật liệu tại Công ty TNHH MTV Xây lắp và Vật liệu Xây dựng V.

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI

1. Nội dung và các yêu cầu cần giải quyết trong nhiệm vụ đề tài tốt nghiệp (về lý luận, thực tiễn, các số liệu cần tính toán và các bản vẽ).

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

2. Các số liệu cần thiết để thiết kế, tính toán.

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

3. Địa điểm thực tập tốt nghiệp.

.....

.....

.....

CÁN BỘ HƯỚNG DẪN ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Người hướng dẫn thứ nhất:

Họ và tên: Phạm Thị Nga

Học hàm, học vị: Thạc sỹ

Cơ quan công tác: Trường Đại học Dân Lập Hải Phòng

Nội dung hướng dẫn: Hoàn thiện công tác kế toán nguyên vật liệu tại Công ty TNHH MTV Xây lắp và Vật liệu Xây dựng V.

Người hướng dẫn thứ hai:

Họ và tên:.....

Học hàm, học vị:.....

Cơ quan công tác:.....

Nội dung hướng dẫn:.....

Đề tài tốt nghiệp được giao ngày 25 tháng 03 năm 2013

Yêu cầu phải hoàn thành xong trước ngày 29 tháng 06 năm 2013

Đã nhận nhiệm vụ ĐTTN

Sinh viên

Đã giao nhiệm vụ ĐTTN

Người hướng dẫn

Hải Phòng, ngày tháng.....năm 2013

Hiệu trưởng

GS.TS.NGƯT *Trần Hữu Nghị*

PHẦN NHẬN XÉT CỦA CÁN BỘ HƯỚNG DẪN

1. Tinh thần thái độ của sinh viên trong quá trình làm đề tài tốt nghiệp:

.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....

2. Đánh giá chất lượng của khóa luận (so với nội dung yêu cầu đã đề ra trong nhiệm vụ Đ.T. T.N trên các mặt lý luận, thực tiễn, tính toán số liệu...):

.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....

3. Cho điểm của cán bộ hướng dẫn (ghi bằng cả số và chữ):

.....
.....
.....

Hải Phòng, ngày ... tháng ... năm 2013

Cán bộ hướng dẫn

(Ký và ghi rõ họ tên)

MỤC LỤC

Lời mở đầu	1
Chương 1: Những lý luận cơ bản về NVL và hạch toán NVL	3
1.1: Sự cần thiết của tổ chức kế toán NVL trong Doanh nghiệp.....	3
1.1.1: Bản chất, đặc điểm của nguyên vật liệu.....	3
1.1.2: Yêu cầu quản lý Nguyên vật liệu trong các Doanh nghiệp	4
1.1.3: Nhiệm vụ của kế toán Nguyên vật liệu.....	5
1.2: Phân loại và đánh giá nguyên vật liệu.	5
1.2.1: Phân loại Nguyên vật liệu.....	5
1.2.2: Đánh giá Nguyên vật liệu.	7
1.2.2.1: Nguyên tắc đánh giá nguyên vật liệu.....	7
1.2.2.2: Phương pháp xác định giá nhập kho	7
1.2.2.3: Phương pháp xác định giá xuất kho	8
1.3 : Tổ chức kế toán nguyên vật liệu trong Doanh nghiệp.....	12
1.3.1 : Chứng từ kế toán sử dụng.....	12
1.3.2: Phương pháp kế toán chi tiết Nguyên vật liệu.....	13
1.3.2.1: Phương pháp thẻ song song	13
1.3.2.2: Phương pháp sổ đối chiếu luân chuyển	15
1.3.2.3: Phương pháp sổ sổ dư.....	16
1.3.3: Tổ chức kế toán tổng hợp Nguyên vật liệu.....	17
1.3.3.1: Hạch toán tổng hợp NVL theo phương pháp kê khai thường xuyên	18
1.3.3.2: Kế toán tổng hợp nguyên vật liệu theo phương pháp kiểm kê định kỳ.	21
1.3.3.3: Hình thức sổ sách kế toán tổng hợp nguyên vật liệu.....	25
1.3.4: Kiểm kê nguyên vật liệu	31
Chương 2: Thực trạng tổ chức kế toán nguyên vật liệu tại Công ty Xây lắp và Vật liệu xây dựng V.	33
2.1: Tổng quan về Công ty TNHH MTV Xây lắp và VLXD V.	33
2.1.1. Giới thiệu sơ lược về Công ty.....	33

2.1.2. Quá trình hình thành và phát triển của Công ty.....	33
2.1.3. Đặc điểm mô hình tổ chức bộ máy quản lý.....	35
2.1.4. Đặc điểm sản phẩm, quy trình công nghệ và tổ chức sản xuất kinh doanh.....	37
2.2: Mô hình tổ chức và đặc điểm của bộ máy kế toán của Công ty TNHH MTV Xây lắp và Vật liệu xây dựng V.....	38
2.2.1. Đặc điểm tổ chức bộ máy kế toán.....	38
2.2.2: Hình thức chế độ kế toán áp dụng tại Công ty.....	41
2.2.3: Hệ thống sổ sách, trình tự ghi sổ kế toán tại Công ty.....	42
2.2.4: Tổ chức hệ thống báo cáo tài chính.....	44
2.3: Thực trạng tổ chức kế toán Nguyên vật liệu tại Công ty.....	44
2.3.1: Đặc điểm, phân loại nguyên vật liệu tại Công ty.....	44
2.3.2: Đánh giá Nguyên vật liệu tại Công ty.....	45
2.3.2.1: Giá thực tế của nguyên vật liệu nhập kho.....	45
2.3.2.2: Giá thực tế của nguyên vật liệu xuất kho.....	46
2.3.3: Phương pháp hạch toán.....	46
2.3.4: Chứng từ kế toán sử dụng.....	47
2.3.5: Thủ tục nhập xuất kho trong công tác kế toán NVL tại Công ty.....	48
2.3.5.1: Thủ tục nhập kho.....	48
2.3.5.2: Thủ tục xuất kho.....	60
2.3.6: Kế toán chi tiết nguyên vật liệu tại Công ty.....	66
2.3.7: Kế toán tổng hợp nguyên vật liệu tại Công ty.....	72
2.3.7.1: Kế toán tổng hợp nhập nguyên vật liệu.....	72
2.3.7.2: Kế toán tổng hợp xuất nguyên vật liệu.....	82
2.3.8: Công tác kiểm kê nguyên vật liệu tại Công ty TNHH MTV Xây lắp và Vật liệu xây dựng V.....	87
Chương 3: Một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác hạch toán kế toán NVL tại Công ty TNHH MTV Xây lắp và vật liệu xây dựng V.....	89
3.1: Nhận xét về công tác hạch toán nguyên vật liệu tại Công ty TNHH MTV Xây lắp & Vật liệu xây dựng V.....	89

3.1.1: Đánh giá chung.	89
3.1.2:Nhận xét về bộ máy kế toán và công tác kế toán tại công ty.....	90
3.1.3: Nhận xét về công tác kế toán nguyên vật liệu tại Công ty.	93
3.2: Một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán NVL tại Công ty TNHH MTV Xây lắp và Vật liệu xây dựng.....	98
3.2.1: Nguyên tắc hoàn thiện.....	98
3.2.2: Yêu cầu hoàn thiện.....	98
3.2.3: Nội dung hoàn thiện.....	99
Kết Luận.....	110
Tài liệu tham khảo.....	112

LỜI MỞ ĐẦU

Ngày nay sự cạnh tranh giữa các Doanh nghiệp diễn ra hết sức gay gắt, vì vậy mỗi Doanh nghiệp phải tự đổi mới mình để thích ứng với cơ chế quản lý mới. Tạo ra nhiều lợi ích kinh tế mang lại hiệu quả thực sự cho doanh nghiệp và Nhà nước, để thực hiện được điều đó các đơn vị phải tổng hoà nhiều biện pháp, trong đó có biện pháp quan trọng không thể thiếu được là thực hiện quản lý kinh tế mà hạch toán kế toán là một cấu thành quan trọng của hệ thống công cụ quản lý kinh tế. Nó có vai trò tích cực trong việc quản lý, điều hành và kiểm soát các hoạt động kinh tế. Chính vì vậy các doanh nghiệp phải tổ chức công tác kế toán ngày một hoàn thiện và phù hợp hơn.

Trong những năm gần đây nhờ thực hiện chủ trương chính sách đường lối của Đảng và Nhà nước phát triển nền kinh tế hàng hoá nhiều thành phần, vận hành theo cơ chế thị trường có sự quản lý của nhà nước. Nền kinh tế Việt Nam đã có những bước phát triển mạnh mẽ cả về hình thức và quy mô từng bước khẳng định chỗ đứng của Việt Nam trong nền kinh tế thế giới. Đặc biệt là sau khi Việt Nam trở thành thành viên chính thức của tổ chức thương mại thế giới WTO, đã nhiều cơ hội và thách thức lớn, chúng ta phải nắm bắt lấy thời cơ, vượt qua thách thức phải nâng cao khả năng cạnh tranh và chủ động hội nhập nền kinh tế khu vực và thế giới thúc đẩy quá trình công nghiệp hoá hiện đại hóa đất nước, phát triển nhanh nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở nước ta.

Để thực hiện thành công những mục tiêu trên buộc các thành phần kinh tế, các Doanh nghiệp, các Công ty, Xí nghiệp ... phải có những chiến lược hoạt động sản xuất kinh doanh phù hợp, bắt nhịp với tình hình đổi mới của đất nước. Vậy làm thế nào để hoạt động và sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp mình có hiệu quả? Một trong những điều kiện đó là phải có một kết cấu hạ tầng kinh tế xã hội và dịch vụ đủ để phát triển kinh tế thị trường trong nước và mở rộng giao lưu quốc tế.

Vì vậy có thể nói bất cứ doanh nghiệp nào muốn tiến hành hoạt động sản xuất kinh doanh cũng cần phải có tài sản, tài sản là tiềm lực kinh tế của xã hội, nó phản ánh tình hình tài chính, khả năng thanh toán, tình hình công nợ của doanh nghiệp, mà trong đó NVL là bộ phận quan trọng của tài sản, nó không thể thiếu. Chi phí vật liệu là một trong những yếu tố của quá trình sản xuất kinh doanh, nó chiếm tỷ trọng khá lớn trong giá thành sản phẩm, do vậy việc tăng cường công tác quản lý, giám sát chặt chẽ sự biến động của NVL bằng nghiệp vụ kế toán có ý nghĩa hết sức quan trọng. Nó ảnh hưởng trực tiếp đến kết quả sản xuất kinh doanh trong kỳ của doanh nghiệp, việc thực hiện sử dụng NVL một cách tiết kiệm và có hiệu quả nhằm hạ thấp chi phí và giảm giá thành sản phẩm, tăng thu nhập cho doanh nghiệp. Xuất phát từ vai trò đặc điểm của NVL trong hoạt động sản xuất kinh doanh, đòi hỏi mỗi doanh nghiệp phải quản lý chặt chẽ ở mọi khâu, từ khâu thu mua, bảo quản dự trữ đến khâu sử dụng.

Công ty TNHH MTV Xây lắp và VLXD V - Bộ Thương mại (nay là Bộ Công thương), là Doanh nghiệp Nhà nước với ngành nghề kinh doanh vật liệu xây dựng, XNK vật tư thiết bị, hàng hoá, hàng Nông lâm sản, xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp. Uy tín của Công ty ngày càng được mở rộng với nhiều bạn hàng trong và ngoài nước.

Nhận thức được tầm quan trọng của vấn đề trên với sự giúp đỡ nhiệt tình của cán bộ công nhân viên các phòng ban trong Công ty TNHH MTV Xây lắp và Vật liệu Xây dựng V, em tiến hành nghiên cứu đề tài:

“Hoàn thiện công tác kế toán nguyên vật liệu tại Công ty TNHH MTV Xây lắp và Vật liệu Xây dựng V”.

Với 3 nội dung chính:

Chương 1: Những lý luận cơ bản về nguyên vật liệu và hạch toán nguyên vật liệu.

Chương 2: Thực trạng tổ chức kế toán nguyên vật liệu tại Công ty TNHH MTV Xây lắp và VLXD V.

Chương 3: Một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán Nguyên vật liệu tại Công ty TNHH MTV Xây lắp và VLXD V.

CHƯƠNG I:

NHỮNG LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ NGUYÊN VẬT LIỆU VÀ HẠCH TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU

1.1: Sự cần thiết của tổ chức kế toán nguyên vật liệu trong Doanh nghiệp.

1.1.1: Bản chất, đặc điểm của nguyên vật liệu.

Khái niệm:

Nguyên vật liệu của Doanh nghiệp là những đối tượng lao động mua ngoài hoặc tự chế biến dùng chủ yếu cho quá trình sản xuất chế tạo sản phẩm.

Đặc điểm:

Nguyên liệu, vật liệu là một trong ba yếu tố cơ bản của quá trình sản xuất, là cơ sở vật chất cấu thành nên sản phẩm, nguyên liệu, vật liệu có những đặc điểm khác với các loại tài sản khác:

- Khi tham gia vào quá trình sản xuất kinh doanh, vật liệu bị tiêu hao toàn bộ, không giữ nguyên hình thái vật chất ban đầu và chuyển toàn bộ giá trị 1 lần vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ.
- Nguyên vật liệu thường chiếm tỷ trọng lớn trong toàn bộ chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm. Do vậy tăng cường công tác quản lý và hạch toán nguyên vật liệu tốt sẽ đảm bảo sử dụng có hiệu quả tiết kiệm nguyên vật liệu nhằm hạ thấp chi phí sản xuất kinh doanh và hạ giá thành sản phẩm.
- Nhà quản lý phải quản lý nguyên vật liệu ở tất cả các khâu mua, bảo quản, sử dụng và dự trữ.

Vai trò:

- Nguyên liệu, vật liệu trong các loại hình Doanh nghiệp đều thuộc đối tượng lao động, đều có đặc điểm chỉ tham gia vào một chu kỳ sản xuất kinh doanh và đều bị biến dạng hoặc tiêu hao hoàn toàn và chuyển hết giá trị vào chi phí sản xuất kinh doanh một lần.
- Trong từng loại hình Doanh nghiệp thì nguyên vật liệu đều có những vai trò riêng và góp phần cấu thành nên quá trình sản xuất và tiêu thụ hàng hóa một cách tốt hơn: Đối với Doanh nghiệp Xây lắp việc làm ra một sản phẩm, thực hiện một công trình có ý nghĩa rất quan trọng đối với các DN. Nó quyết định sự tồn tại của DN và khả năng cạnh tranh của DN trên thị trường. Chất lượng

của các sản phẩm, công trình, phụ thuộc trực tiếp vào chất lượng của vật liệu mà chất lượng của NVL có tốt thì chất lượng của sản phẩm hay các công trình làm ra mới tốt. Hơn nữa việc cung cấp NVL phải kịp thời nếu không sẽ ảnh hưởng lớn đến việc thực hiện kết quả SXKD của doanh nghiệp.

1.1.2: Yêu cầu quản lý Nguyên vật liệu trong các Doanh nghiệp.

Yêu cầu quản lý NVL là việc không thể thiếu được với bất cứ doanh nghiệp nào. NVL là tài sản lưu động thường xuyên biến động. Giá trị NVL thường chiếm một tỷ trọng lớn trong tổng chi phí sản xuất – kinh doanh. Vì vậy phải quản lý tốt ở tất cả các khâu kể từ khâu thu mua, bảo quản tới khâu dự trữ và sử dụng... là điều kiện cần thiết để đảm bảo chất lượng sản phẩm, tiết kiệm chi phí, giảm giá thành, tăng lợi nhuận cho Doanh nghiệp.

Để tránh nhầm lẫn trong công tác quản lý và hạch toán NVL hầu hết các Doanh nghiệp phải xây dựng được hệ thống danh điểm và số danh điểm cho NVL. Hệ thống danh điểm và số danh điểm của NVL phải rõ ràng chính xác tương ứng với quy cách, chủng loại của NVL.

-Trong khâu thu mua cần phải quản lý chặt chẽ về khối lượng, chất lượng, qui cách chủng loại lẫn giá mua và chi phí. Đảm bảo thực hiện kế hoạch thu mua theo đúng tiến độ, thời gian phù hợp với kế hoạch SXKD của DN.

-Trong quá trình bảo quản NVL : Để giảm thiểu hư hao mất mát, các Doanh nghiệp phải xây dựng hệ thống kho tàng bền bỉ đủ tiêu chuẩn kỹ thuật, bố trí nhân viên thủ kho có đủ phẩm chất đạo đức và trình độ chuyên môn để quản lý NVL tồn kho và thực hiện các nhiệm vụ xuất kho, tránh việc bố trí kiêm nhiệm thủ kho với kế toán vật tư.

-Trong khâu dự trữ thì doanh nghiệp cần phải xác định được mức dự trữ tối đa, tối thiểu đảm bảo cho quá trình SXKD bình thường, không bị ngưng trệ, gián đoạn do việc cung ứng vật tư không kịp thời hoặc dự trữ quá nhiều gây ứ đọng vốn.

- Khâu sử dụng thì phải sử dụng hợp lý, tiết kiệm trên cơ sở định mức tiêu hao và dự toán chi phí. Có như vậy mới hạ thấp chi phí sản xuất và giảm giá

thành sản phẩm. Đồng thời phải tổ chức tốt việc ghi chép, phản ánh tình hình xuất dùng và sử dụng NVL trong SXKD.

Việc tổ chức quản lý sử dụng NVL là một trong nhân tố quyết định sự thành công, công tác quản lý kinh doanh.

1.1.3: Nhiệm vụ của kế toán Nguyên vật liệu.

Kế toán nói chung là công cụ của công tác quản lý tài chính, thì Kế toán NVL nói riêng là công cụ đặc lực của công tác quản lý NVL. Để cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin cho công tác quản lý NVL trong các Doanh nghiệp kế toán NVL phải thực hiện tốt các nhiệm vụ chủ yếu sau:

- Ghi chép, tính toán, phản ánh chính xác, trung thực kịp thời số lượng chất lượng và giá thành thực tế của NVL nhập kho.
- Tập hợp và phản ánh đầy đủ, chính xác, kịp thời số lượng và giá trị NVL xuất kho, kiểm tra tình hình chấp hành các định mức tiêu hao NVL.
- Phân bổ hợp lý giá trị NVL sử dụng vào các đối tượng tập hợp chi phí sản xuất kinh doanh.
- Tính toán và phản ánh chính xác số lượng và giá trị nguyên vật liệu nhập kho, phát hiện kịp thời NVL thiếu, thừa, ứ đọng kém phẩm chất. Từ đó Doanh nghiệp có biện pháp xử lý kịp thời, hạn chế đến mức tối đa thiệt hại có thể xảy ra.

1.2: Phân loại và đánh giá nguyên vật liệu.

1.2.1: Phân loại Nguyên vật liệu.

Nguyên liệu vật liệu trong Doanh nghiệp có nhiều nguồn gốc, nhiều chủng loại, khác nhau với nội dung kinh tế, chúng có vai trò công dụng, tính chất khác nhau và biến động liên tục hàng ngày trong quá trình SXKD. Nên để thuận tiện cho việc quản lý và hạch toán NLVL, sử dụng có hiệu quả NLVL trong SXKD của doanh nghiệp cần phải phân loại.

Các cách phân loại Nguyên vật liệu:

- Nếu căn cứ vào tính năng, công dụng của vật liệu thì phân loại thành:
 - Nguyên vật liệu chính là loại NVL khi tham gia vào quá trình SX thì cấu thành thực thể vật chất, thực thể chính của SP mới.
 - Vật liệu phụ là loại NVL khi tham gia vào quá trình sản xuất, không cấu thành thực thể chính của sản phẩm, có thể kết hợp với NVL chính làm thay đổi màu sắc, mùi vị, hình dáng bên ngoài, tăng thêm chất lượng của sản phẩm hoặc tạo điều kiện cho quá trình chế tạo sản phẩm, phục vụ cho nhu cầu công nghệ, kỹ thuật, bảo quản đóng gói.
 - Nhiên liệu là thứ có tác dụng cung cấp nhiệt liệu trong quá trình sản xuất kinh doanh, nhiên liệu có thể tồn tại ở thể rắn, lỏng...
 - Phụ tùng thay thế là những chi tiết, phụ tùng dùng để sửa chữa, thay thế cho máy móc, thiết bị phương tiện vận tải.
 - Phế liệu là những vật liệu thu được trong quá trình SXKD của đơn vị, nó đã bị mất hết hoặc phần lớn giá trị sử dụng ban đầu hoặc phế liệu thu hồi trong quá trình thanh lý tài sản cố định.
 - Vật liệu và Thiết bị xây dựng cơ bản: bao gồm các loại vật liệu và thiết bị (cả thiết bị cần lắp, không cần lắp, công cụ, khí cụ và vật kết cấu dùng để lắp đặt vào các công trình xây dựng cơ bản) mà Doanh nghiệp mua nhằm mục đích đầu tư cho xây dựng cơ bản.
 - Vật liệu khác: Bao gồm các loại vật liệu còn lại như bao bì, vật đóng gói, các loại vật tư đặc chủng...
 - Nếu căn cứ vào nguồn cung cấp NVL thì NVL được chia thành:
 - NVL mua ngoài
 - NVL tự chế biến
 - NVL thuê ngoài gia công chế biến
 - NVL nhận góp vốn liên doanh
 - ...

- Nếu căn cứ theo mục đích, công dụng:

-NVL dùng trực tiếp cho sản xuất, chế tạo sản phẩm.

-NVL dùng cho nhu cầu khác: Phục vụ quản lý, phục vụ bán hàng...

1.2.2: Đánh giá Nguyên vật liệu.

Đánh giá nguyên vật liệu là thước đo biểu hiện giá trị của chúng theo những nguyên tắc nhất định đảm bảo yêu cầu chân thực, thống nhất.

1.2.2.1: Nguyên tắc đánh giá nguyên vật liệu.

- Nguyên tắc giá vốn: Đây là nguyên tắc cơ bản nhất của kế toán. Nguyên tắc này đòi hỏi tất cả các nguyên vật liệu phải được ghi chép, phản ánh theo giá vốn, tức số tiền mà Doanh nghiệp bỏ ra để có được số nguyên vật liệu đó.

- Nguyên tắc thận trọng: Đây là nguyên tắc đề cập đến việc lựa chọn các phương pháp sao cho ít có ảnh hưởng đến vốn chủ sở hữu. Với những nguyên vật liệu có xu hướng giảm giá, mất giá hoặc không bán được cần phải dự tính phân thiệt hại để thực hiện việc thiết lập dự phòng vào chi phí, hoặc cố gắng tính hết các khoản chi phí có thể tính được cho số nguyên vật liệu chưa đem ra sử dụng có thể chịu phần chi phí ít nhất.

- Nguyên tắc nhất quán: Nguyên tắc này đòi hỏi kế toán phải quản lý giúp cho Doanh nghiệp biết chính xác số lượng và giá trị tồn kho của Doanh nghiệp tại các thời điểm nhằm xây dựng các kế hoạch sản xuất phù hợp tránh sự biến động của giá vốn và lượng nguyên vật liệu tồn kho đột xuất.

1.2.2.2: Phương pháp xác định giá nhập kho .

Nguyên vật liệu là một trong những yếu tố cấu thành nên hàng tồn kho do đó kế toán NVL phải tuân theo chuẩn mực kế toán hàng tồn kho.

+ Trường hợp NVL mua ngoài.

$$\begin{array}{l} \text{Giá thực} \\ \text{tế nhập} \\ \text{kho} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Giá mua} \\ \text{ghi trên} \\ \text{hoá đơn} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Các khoản} \\ \text{thuế nhập} \\ \text{khẩu, thuế} \\ \text{khác. (Nếu có)} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Chi phí thực tế} \\ \text{(Chi phí v/c, bốc} \\ \text{xếp, lưu, thuê kho} \\ \text{bãi v.v..} \end{array} - \begin{array}{l} \text{Các} \\ \text{khoản} \\ \text{giảm giá} \\ \text{(Nếu có)} \end{array}$$

Trong đó giá mua trên hoá đơn được xác định như sau:

Đối với cơ sở kinh doanh thuộc đối tượng nộp thuế GTGT theo PP khấu trừ thuế thì giá trị NVL mua vào là giá thực tế không có thuế GTGT đầu vào.

Đối với cơ sở kinh doanh thuộc đối tượng nộp thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp và cơ sở kinh doanh không thuộc đối tượng chịu thuế GTGT thì giá trị NVL mua vào là tổng giá thanh toán (gồm cả thuế GTGT đầu vào).

+ Trường hợp do doanh nghiệp tự gia công chế biến.

$$\text{Giá thực tế nhập kho} = \frac{\text{Giá thực tế vật liệu xuất gia công chế biến}}{\text{Chi phí gia công chế biến}}$$

+ Trường hợp nguyên liệu vật liệu thuê ngoài gia công chế biến.

$$\text{Giá thực tế nhập kho} = \frac{\text{Giá thực tế vật liệu thuê ngoài chế biến}}{\text{Chi phí Gia công}} + \text{Chi phí vận chuyển}$$

+ Trường hợp NLVL nhận từ đơn vị khác góp vốn liên doanh.

$$\text{Giá thực tế nhập kho} = \frac{\text{Giá do hội đồng liên doanh đánh giá và công nhận}}{\text{Chi phí khác có liên quan}}$$

+ Trường hợp NLVL được viện trợ tặng thưởng.

$$\text{Giá thực tế nhập kho} = \frac{\text{Xác định theo giá hợp lý tại thời điểm ghi nhận}}{\text{Chi phí khác có liên quan}}$$

+ Phế liệu thu hồi được đánh giá theo giá ước tính có thể sử dụng được hay giá trị thu hồi tối thiểu của phế liệu.

1.2.2.3: Phương pháp xác định giá xuất kho

Căn cứ vào quyết định số 149/2001/QĐ - BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc công bố 4 chuẩn mực kế toán mới. Theo chuẩn mực 02 - hàng tồn kho, theo quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, về việc tính giá trị hàng tồn kho áp dụng một trong những phương pháp sau. Tuy nhiên doanh nghiệp lựa

chọn phương pháp tính nào phải đảm bảo tính chất quan trọng trong hạch toán.

+ Phương pháp nhập trước xuất trước (FiFo)

Theo phương pháp này thì những NVL nào nhập trước được xuất dùng hết mới xuất dùng đến lần nhập sau. Do đó, giá NVL xuất dùng được tính hết theo giá nhập kho lần trước, xong mới tính theo giá nhập kho lần sau. theo giá thực tế của từng số hàng xuất.

- Ưu điểm : Đơn giản, dễ làm, dễ tính

- Nhược điểm : Khối lượng hạch toán nhiều, phụ thuộc vào giá cả thị trường.

- Phương pháp này thích hợp ở những Doanh nghiệp có NVL mức giá ổn định, có xu hướng tăng.

+ Phương pháp nhập sau xuất trước (LiFo)

Theo phương pháp này thì những NVL được nhập kho sau thì được xuất trước, xuất hết số NVL sau mới xuất đến số NVL nhập trước. Hàng tồn kho cuối kỳ là hàng tồn kho được mua hoặc sản xuất trước đó. Giá trị hàng xuất kho được tính theo giá của lô hàng nhập sau hoặc gần sau cùng, giá trị của hàng tồn kho được tính theo giá của hàng nhập kho đầu kỳ hoặc gần đầu kỳ còn tồn kho.

- Ưu điểm : Dễ làm, dễ theo dõi, hạch toán giá thành sản phẩm phản ứng kịp thời với giá nguyên vật liệu ngoài thị trường.

- Nhược điểm : Phải xác định được số lượng và giá thực tế mỗi lần nhập kho của từng loại NVL, tốn nhiều công sức.

- Phương pháp này chỉ thích hợp khi giá giảm các doanh nghiệp có ít chủng loại NVL trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

+ Phương pháp tính theo giá thực tế đích danh

Theo phương pháp này sản phẩm, vật tư, hàng hoá xuất kho thuộc lô hàng nhập nào thì lấy đơn giá nhập kho của lô hàng đó để tính. Đây là phương án

tốt nhất, nó tuân thủ nguyên tắc phù hợp của kế toán; chi phí thực tế phù hợp với doanh thu thực tế. Giá trị của hàng xuất kho đem bán phù hợp với doanh thu mà nó tạo ra. Hơn nữa, giá trị hàng tồn kho được phản ánh đúng theo giá trị thực tế của nó.

- Ưu điểm : Độ chính xác cao, thuận lợi trong việc tính toán giá thành, phản ánh được mối quan hệ cân đối giữa hiện vật và giá trị.

- Nhược điểm: Phải theo dõi được vật tư theo từng lô hàng, doanh nghiệp có nhiều lô hàng thì việc theo dõi và tính toán phức tạp.

-Phương pháp này chỉ áp dụng được ở những DN có ít mặt hàng, mặt hàng ổn định, có giá trị cao, loại vật tư đặc trưng.

+ Phương pháp bình quân gia quyền

Theo PP này, giá trị từng loại hàng tồn kho được tính theo giá trị trung bình của từng loại hàng tồn kho tương tự đầu kỳ và giá trị từng loại hàng tồn kho được mua hoặc SX trong kỳ. Giá trị trung bình có thể tính được theo thời kỳ, mỗi khi nhập một lô hàng về phụ thuộc vào tình hình của Doanh nghiệp.

$$\text{Giá thực tế NVL xuất kho} = \frac{\text{Số lượng NVL xuất kho}}{\text{Giá đơn vị bình quân NVL}} \times \text{Giá đơn vị bình quân NVL}$$

Trong đó :

- Bình quân gia quyền cả kì dự trữ: Theo phương pháp này, đến cuối kỳ mới tính trị giá vốn của hàng xuất kho trong kỳ. Tùy theo kì dự trữ của doanh nghiệp áp dụng mà kế toán hàng tồn kho căn cứ vào giá mua, giá nhập, lượng hàng tồn kho đầu kỳ và nhập trong kỳ để tính giá đơn vị bình quân.

$$\text{Giá đơn vị bình quân cả kì dự trữ} = \frac{\text{Trị giá NVL tồn đầu kì} + \text{Tổng trị giá NVL nhập trong kì}}{\text{Số lượng NVL tồn đầu kì} + \text{Số lượng NVL nhập trong kì}}$$

-Ưu điểm: Đơn giản, dễ làm chỉ cần tính toán một lần vào cuối kỳ.

-Nhược điểm: Độ chính xác không cao, hơn nữa, công việc tính toán dồn vào cuối tháng gây ảnh hưởng đến công tác quyết toán nói chung.

-Phương pháp này áp dụng trong những Doanh nghiệp có ít danh điểm nguyên vật liệu.

• Bình quân liên hoàn: Sau mỗi lần nhập sản phẩm, vật tư, hàng hoá, kế toán phải xác định lại giá trị thực của hàng tồn kho và giá đơn vị bình quân. Căn cứ vào giá đơn vị bình quân và lượng xuất giữa 2 lần nhập kế tiếp để tính giá xuất theo công thức sau:

$$\text{Giá đơn vị bình quân liên hoàn} = \frac{\text{Trị giá NVL tồn sau mỗi lần nhập}}{\text{Số lượng hàng tồn sau mỗi lần nhập}}$$

-Ưu điểm: Cách tính giá đơn vị bình quân tức thời khắc phục được nhược điểm của phương pháp bình quân cả kỳ, vừa chính xác vừa cập nhật.

-Nhược điểm: Tính toán phức tạp, nhiều lần, tốn nhiều công sức.

-Phương pháp này áp dụng cho những Doanh nghiệp có ít loại NVL và số lần nhập xuất không nhiều.

Tuy nhiên trong thực tế để đơn giản và giảm bớt khối lượng ghi chép, tính toán hàng ngày có thể sử dụng giá hạch toán để hạch toán tình hình nhập xuất NVL cuối tháng phải được tổng hợp, ghi sổ kế toán tổng hợp Nguyên liệu vật liệu theo giá thực tế.

$$\begin{aligned} \text{Giá thực tế NVL xuất dùng} &= \text{Giá hạch toán NVL xuất dùng} \times \text{Hệ số giá NVL} \\ \text{Hệ số chênh lệch giá} &= \frac{\text{Trị giá thực tế NVL tồn kho đầu kỳ} + \text{Trị giá thực tế NVL nhập kho trong kỳ}}{\text{Trị giá hạch toán NVL tồn kho đầu kỳ} + \text{Trị giá hạch toán NVL nhập kho trong kỳ}} \end{aligned}$$

Mỗi phương pháp tính giá NVL xuất kho đều có những ưu điểm, nhược điểm và trong từng điều kiện nhất định. Doanh nghiệp phải căn cứ vào đặc điểm hoạt động SXKD, khả năng và trình độ, yêu cầu quản lý để lựa chọn một phương pháp tính giá cho phù hợp với giá đơn vị mình.

1.3 : Tổ chức kế toán nguyên liệu vật liệu trong Doanh nghiệp.

1.3.1 : Chứng từ kế toán sử dụng.

Mọi hoạt động kinh tế xảy ra trong SXKD của doanh nghiệp đều liên quan đến tình hình nhập xuất NVL, phải lập chứng từ kế toán liên tục và kịp thời, chính xác và đầy đủ theo đúng chế độ ghi chép ban đầu về NVL đã được nhà nước ban hành. Là cơ sở để kế toán tiến hành ghi chép trên thẻ kho, sổ Kế toán để kiểm tra và giám sát tình hình hiện có, biến động của từng NVL, đồng thời thực hiện quản lý có hiệu quả NVL cung cấp thông tin cho Lãnh đạo và phục vụ kịp thời trong hoạt động SXKD của doanh nghiệp. Theo chế độ chứng từ Kế toán quy định, ban hành theo quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC, các chứng từ kế toán bao gồm:

✓ Chứng từ nhập:

- Hóa đơn bán hàng thông thường, hóa đơn GTGT.
- Phiếu nhập kho.
- Biên bản kiểm nghiệm.

...

✓ Chứng từ xuất:

- Phiếu xuất kho.
- Phiếu xuất kho kiêm vận chuyển nội bộ.
- Phiếu xuất vật tư theo hạn mức.

...

✓ Chứng từ theo dõi quản lý:

- Thẻ kho.
- Phiếu báo vật tư còn lại cuối kì.
- Biên bản kiểm kê hàng tồn kho.

...

Ngoài các chứng từ bắt buộc sử dụng thống nhất theo quy định của Nhà nước, trong các Doanh nghiệp có thể sử dụng các chứng từ kế toán hướng dẫn và các chứng từ khác tùy thuộc tình hình đặc điểm của từng Doanh nghiệp thuộc các lĩnh vực hoạt động, thành phần kinh tế, hình thức sở hữu khác nhau.

1.3.2: Phương pháp kế toán chi tiết Nguyên vật liệu.

Tổ chức hạch toán chi tiết cho các doanh nghiệp cần kết hợp chặt chẽ với hạch toán nghiệp vụ ở kho bảo quản, giảm bớt việc ghi chép trùng lặp giữa các loại hạch toán, đồng thời tăng cường công tác kiểm tra, giám sát của Kế toán đối với các nghiệp vụ nhập xuất kho NVL đưa vào phục vụ SXKD.

Việc theo dõi, hạch toán chi tiết NVL vừa được thực hiện ở kho vừa được thực hiện ở phòng kế toán của doanh nghiệp. Hiện nay có 3 phương pháp để hạch toán chi tiết NVL. Tuy nhiên do tình hình đặc điểm hoạt động nên các Doanh nghiệp lựa chọn áp dụng phương pháp kế toán chi tiết NVL cho phù hợp nhằm tăng cường công tác quản lý nguyên vật liệu.

1.3.2.1: Phương pháp thẻ song song

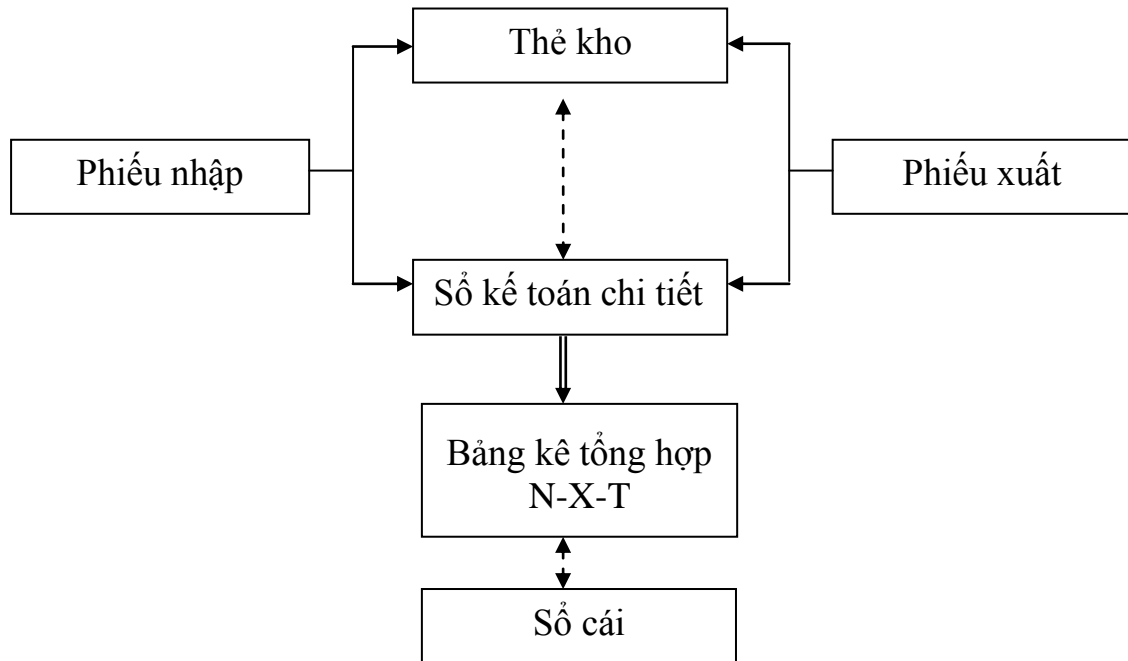
- Nguyên tắc: Ở kho ghi chép về số lượng, còn ở phòng kế toán ghi chép về cả số lượng và giá trị của từng loại NVL.
- Ở kho: Thủ kho dùng thẻ kho để phản ánh tình hình nhập, xuất, tồn NVL về mặt số lượng. Mỗi chứng từ ghi một dòng vào thẻ kho. Thẻ kho được mở cho từng danh điểm NVL. Cuối tháng vật tư phải tiến hành tổng cộng số nhập, xuất, tính ra số tồn kho về mặt số lượng theo từng danh điểm NVL.
- Ở phòng kế toán: Kế toán mở sổ (thẻ) kế toán chi tiết NVL cho từng danh điểm NVL, tương ứng với thẻ kho mở ở kho. Thẻ này có dạng tương tự thẻ kho, chỉ khác là theo dõi cả về mặt số lượng và giá trị. Hàng ngày, hoặc định kỳ khi nhận được các chứng từ nhập, xuất kho NVL của thủ kho chuyển đến, kế toán phải kiểm tra, đối chiếu từng chứng từ rồi ghi đơn giá và tính thành tiền sau đó ghi vào sổ (thẻ) chi tiết NVL có liên quan. Cuối tháng kế toán cộng sổ (thẻ) tính ra tổng số nhập, xuất, tồn kho của từng loại NVL rồi đối chiếu số lượng với thẻ kho.

Để thực hiện đối chiếu giữa kế toán tổng hợp và chi tiết, kế toán phải căn cứ vào các thẻ sổ kế toán chi tiết để lập bảng tổng hợp nhập, xuất, tồn kho về mặt giá trị của từng loại vật tư. Số liệu của bảng này được đối chiếu với số liệu của phần kế toán tổng hợp.

Ngoài ra, để quản lý chặt chẽ thẻ kho, kế toán NVL còn phải mở sổ đăng ký thẻ kho, khi giao thẻ kho cho thủ kho kế toán phải ghi vào sổ.

Sơ đồ 1.1:

Kế toán chi tiết vật liệu theo phương pháp thẻ song song.



Ghi chú:

- > Ghi hàng ngày hoặc định kỳ
- ====> Ghi cuối tháng
- <-----> Đối chiếu, kiểm tra

Với cách ghi chép, kiểm tra và đối chiếu như trên, phương pháp có những ưu nhược điểm:

-Ưu điểm: Ghi chép đơn giản, dễ kiểm tra, đối chiếu.

- Nhược điểm: Việc ghi chép giữa kho và kế toán còn trùng lặp về chỉ tiêu số lượng. Mặt khác làm hạn chế chức năng kiểm tra của kế toán do việc kiểm tra và đối chiếu chủ yếu được tiến hành vào cuối tháng.

-Điều kiện vận dụng: Thích hợp với những doanh nghiệp có quy mô nhỏ, sử dụng ít loại vật liệu, khối lượng các nghiệp vụ nhập xuất ít, không thường xuyên.

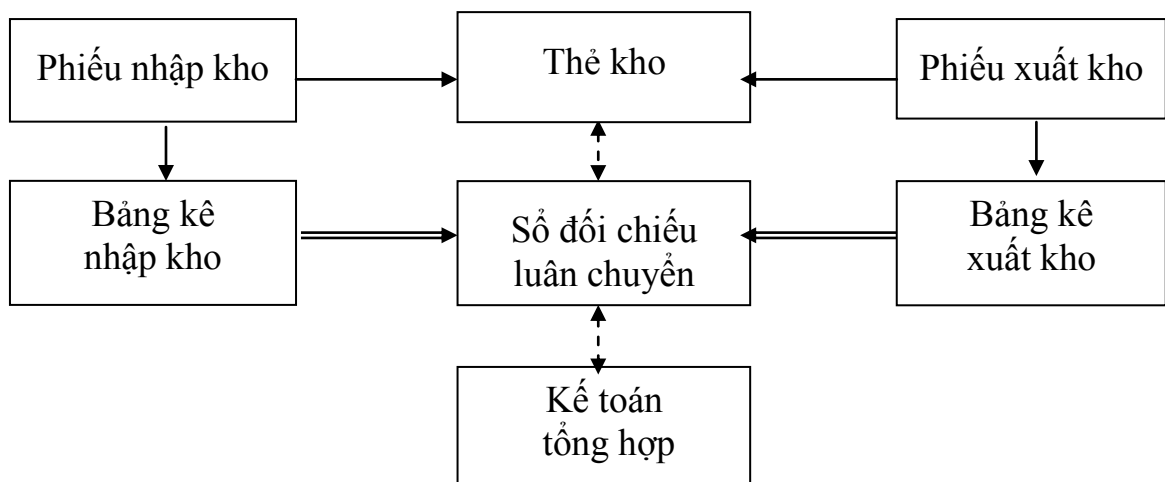
1.3.2.2: Phương pháp sổ đối chiếu luân chuyển

- Ở kho: Thủ kho sử dụng thẻ kho để ghi chép hàng ngày tình hình nhập xuất tồn kho NVL, giống như phương pháp ghi thẻ song song.

- Ở phòng kế toán: Để hạch toán số lượng và tiền của từng loại NVL, theo từng kho, kế toán không mở sổ kế toán chi tiết mà mở sổ đối chiếu luân chuyển để hạch toán số lượng, số tiền của từng loại danh điểm NVL cho từng kho. Sổ này ghi một lần vào cuối tháng trên cơ sở tổng hợp các chứng từ nhập, xuất phát sinh trong tháng của từng loại vật liệu, mỗi loại ghi một dòng. Cuối tháng đối chiếu số liệu giữa sổ đối chiếu luân chuyển với thẻ kho và số liệu kế toán tổng hợp.

Sơ đồ 1.2:

Kế toán chi tiết theo phương pháp sổ đối chiếu luân chuyển



Ghi chú:

- > Ghi hàng ngày hoặc định kỳ
- ====> Ghi cuối tháng
- <----> Đối chiếu, kiểm tra

-Ưu điểm: Khối lượng ghi chép của kế toán được giảm bớt (Chỉ ghi một lần vào cuối tháng).

-Nhược điểm: Việc ghi sổ vẫn còn trùng lặp, việc kiểm tra đối chiếu giữa kho và phòng kế toán chỉ tiến hành vào cuối tháng nên hạn chế tác dụng kiểm tra trong công tác quản lý.

-Điều kiện vận dụng: Phương pháp này thích hợp với những doanh nghiệp có nhiều danh điểm vật tư nhưng số lượng chứng từ nhập xuất không nhiều, không có điều kiện bố trí riêng từng nhân viên kế toán chi tiết vật liệu để theo dõi tình hình nhập xuất hàng ngày.

1.3.2.3: Phương pháp sổ số dư

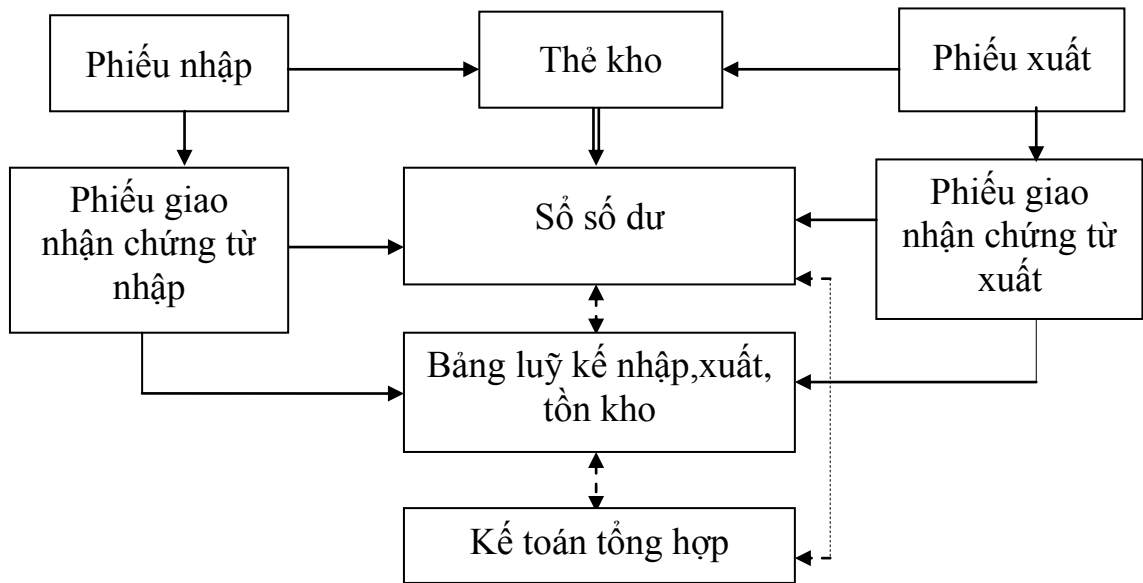
- Nguyên tắc: Ở kho theo dõi về mặt số lượng từng loại, phòng kế toán chi theo dõi về mặt giá trị của từng nhóm NVL.

- Ở kho: Hàng ngày hoặc định kỳ ghi thẻ kho xong, thủ kho tập hợp toàn bộ chứng từ nhập, xuất kho phát sinh trong ngày, trong kỳ và phân loại theo từng nhóm NVL theo qui định, sau đó lập phiếu giao nhận chứng từ trong đó ghi số lượng, số hiệu chứng từ của từng nhóm NVL, (lập 01 bản chứng từ nhập, 01 bản chứng từ xuất) và giao cho kế toán kèm phiếu nhập, phiếu xuất. Cuối tháng căn cứ vào thẻ kho đã được kế toán kiểm tra ghi số lượng NVL tồn kho cuối tháng của từng danh điểm NVL vào sổ số dư, ghi xong thủ kho gửi về phòng kế toán để kiểm tra và tính thành tiền.

- Ở phòng kế toán: Định kì nhân viên phải xuống kho để hướng dẫn kiểm tra việc ghi chép thẻ kho của thủ kho và thu nhận chứng từ. Khi nhận chứng từ nhập xuất NVL ở kho kế toán kiểm tra chứng từ ghi giá hạch toán và tính thành tiền cho chứng từ. Tổng cộng số tiền của các chứng từ nhập xuất kho theo từng nhóm NVL và ghi cột số tiền trên phiếu giao nhận chứng từ. Căn cứ vào phiếu giao nhận chứng từ ghi số tiền vào bảng lũy kế nhập, xuất tồn kho NVL. Bảng này mở cho từng kho mỗi kho 01 tờ được ghi trên cơ sở các phiếu giao nhận chứng từ nhập xuất NVL, cuối tháng tính ra số tồn kho bằng tiền trên bảng lũy kế nhập xuất tồn kho. Số liệu tồn kho cuối tháng của từng nhóm NVL được dùng để đối chiếu với sổ số dư và đối chiếu với kế toán tổng hợp theo từng nhóm NVL.

Sơ đồ 1.3:

Kế toán chi tiết vật liệu theo phương pháp sổ số dư.



Ghi chú:

- > Ghi hàng ngày hoặc định kỳ
- ====> Ghi cuối tháng
- ←-----> Đối chiếu kiểm tra

-Ưu điểm: Phương pháp này tránh được việc ghi chép trùng lặp và dàn đều công việc ghi sổ trong kỳ nên không bị dồn công việc vào cuối kỳ.

-Nhược điểm: Sử dụng phương pháp này sẽ gặp nhiều khó khăn trong việc kiểm tra, đối chiếu và phát hiện sai sót.

-Điều kiện vận dụng: Thích hợp với những doanh nghiệp có nhiều danh điểm vật tư và số lần nhập xuất của mỗi loại nhiều, đồng thời nhân viên kế toán và thủ kho của doanh nghiệp phải có trình độ chuyên môn cao.

1.3.3: Tổ chức kế toán tổng hợp nguyên vật liệu.

Để hạch toán NVL nói riêng và các loại hàng tồn kho khác nói chung kế toán có thể áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên hoặc kiểm kê định kỳ. Việc sử dụng phương pháp nào tùy thuộc vào đặc điểm kinh doanh của Doanh nghiệp và phụ thuộc vào yêu cầu của công tác quản lý và trình độ cán bộ kế toán cũng như vào quy định của chế độ kế toán hiện hành.

1.3.3.1: Hạch toán tổng hợp NVL theo phương pháp kê khai thường xuyên

Khái niệm:

Phương pháp kê khai thường xuyên (perpetual inventory method) là phương pháp theo dõi và phản ánh tình hình hiện có, biến động tăng giảm hàng tồn kho một cách thường xuyên, liên tục trên các tài khoản phản ánh từng loại hàng tồn kho.

Đặc điểm:

Phương pháp này có độ chính xác cao và cung cấp thông tin về hàng tồn kho một cách kịp thời, cập nhật theo phương pháp này tại bất kỳ thời điểm nào kế toán cũng có thể xác định được lượng nhập, xuất, tồn cho từng loại hàng tồn kho. Tuy nhiên với những Doanh nghiệp có nhiều chủng loại vật tư, hàng hóa có giá trị thấp, thường xuyên xuất dùng, xuất bán mà áp dụng phương pháp này sẽ mất nhiều công sức.

Tài khoản sử dụng:

❖ 152_ Tài khoản nguyên liệu, vật liệu

Tài khoản này dùng để phản ánh giá trị hiện có và tình hình biến động tăng giảm của các loại NVL theo giá thực tế, có thể mở chi tiết cho từng loại, nhóm... tùy theo yêu cầu quản lý và phương tiện tính toán.

Kết cấu:

Bên nợ:

- Trị giá thực tế của NVL nhập kho mua ngoài, tự chế, thuê ngoài gia công, chế biến, nhận góp vốn liên doanh hoặc từ các nguồn khác.
- Trị giá nguyên vật liệu thừa phát hiện khi kiểm kê.

Bên có:

- Trị giá thực tế của NVL xuất kho dùng vào sản xuất, kinh doanh, để bán, thuê ngoài gia công chế biến, góp vốn liên doanh.
- Trị giá nguyên vật liệu thiếu hụt phát hiện khi kiểm kê.
- Trị giá nguyên vật liệu trả lại người bán hoặc được giảm giá hàng mua.
- Chiết khấu thương mại nguyên vật liệu, vật liệu khi mua được hưởng

Dư nợ cuối kỳ:

- Trị giá thực tế của nguyên liệu, vật liệu tồn kho cuối kỳ.

❖ 151_Tài khoản hàng mua đang đi trên đường

Tài khoản này dùng để theo dõi các loại nguyên vật liệu, hàng hóa, công cụ dụng cụ...mà Doanh nghiệp đã mua hoặc chấp nhận mua, đã thuộc quyền sở hữu của Doanh nghiệp nhưng cuối tháng chưa về kho (kể cả số đang gửi ở kho người bán).

Kết cấu:

Bên nợ:

-Trị giá hàng mua đang đi đường phát sinh tăng.

Bên có:

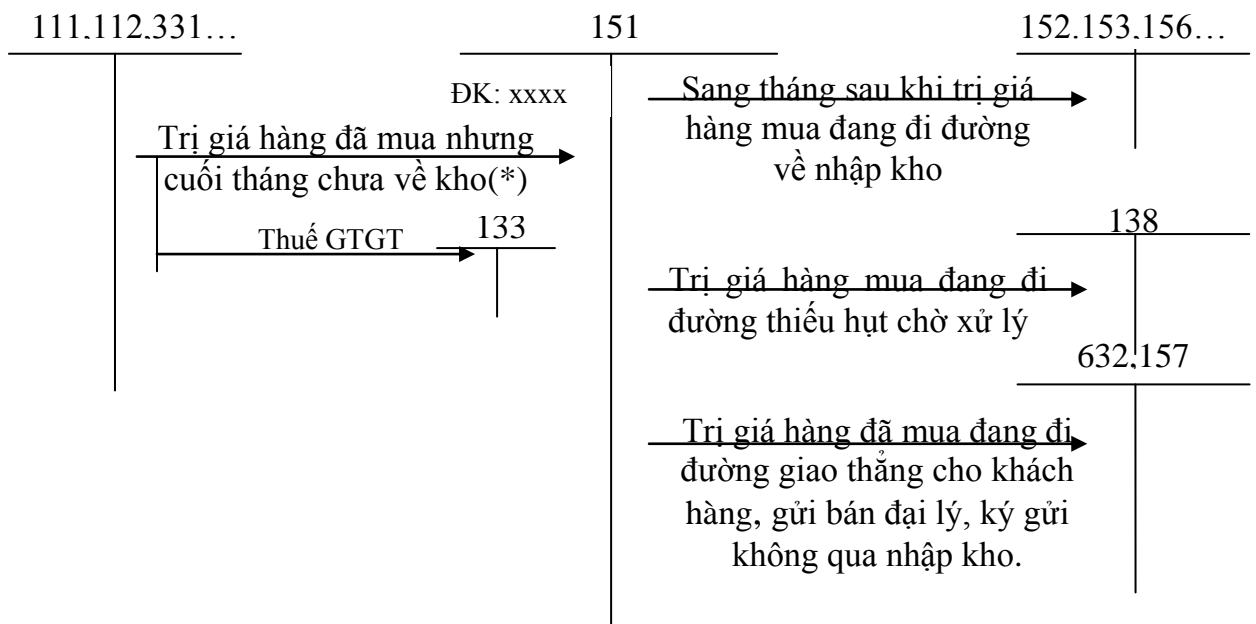
-Trị giá hàng mua đang đi đường phát sinh giảm.

Dư nợ cuối kỳ:

-Trị giá hàng mua đang đi đường cuối kì.

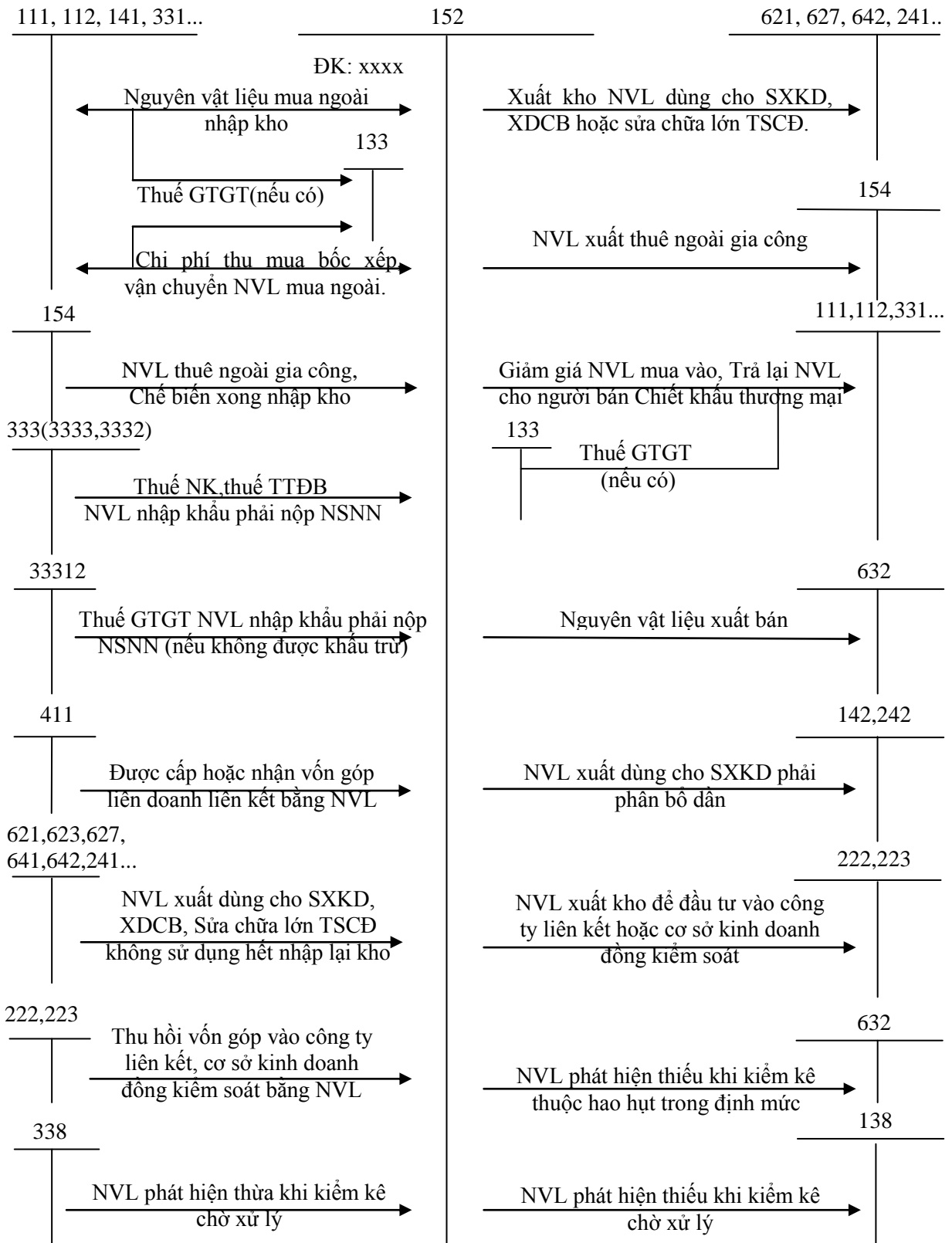
Sơ đồ 1.4:

Kế toán hàng mua đang đi đường theo phương pháp kê khai thường xuyên.



Sơ đồ 1.5:

Kế toán nguyên vật liệu theo phương pháp kê khai thường xuyên.



1.3.3.2: Kế toán tổng hợp nguyên vật liệu theo phương pháp kiểm kê định kỳ.

Khái niệm:

Phương pháp kiểm kê định kỳ (periodic inventory method) là phương pháp không theo dõi một cách thường xuyên liên tục về tình hình biến động của các vật tư, hàng hóa, sản phẩm trên các tài khoản phản ánh từng loại hàng tồn kho mà chỉ phản ánh giá trị tồn kho đầu kỳ và cuối kỳ của chúng trên cơ sở kiểm kê cuối kỳ, xác định lượng tồn kho thực tế và lượng xuất dùng cho sản xuất kinh doanh và các mục đích khác.

Đặc điểm:

Độ chính xác của phương pháp này không cao mặc dù tiết kiệm công sức ghi chép và nó chỉ thích hợp với các đơn vị kinh doanh với chủng loại hàng hóa, vật tư khác nhau, giá trị thấp, thường xuyên xuất dùng xuất bán.

Tài khoản sử dụng:

❖ 611_ Mua hàng.

Dùng để theo dõi tình hình thu mua tăng, giảm nguyên vật liệu theo giá thực tế (giá mua và chi phí thu mua). Trị giá NVL, hàng hoá mua vào bao gồm giá mua các loại thuế không được hoàn lại, chi phí thu mua hàng hoá như chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến mua vật tư, hàng hoá. Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất được trừ khỏi chi phí mua vật tư, hàng hoá. Trường hợp hàng hoá dịch vụ mua vào dùng vào SXKD hàng hoá, dịch vụ chịu thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp, hoặc NVL hàng hoá mua vào dùng cho SXKD hàng hoá dịch vụ mua vào không thuộc diện chịu thuế GTGT theo qui định của luật thuế GTGT thì trị giá thực tế của hàng mua vào bao gồm cả thuế GTGT.

Kết cấu:

Bên nợ:

- Kết chuyển giá trị thực tế của nguyên vật liệu tồn kho đầu kỳ theo kết quả kiểm kê.
- Trị giá thực tế của nguyên vật liệu mua vào trong kỳ.

Bên có:

- Phản ánh giá thực tế nguyên vật liệu xuất sử dụng, thiếu hụt ...trong kỳ .
- Kết chuyển giá trị thực tế của nguyên vật liệu tồn kho cuối kỳ theo kết quả kiểm kê.

Tài khoản 611 cuối kỳ không có số dư và thường được mở chi tiết cho từng loại vật tư hàng hóa.

❖ 152_Nguyên liệu, vật liệu

Dùng để theo dõi giá trị thực tế nguyên vật liệu tồn kho, chi tiết theo từng loại.

Kết cấu:

Bên nợ:

- Nhập kho nguyên vật liệu.
- Trị giá nguyên vật liệu thừa phát hiện khi kiểm kê.
- Kết chuyển trị giá thực tế nguyên vật liệu tồn kho cuối kỳ.

Bên có:

- Xuất nguyên vật liệu trong kì.
- Trị giá nguyên vật liệu trả lại người bán hoặc được giảm giá.
- Trị giá nguyên vật liệu thiếu hụt phát hiện khi kiểm kê.
- Kết chuyển trị giá thực tế nguyên vật liệu tồn kho đầu kỳ.

Dư nợ cuối kỳ:

- Trị giá nguyên vật liệu tồn kho cuối kỳ.

❖ 151_Hàng mua đang đi đường.

Dùng để phản ánh giá trị số hàng mua (đã thuộc sở hữu của đơn vị) nhưng đang đi đường hay đang gửi tại kho người bán. Chi tiết theo từng loại hàng, từng người bán.

Kết cấu:

Bên nợ:

- Trị giá hàng mua đang đi đường phát sinh tăng.
- Kết chuyển trị giá thực tế của nguyên vật liệu, hàng hóa đang đi trên đường cuối kỳ.

Bên có:

- Trị giá hàng mua đang đi đường về nhập kho.
- Kết chuyển trị giá thực tế của hàng hóa, vật tư đang đi đường đầu kỳ.

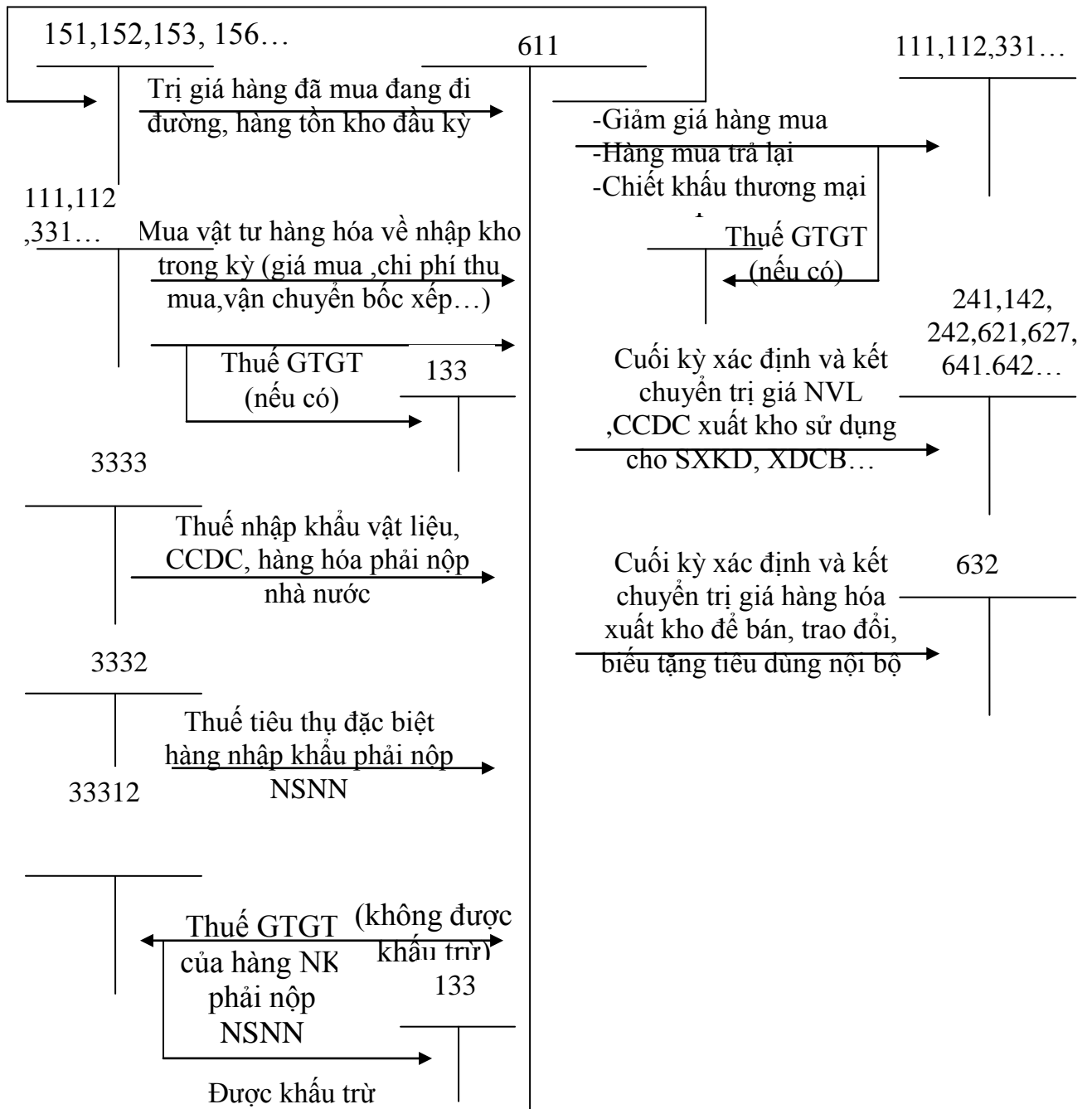
Dư nợ cuối kỳ:

- Trị giá hàng mua đang đi đường cuối kỳ.

Sơ đồ 1.6:

Kế toán tổng hợp nguyên vật liệu theo phương pháp kiểm kê định kỳ.

Trị giá hàng mua đang đi đường, hàng tồn kho...cuối kì



1.3.3.3: Hình thức sổ sách kế toán tổng hợp nguyên vật liệu.

○ Hình thức nhật ký chung

+Nguyên tắc, đặc trưng cơ bản:

Tất cả các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh đều phải ghi vào sổ Nhật ký mà trọng tâm là sổ Nhật ký chung, theo trình tự thời gian phát sinh và theo nội dung kinh tế (định khoản kế toán). Sau đó lấy số liệu trên các sổ Nhật ký để ghi vào Sổ cái theo từng nghiệp vụ phát sinh.

Các loại sổ chủ yếu:

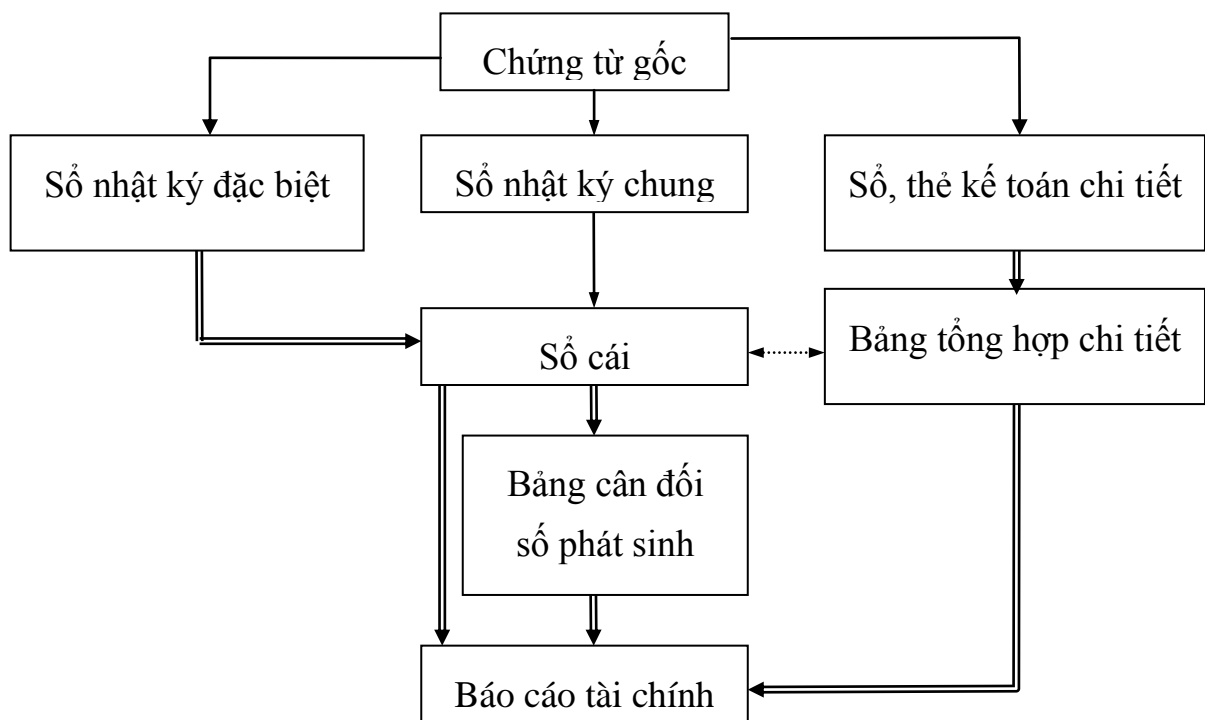
- Sổ nhật ký chung; Sổ nhật ký đặc biệt.

- Sổ cái.

- Các sổ kế toán chi tiết (thẻ nếu có).

+Trình tự ghi sổ kế toán:

Sơ đồ 1.7



Ghi chú:

- Ghi hàng ngày hoặc định kỳ
- ⇒ Ghi cuối tháng
- ⇔ Đối chiếu kiểm tra

+Ưu nhược điểm:

Ưu điểm: Thuận lợi đối chiếu kiểm tra chi tiết theo từng chứng từ gốc và tiện cho việc sử dụng kế toán máy tính.

Nhược điểm: Ghi một số nghiệp vụ còn trùng lặp. Vì vậy, phải loại bỏ số liệu trùng đó mới được vào sổ cái.

- Hình thức Nhật ký - Sổ cái

+Đặc trưng cơ bản:

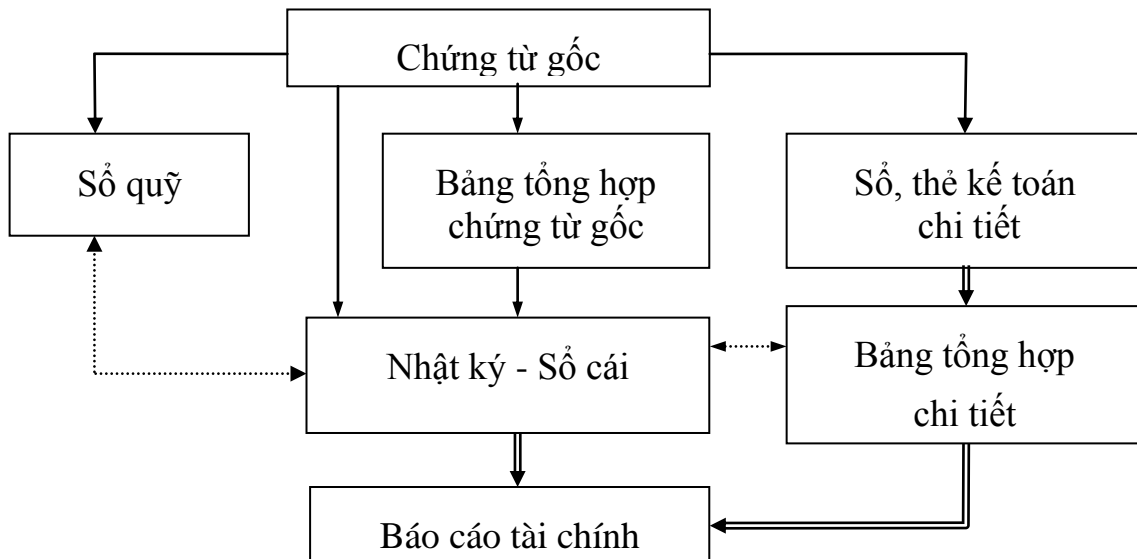
Các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh được kết hợp ghi chép theo trình tự thời gian và theo nội dung kinh tế (tài khoản kế toán) trên cùng một quyển sổ kế toán tổng hợp duy nhất là Nhật ký - Sổ cái. Căn cứ để ghi vào sổ Nhật ký – Sổ cái là các chứng từ kế toán hoặc Bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại.

Các loại sổ kế toán:

- Nhật ký - sổ cái.
- Các sổ, thẻ kế toán chi tiết.

+Trình tự ghi sổ kế toán.

Sơ đồ 1.8:



Ghi chú:

- Ghi hàng ngày hoặc định kỳ
- ⇒ Ghi cuối tháng
- ↔ Đối chiếu kiểm tra

+Ưu nhược điểm:

Ưu điểm: Dễ kiểm tra đối chiếu. Hình thức này áp dụng thích hợp ở những đơn vị kế toán nhỏ, NVKTPS ít, nội dung đơn giản, sử dụng ít tài khoản kế toán, số người làm kế toán ít như: Doanh nghiệp tư nhân, các ban quản lý.

Nhược điểm: Không áp dụng được ở những đơn vị kế toán vừa và lớn, có nhiều NVKTPS, phức tạp, sử dụng nhiều TK kế toán, kết cấu sổ kế toán sẽ nhiều, không cho nhiều người sử dụng cùng một lúc. Hệ thống sổ tổng hợp tách rời với hệ thống sổ chi tiết, do đó gây khó khăn trong việc làm báo cáo kế toán.

○ Hình thức Chứng từ ghi sổ

+Đặc trưng cơ bản:

Căn cứ trực tiếp để ghi sổ kế toán tổng hợp là “Chứng từ ghi sổ”. Việc ghi sổ kế toán tổng hợp bao gồm:

+Ghi theo trình tự thời gian trên Sổ đăng ký chứng từ ghi sổ.

+Ghi theo nội dung kinh tế trên Sổ cái.

Chứng từ ghi sổ do kế toán lập trên cơ sở chứng từ kế toán hoặc Bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại, cùng nội dung kinh tế.

Chứng từ ghi sổ được đánh số hiệu liên tục trong từng tháng hoặc cả năm (theo số thứ tự trong Sổ đăng ký chứng từ ghi sổ) và có chứng từ kế toán đính kèm, phải được kế toán trưởng duyệt trước khi ghi sổ kế toán.

Các loại sổ kế toán:

-Chứng từ ghi sổ.

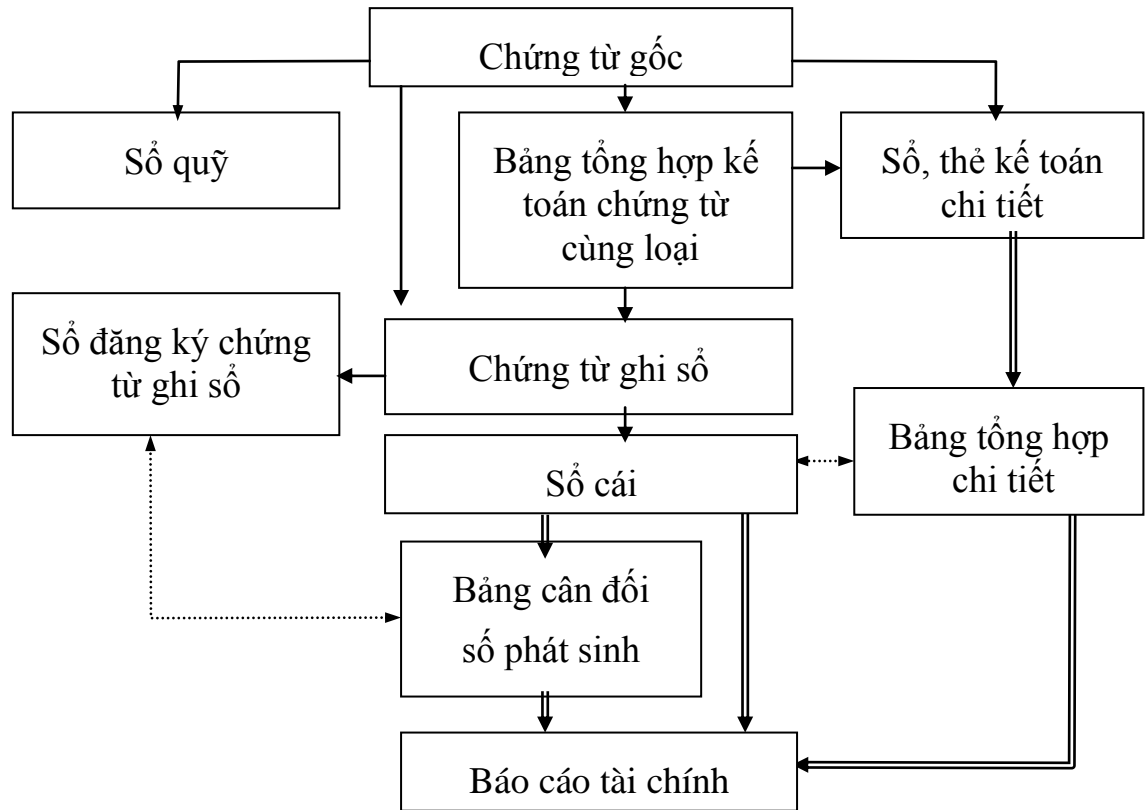
- Sổ đăng ký chứng từ ghi sổ.

- Sổ cái.

- Các sổ, thẻ kế toán chi tiết.

+Trình tự ghi sổ kế toán.

Sơ đồ 1.9



Ghi chú:

- Ghi hàng ngày hoặc định kỳ
- ⇒ Ghi cuối tháng
- ↔ Đối chiếu kiểm tra

+Ưu nhược điểm:

Ưu điểm: Dễ kiểm tra, đối chiếu, công việc kế toán được phân đều trong tháng. Hình thức này phù hợp với mọi loại hình quy mô đơn vị SXKD và hành chính sự nghiệp. Thuận lợi cho việc sử dụng kế toán máy tính.

Nhược điểm: Ghi chép trùng lặp, tăng số lượng ghi chép, dễ nhầm, nhiều sổ, thường xuyên đối chiếu hàng tháng, sai sót phải sửa chữa trên nhiều sổ.

- Hình thức Nhật ký chứng từ

+Đặc trưng cơ bản.

-Tập hợp và hệ thống hoá các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo bên Có của các tài khoản. Kết hợp với việc phân tích các nghiệp vụ kinh tế đó theo các tài khoản đối ứng Nợ.

-Kết hợp chặt chẽ việc ghi chép các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo trình tự thời gian với việc hệ thống hoá các nghiệp vụ theo nội dung kinh tế (theo tài khoản).

-Kết hợp rộng rãi việc hạch toán tổng hợp với hạch toán chi tiết trên cùng một sổ kế toán và trong cùng một quá trình ghi chép.

-Sử dụng các mẫu sổ in sẵn các quan hệ đối ứng tài khoản, chỉ tiêu quản lý kinh tế, tài chính và lập báo cáo tài chính.

Các loại sổ sách kế toán:

-Nhật ký chứng từ.

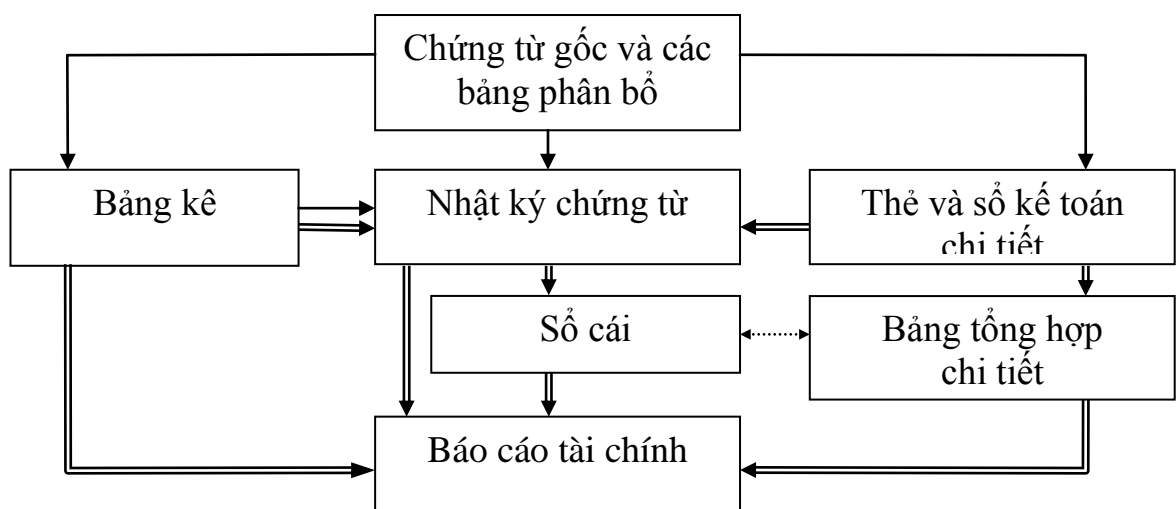
-Bảng kê.

-Sổ cái.

-Sổ hoặc thẻ kế toán chi tiết.

+Trình tự ghi sổ kế toán.

Sơ đồ 1.10:



Ghi chú:

→ Ghi hàng ngày hoặc định kỳ

⇔ Ghi cuối tháng

⇢ Đối chiếu kiểm tra

+Ưu nhược điểm:

Ưu điểm: Giảm bớt ghi chép hàng ngày, nâng cao NSLĐ của kế toán. Thuận lợi việc lập báo cáo Tài chính. Dễ chuyên môn hoá công việc kế toán.

Nhược điểm: Không tiện cho việc sử dụng kế toán máy tính. Không phù hợp với các đơn vị có quy mô nhỏ, ít nghiệp vụ kinh tế phát sinh..

- Hình thức kế toán trên máy vi tính

+Đặc trưng cơ bản.

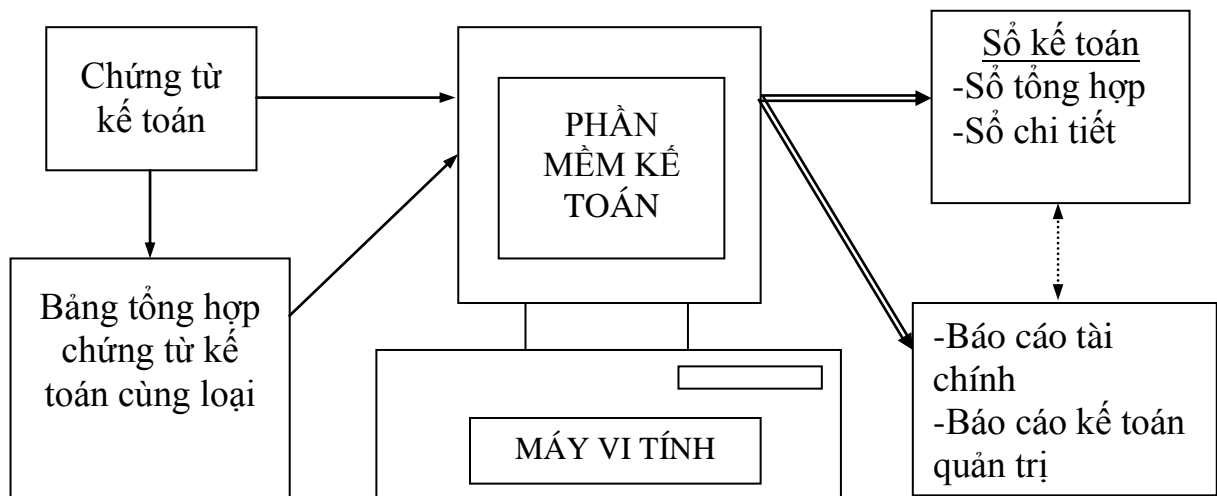
Công việc kế toán được thực hiện theo một chương trình phần mềm kế toán trên máy vi tính. Phần mềm kế toán được thiết kế theo nguyên tắc của một trong bốn hình thức kế toán quy định trên đây. Phần mềm kế toán không hiển thị đầy đủ quy trình ghi sổ kế toán, nhưng phải in được đầy đủ sổ kế toán và báo cáo tài chính theo quy định.

Các loại sổ sách:

Phần mềm kế toán được thiết kế theo hình thức kế toán nào sẽ có các loại sổ của hình thức kế toán đó nhưng không hoàn toàn giống mẫu sổ kế toán ghi bằng tay.

+Trình tự ghi sổ kế toán.

Sơ đồ 1.11:



Ghi chú:

- Nhập số liệu hàng ngày
- ==> In sổ, báo cáo cuối tháng, cuối năm
- ←.....> Đối chiếu kiểm tra

Ưu điểm: Giúp công tác kế toán dễ dàng thuận tiện hơn, đẩy nhanh tiến độ làm việc xử lý thông tin kịp thời, chính xác.

Nhược điểm: Đòi hỏi nhân viên kế toán phải có trình độ sử dụng các phần mềm kế toán.

1.3.4: Kiểm kê nguyên vật liệu

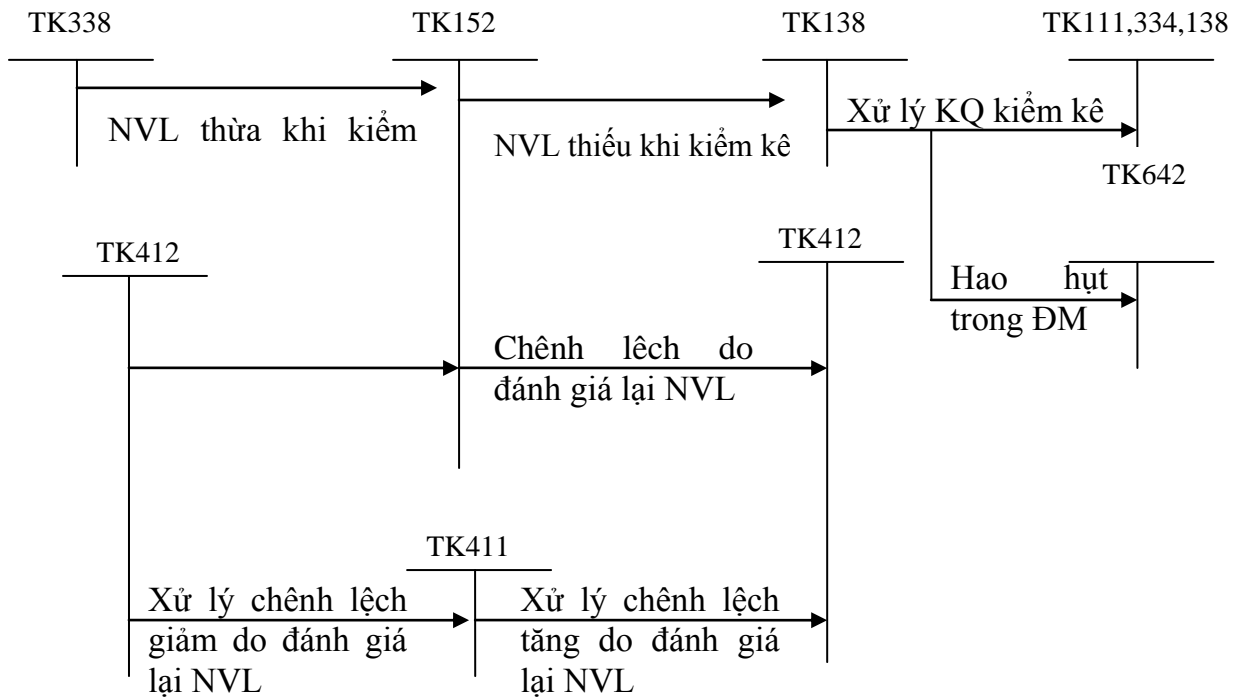
-Kiểm kê NVL tồn kho là nhằm xác định số lượng, chất lượng, giá trị từng loại NVL hiện có của Doanh nghiệp, kiểm tra tình hình bảo quản nhập xuất và sử dụng NVL, phát hiện và xử lý kịp thời những NVL hao hụt, hư hỏng, ứ đọng kém phẩm chất, ngăn ngừa hiện tượng tham ô, lãng phí NVL. Có biện pháp xử lý kịp thời những hiện tượng tiêu cực nhằm chấn chỉnh và đưa vào nề nếp công tác hạch toán NVL ở Doanh nghiệp.

- Đánh giá lại NVL thường được thực hiện trong các trường hợp nhà nước quy định nhằm đảm bảo vốn kinh doanh khi có sự biến động lớn về giá cả và đem NVL đi góp vốn liên doanh.

- Tùy theo yêu cầu quản lý, kiểm kê NVL có thể được thực hiện theo phạm vi từng bộ phận, đơn vị hoặc toàn Doanh nghiệp, kiểm kê định kì hoặc kiểm kê bất thường.

- Khi kiểm kê Doanh nghiệp phải lập hội đồng, hoặc ban kiểm kê phải có thành phần của ban lãnh đạo những người chịu trách nhiệm về bảo quản NVL, phòng kế toán và cán bộ quản lý doanh nghiệp khi kiểm kê phải thực hiện cân đong đo đếm và phải lập biên bản kiểm kê, xác định chênh lệch giữa số liệu kiểm kê và số liệu ghi trong sổ sách kế toán, đề xuất ý kiến xử lý khoản chênh lệch.

Sơ đồ 1.12: Kiểm kê đánh giá lại nguyên vật liệu



CHƯƠNG II:

THỰC TRẠNG TỔ CHỨC KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU TẠI CÔNG TY TNHH MTV XÂY LẮP & VẬT LIỆU XÂY DỰNG V

2.1: Tổng quan về Công ty TNHH MTV Xây lắp và VLXD V.

2.1.1. Giới thiệu sơ lược về Công ty.

Công ty TNHH MTV Xây lắp & Vật liệu Xây dựng V có trụ sở giao dịch chính tại:

Số 5/226 Đường Lê Lai - Phường Máy Chai - Ngô Quyền - Hải Phòng.

MST: 0200128254

Điện thoại : 031.3768076/3827005

Fax : 031.3767010

E- mail : xlptm5@vnn.vn

Website : www.cimoftrade.com

2.1.2. Quá trình hình thành và phát triển của Công ty.

Công ty TNHH MTV Xây lắp và Vật liệu Xây dựng V - Bộ Công Thương được thành lập theo Quyết định số 3440/QĐ-BTC do Bộ trưởng Bộ Công Thương ký ngày 29/06/2012 chuyển đổi Công ty Xây lắp và Vật liệu Xây dựng V (Doanh nghiệp Nhà nước) được thành lập trên cơ sở hợp nhất Công ty Xây lắp & VLXD V và Công ty Xây lắp Ngoại thương Hải Phòng ngày 10/3/1995 theo Quyết định số 157/TM-TCCB của Bộ trưởng Bộ Thương mại. Bản thân các Công ty Xây lắp & VLXD V và Công ty Xây lắp Ngoại thương Hải Phòng nguyên là các Công ty trực thuộc Bộ Nội thương và Bộ Ngoại thương cũ mà tiền thân là các công trường xây dựng thuộc Cục Kiến thiết cơ bản của Bộ Nội thương cũ, chuyên làm nhiệm vụ thi công các công trình xây dựng kho tàng, cửa hàng, cơ sở vật chất của Bộ chủ quản. Khi chuyển sang cơ chế thị trường, xoá bỏ bao cấp và chế độ phân phối trước đây, các Công ty này không còn được giao kế hoạch xây dựng hàng năm nữa mà phải tự bươn chải theo cơ chế thị trường. Với khả năng thích ứng của các Công ty đã từng hoạt động trong lĩnh vực thương mại, cả hai Công ty đều tự tìm cho mình lối đi riêng phù hợp với tình hình mới và đều đứng vững trong

cơ chế thị trường. Tuy nhiên từ sau năm 1991, sau khi Liên Xô tan rã, các nguồn cung ứng vật tư nói chung và vật liệu xây dựng nói riêng bị hạn chế, tốc độ phát triển công trình xây dựng bị chững lại và trong điều kiện bị cạnh tranh quyết liệt thì cả hai Công ty đều gặp không ít khó khăn. Đến năm 1995, sau khi ba Bộ là Bộ Nội thương, Bộ Ngoại thương và Bộ Vật tư hợp nhất thành Bộ Thương mại, để thống nhất về tổ chức và cũng để tăng cường sức mạnh của các đơn vị trực thuộc Bộ, Bộ trưởng Bộ Thương mại đã ra Quyết định hợp nhất hai Công ty cùng chức năng nhiệm vụ và cùng đóng trên địa bàn thành phố Hải Phòng thành một Công ty trực thuộc Bộ thương mại (nay là Bộ Công Thương).

Sau khi có Quyết định hợp nhất hai Công ty thành một đơn vị, do Bộ Thương mại phải tập trung giải quyết các vấn đề tồn tại của ba Bộ để lại và nỗ lực thực hiện nhiệm vụ chính trị mà Đảng và Nhà nước giao cho trong tình hình thế giới có nhiều diễn biến phức tạp nên Bộ cũng không có điều kiện quan tâm nhiều đến Công ty. Thời gian này thị trường xây dựng bị thu hẹp, việc thanh toán tiền các công trình xây dựng hoàn thành bị chậm trễ, kéo dài, thậm chí bị thất thoát vốn nên giai đoạn từ năm 1995 đến đầu năm 1998 là giai đoạn cực kỳ khó khăn của Công ty. SXKD không phát triển, làm ăn thua lỗ, đời sống người lao động gặp nhiều khó khăn, một số lao động lành nghề, có kỹ thuật bỏ Công ty ra ngoài làm việc, Công ty cũng không có điều kiện đầu tư mua sắm phương tiện máy móc kỹ thuật và đổi mới công nghệ nên trình độ khoa học công nghệ của Công ty bị lạc hậu so với một số đơn vị khác, khả năng cạnh tranh thấp và thiếu việc làm.

Đến tháng 4/1998, Bộ Thương mại quyết định tổ chức sắp xếp lại Công ty, thay đổi Giám đốc Công ty và kiện toàn lại bộ máy lãnh đạo và quản lý của Công ty theo hướng gọn nhẹ, hiệu quả. Sau khi ổn định tổ chức với bộ máy mới, Công ty đã tổ chức lại hoạt động SXKD, bố trí mạng lưới phù hợp, tìm kiếm mở rộng thị trường, khai thác mọi tiềm năng sẵn có của công việc và mở mang các quan hệ mới, động viên tinh thần và sức lực của toàn thể cán bộ công nhân viên, thổi vào Công ty một không khí lao động mới tự tin và hồ

hời. Công ty cũng đã mạnh dạn vay vốn ngân hàng và huy động các nguồn vốn khác để đầu tư mua sắm máy móc thiết bị xây dựng mới, trang thiết bị làm việc và đổi mới công nghệ. Nhờ các biện pháp đồng bộ mà từ năm 1998 đến nay, hoạt động SXKD của Công ty không ngừng phát triển với doanh thu và lợi nhuận năm sau cao hơn năm trước, thu nhập của CBCNV ngày càng tăng và đời sống người lao động ngày càng được cải thiện và nâng cao, đóng góp đáng kể các khoản trích nộp vào ngân sách Nhà nước.

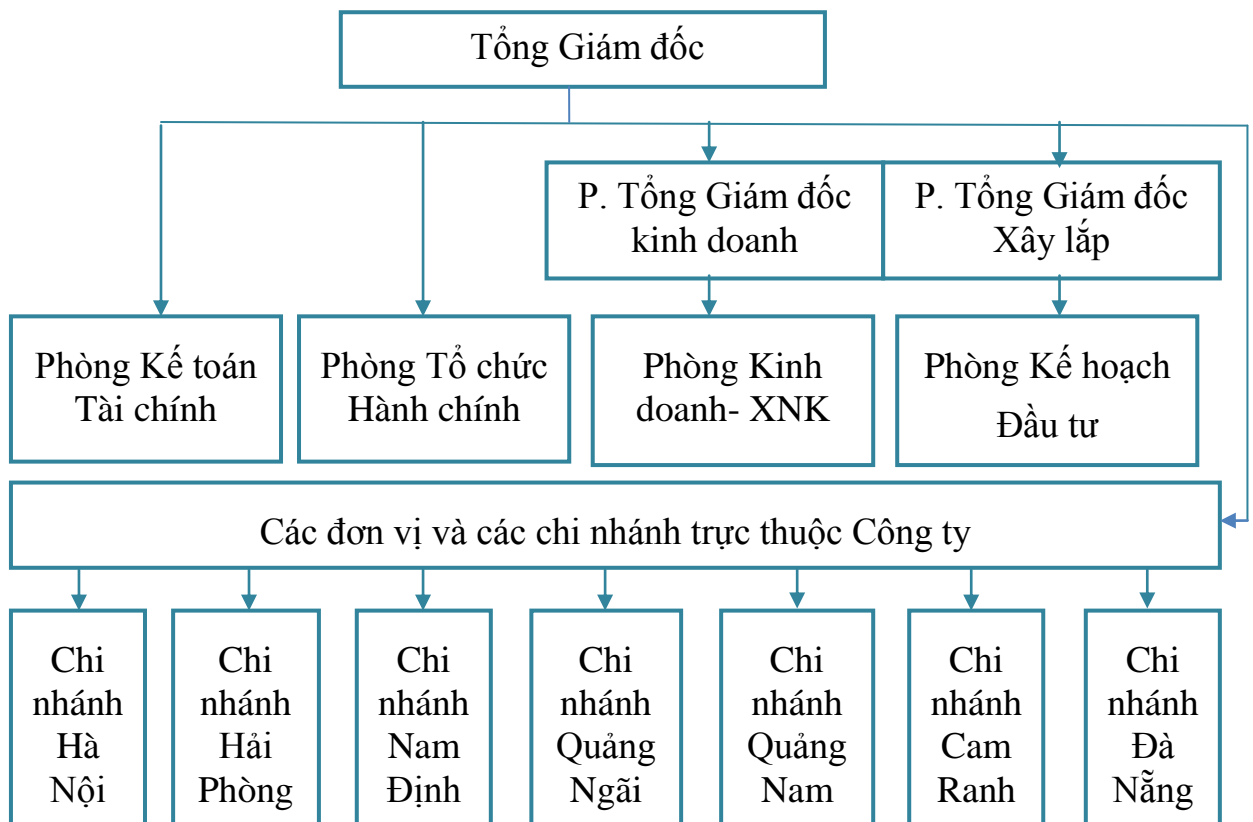
Hiện nay, Công ty TNHH MTV Xây lắp và Vật liệu xây dựng V là Doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước, trực thuộc Bộ Công Thương.

2.1.3. Đặc điểm mô hình tổ chức bộ máy quản lý.

Để quản lý điều hành mọi hoạt động SXKD, các doanh nghiệp phải tổ chức bộ máy quản lý tùy thuộc vào qui mô, loại hình doanh nghiệp mà thành lập ra các bộ phận quản lý thích hợp gọi là cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý, bộ máy quản lý của Công ty được tổ chức theo cơ cấu trực tuyến chức năng.

Cơ cấu bộ máy sản xuất của Công ty được thể hiện ở sơ đồ sau:

Sơ đồ 2.1: Bộ máy tổ chức:



Chức năng và nhiệm vụ của các phòng ban:

- Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm trước Bộ Thương mại (nay là Bộ Công thương) và Nhà nước về toàn bộ hoạt động SXKD của Công ty.

- Phòng Kế toán Tài chính: Có nhiệm vụ ghi chép, hạch toán các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong quá trình hoạt động SXKD của doanh nghiệp, tham mưu và tổ chức hạch toán toàn bộ hoạt động kế toán tài chính của Công ty, dưới phòng Kế toán có các Tổ kế toán tại các đơn vị trực thuộc, lập báo cáo tài chính trình cấp trên.

- Phòng Tổ chức hành chính: tham mưu và tổ chức công tác cán bộ và đào tạo cán bộ, tổ chức mạng lưới, công tác lao động tiền lương, tổ chức khen thưởng, giải quyết theo chế độ chính sách của người lao động, bảo vệ, quân sự, đón tiếp khách hàng cung cấp văn phòng phẩm và các phong trào đời sống của cán bộ công nhân viên của Công ty.

- Phòng Kinh doanh Xuất nhập khẩu: tham mưu cho Giám đốc về công tác điều hành hoạt động kinh doanh XNK của toàn Công ty và trực tiếp thực hiện các nghiệp vụ kinh doanh.

- Phòng Kế hoạch Đầu tư: Tham mưu về công tác kế hoạch của Công ty, trực tiếp quản lý công tác xây lắp của Công ty.

Tham mưu cho Giám đốc về công tác xây dựng, lập Dự án và phê duyệt Dự án, trực tiếp quản lý các dự án đã được phê duyệt và triển khai thực hiện.

- Công ty gồm có 07 Chi nhánh hoạt động tại các tỉnh, thành phố như: Hà Nội, Nam Định, Hải Phòng, Quảng Ngãi, Quảng Nam, Cam Ranh (Khánh Hòa), Đà Nẵng. Đang hướng tới sẽ mở thêm các Chi nhánh mới tại thành phố Hồ Chí Minh.

Các đơn vị trên hoạt động theo chức năng nhiệm vụ được Công ty giao cụ thể cho từng đơn vị, trên cơ sở pháp luật và các quy định quản lý của Nhà nước, các quy định công tác quản lý tài chính, quản lý nghiệp vụ, về phân cấp quản lý và chế độ trách nhiệm của Công ty.

2.1.4. Đặc điểm sản phẩm, quy trình công nghệ và tổ chức sản xuất kinh doanh.

- Chức năng chủ yếu là sản xuất và kinh doanh vật liệu xây dựng, thi công các công trình xây dựng công nghiệp và dân dụng.

- Lâm trường Trà Bồng - Quảng Ngãi làm nhiệm vụ trồng rừng nguyên liệu cho Nhà máy Chế biến Dăm gỗ của Công ty và trồng rừng phòng hộ cho Nhà nước theo chương trình 661 của Chính phủ về trồng mới 5 triệu ha rừng.

- Công ty có hệ thống các Cửa hàng bán lẻ VLXD; các công trường XD thi công các công trình mà Công ty ký hợp đồng với các nhà đầu tư.

- Xuất khẩu hàng nông, lâm, thổ sản (dưới dạng thô hoặc đã qua chế biến). Dăm gỗ dùng làm nguyên liệu cho ngành công nghiệp giấy. Thiết bị chiếu sáng (tiêu chuẩn Châu Âu). Thiết bị trang trí nội thất, hàng tiêu dùng.

- Nhập khẩu: Nguyên vật liệu dùng cho ngành xây dựng và trang trí nội thất. Máy móc, thiết bị cho sản xuất và tiêu thụ nội địa. Điện, điện tử và hàng tiêu dùng. Nguyên liệu, phụ tùng phục vụ công tác chế biến và sản xuất.

- Dịch vụ thương mại: Nhận uỷ thác xuất nhập khẩu, chuyên khẩu các mặt hàng được Nhà nước cho phép hoặc các mặt hàng xuất nhập khẩu theo Quy định riêng của Bộ Công thương. Đại lý, nhà phân phối cho các Doanh nghiệp trong và ngoài nước.

Ngoài ra, Công ty còn phát triển thêm các lĩnh vực khác như: sản xuất và lắp ráp thiết bị chiếu sáng, nuôi trồng và chế biến thủy sản, máy móc thiết bị xây dựng và phương tiện vận tải, khai thác đất đá cho sản xuất VLXD, sản xuất và gia công hàng tiêu dùng, vật liệu xây dựng, trang trí nội – ngoại thất... trở thành Công ty đa chức năng.

Địa bàn hoạt động của Công ty không chỉ bó hẹp trong phạm vi một số tỉnh thành phố lớn phía Bắc mà hầu như trải dài trên mọi miền đất nước đã và đang mở rộng thêm cả thị trường nước ngoài. Mạng lưới các đơn vị trực thuộc

cũng ngày càng được mở rộng hơn phù hợp với quy mô phát triển của doanh nghiệp.

2.2: Mô hình tổ chức và đặc điểm của bộ máy kế toán của Công ty TNHH MTV Xây lắp và Vật liệu xây dựng V.

2.2.1. Đặc điểm tổ chức bộ máy kế toán .

Bộ máy kế toán của Công ty TNHH Một thành viên Xây lắp và Vật liệu Xây dựng V được tổ chức theo hình thức vừa tập trung vừa phân tán. Đứng đầu bộ máy kế toán là đồng chí Kế toán trưởng kiêm Trưởng phòng kế toán. Tại Văn phòng Công ty Phòng Kế toán Tài chính chịu trách nhiệm tổ chức công tác hạch toán kế toán của Văn phòng Công ty, hướng dẫn kiểm tra công tác kế toán tại các đơn vị trực thuộc và tổng hợp số liệu báo cáo kế toán chung của toàn Công ty. Tại các đơn vị trực thuộc có các Tổ kế toán chịu trách nhiệm về công tác hạch toán và báo cáo kế toán của đơn vị và chịu sự chỉ đạo về chuyên môn của phòng Kế toán Công ty. Ngoài ra, các cửa hàng, công trường, xưởng sản xuất trực thuộc cũng bố trí cán bộ Kế toán để theo dõi quản lý dưới sự điều hành trực tiếp về chuyên môn của phòng Kế toán tài chính Công ty. Nhìn chung, bộ máy kế toán của Công ty được tổ chức theo hướng gọn nhẹ, có chuyên môn cao và hiểu biết khoa học kỹ thuật quản lý, có tính cơ động, có thể chuyển đổi các bộ phận kế toán với nhau, có khả năng tổng hợp và làm việc độc lập.

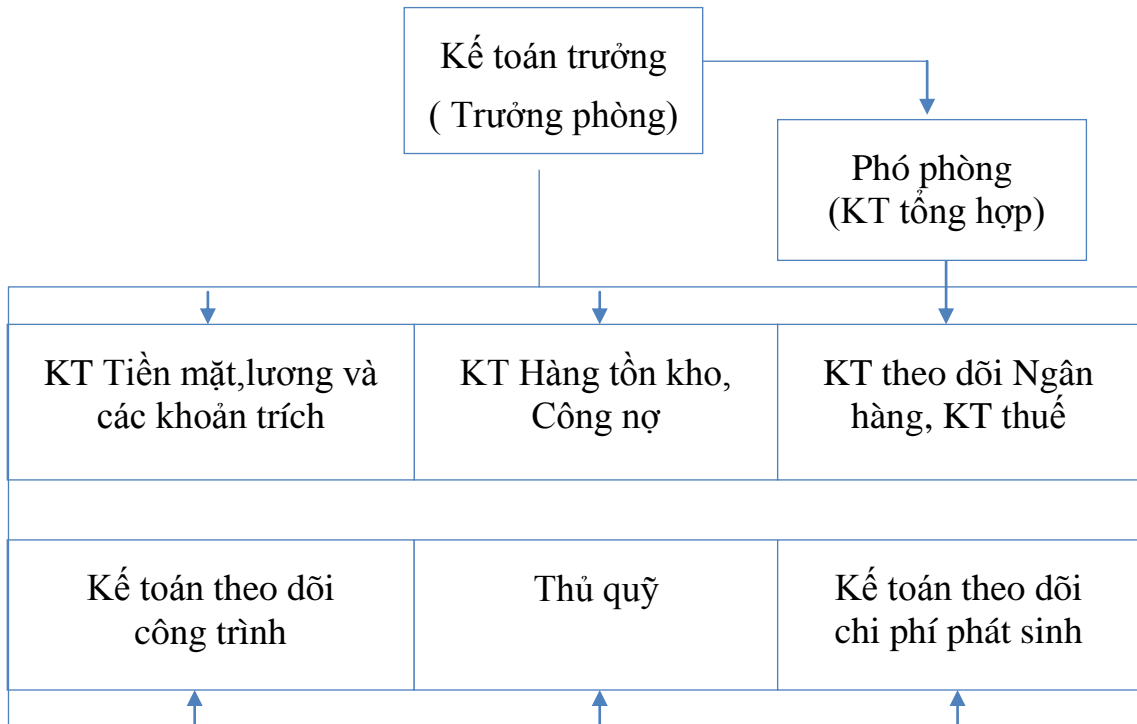
Hiện nay công ty đang áp dụng phương pháp quản lý trực tuyến chức năng, hình thức hạch toán kế toán theo phương pháp nhật ký chứng từ. Bộ máy kế toán bao gồm 8 người theo dõi trực tiếp toàn bộ hoạt động của Văn phòng Công ty và các đơn vị trực thuộc.

* Ưu, nhược điểm:

Bộ máy kế toán ở công ty được tổ chức hợp lý gọn nhẹ, tập trung nhưng vẫn phát huy được tính hiệu quả trong công việc. Việc phân công công tác không những phát huy được tính hiệu quả trong công việc, đáp ứng được yêu cầu

trong nền kinh tế thị trường mà nó còn phát huy được năng lực chuyên môn của từng Kế toán viên trong công ty.

Sơ đồ 2.2: Bộ máy kế toán như sau:



- Kế toán trưởng, trưởng phòng Kế toán Tài chính là người chỉ đạo chung công tác kế toán của phòng kế toán, chịu trách nhiệm trước Giám đốc Công ty và cấp trên về chấp hành luật pháp, thể lệ, chế độ kế toán tài chính hiện hành, về mọi số liệu về tài chính, hoạt động tài chính của toàn đơn vị. Kế toán trưởng là người kiểm tra tình hình hạch toán trong đơn vị, cung cấp các thông tin về tình hình tài chính một cách chính xác, kịp thời và toàn diện để ban Giám đốc đưa ra các quyết định đúng đắn, tạo cho Doanh nghiệp đạt hiệu quả cao trong hoạt động SXKD.

Ngoài trách nhiệm chung, Kế toán trưởng còn trực tiếp theo dõi tình hình thực hiện các dự án các công trình xây lắp của công ty theo dõi giá thành xây lắp của Văn phòng Công ty. Tập hợp các chi phí sản xuất và xây lắp của khối văn phòng công ty.

- Phó phòng KTTC: Kế toán tổng hợp, là người vào sổ cái các tài khoản đơn vị sử dụng đồng thời tổng hợp các số liệu kế toán của văn phòng công ty, và các đơn vị trực thuộc, lập báo cáo tài chính của đơn vị báo cáo Giám đốc Công ty và các cơ quan chức năng. Giúp Trưởng phòng theo dõi quản lý các nghiệp vụ kinh doanh, công tác XNK của đơn vị.

- Thủ quỹ, là người có nhiệm vụ trực tiếp quản lý thu, chi tiền mặt khi có chứng từ hợp lệ, cuối ngày đối chiếu với sổ quỹ của kế toán thanh toán để đảm bảo việc ghi sổ phản ánh số liệu phát sinh và tồn quỹ chính xác hàng ngày.

- Kế toán tiền mặt, kế toán lương, BHXH, chịu trách nhiệm mở sổ kế toán tiền mặt để ghi chép hàng ngày liên tục theo trình tự phát sinh các nghiệp vụ thu, chi quỹ, tính ra số tồn quỹ ở mọi thời điểm. Đồng thời dựa vào phiếu chấm công để tính toán lương và tính các khoản trích theo lương cho toàn doanh nghiệp.

- Kế toán theo dõi các nghiệp vụ ngân hàng và kế toán thuế; là người lập các chứng từ giao dịch qua ngân hàng trình kế toán trưởng, giám đốc duyệt, đi giao dịch với ngân hàng căn cứ vào chứng từ hợp pháp, hợp lệ vào sổ theo dõi tiền gửi, tiền vay, tiền ký quỹ ngân hàng rút số dư lập bảng kê giao nhận chứng từ giao dịch qua ngân hàng vào cuối ngày và vào nhật ký chứng từ. Định kỳ đối chiếu số dư với ngân hàng. Theo dõi kê khai và lập các báo cáo thuế chi tiết các khoản thuế của đơn vị.

- Kế toán công trình theo dõi tập hợp chi phí và tính giá thành sản phẩm cho các loại, các hạng mục công trình XD CB hoàn thành, dở dang.

- Kế toán Chi phí theo dõi phân tích các khoản chi phí phát sinh trong đơn vị hàng tháng, hàng quý lập báo cáo phân tích chi tiết và tổng hợp báo cáo công ty để Công ty kịp thời có biện pháp quản lý chi phí hợp lý.

- Kế toán kho, Kế toán công nợ, kế toán chi tiết tổng hợp nguyên liệu, vật liệu, nhận chứng từ nhập xuất từ kho đối chiếu với thẻ kho lập bảng kê giao nhận chứng từ vào thẻ kho đồng thời hạch toán. Tổng hợp theo dõi các

khoản công nợ phát sinh trực tiếp thường xuyên đối chiếu công nợ với các khách hàng và các đơn vị trực thuộc đơn đốc thu hồi công nợ.

Ngoài các nhiệm vụ chủ yếu được phân công các đồng chí kế toán còn trực tiếp xuống các công trình để quyết toán tham gia công tác tài chính kế toán của các đơn vị trực thuộc, để góp phần hoàn thiện công tác tổ chức kế toán tài chính của Công ty.

Các nhân viên kế toán ở các Xí nghiệp thành viên: hạch toán hoàn toàn phụ thuộc vào công ty. Kế toán đơn vị thành viên có nhiệm vụ thống kê, tập hợp chi phí phát sinh, theo dõi sự biến động của tài sản, vật tư, thành phẩm... Đến kỳ báo cáo theo qui định của Luật kế toán Tài chính và theo qui định của công ty, kế toán đơn vị lập các báo biểu gửi về Công ty để công ty tập hợp số liệu toàn Công ty, đồng thời qua đó biết được quá trình hoạt động sản xuất của đơn vị.

2.2.2: Hình thức chế độ kế toán áp dụng tại Công ty:

Công ty TNHH MTV Xây lắp & VLXD V - Bộ Thương mại thực hiện chế độ Kế toán Doanh nghiệp ban hành theo quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính do Bộ Tài chính ban hành.

- Hình thức sổ kế toán áp dụng: Nhật ký chứng từ.
- Niên độ kế toán bắt đầu từ 1/1 đến 31/12 hàng năm.
- Phương pháp nộp thuế GTGT: phương pháp khấu trừ.
- Báo cáo tài chính được lập bằng đồng Việt Nam (VNĐ) và theo quy ước giá gốc.
- Phương pháp kế toán TSCĐ:
 - Nguyên tắc xác định nguyên giá tài sản: Hạch toán theo giá mua.
 - Phương pháp khấu hao áp dụng: phương pháp đường thẳng.
 - Tỷ lệ khấu hao: Áp dụng theo QĐ 206/2003/QT-BTC ngày 12/12/2003.

-Phương pháp kế toán hàng tồn kho:

- Nguyên tắc đánh giá: theo giá gốc
- Phương pháp xác định giá trị hàng xuất kho: nhập trước xuất trước
- Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: kê khai thường xuyên.

- Phương pháp tính giá thành: phương pháp trực tiếp (giản đơn).

- Xác định doanh thu: Trên cơ sở hóa đơn đã phát hành và hàng xuất kho.

- Kỳ hạch toán là tháng, song kỳ xác định kết quả kinh doanh lại được thực hiện theo quý.

2.2.3: Hệ thống sổ sách, trình tự ghi sổ kế toán tại Công ty.

Công ty sử dụng tất cả các tài khoản ban hành của bộ tài chính, ghi sổ theo hình thức : “ Nhật ký chứng từ”.

- Đặc điểm cơ bản: Là hình thức sổ sách theo nguyên tắc tập hợp và hệ thống các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo một vé của tài khoản kết hợp với việc phân tích các nghiệp vụ kinh tế đó theo các tài khoản đối ứng.

- Nguyên tắc:

+Tập hợp và hệ thống hoá các NVKTPS theo bên Có các tài khoản. Kết hợp với việc phân tích các nghiệp vụ kinh tế đó theo các tài khoản đối ứng Nợ.

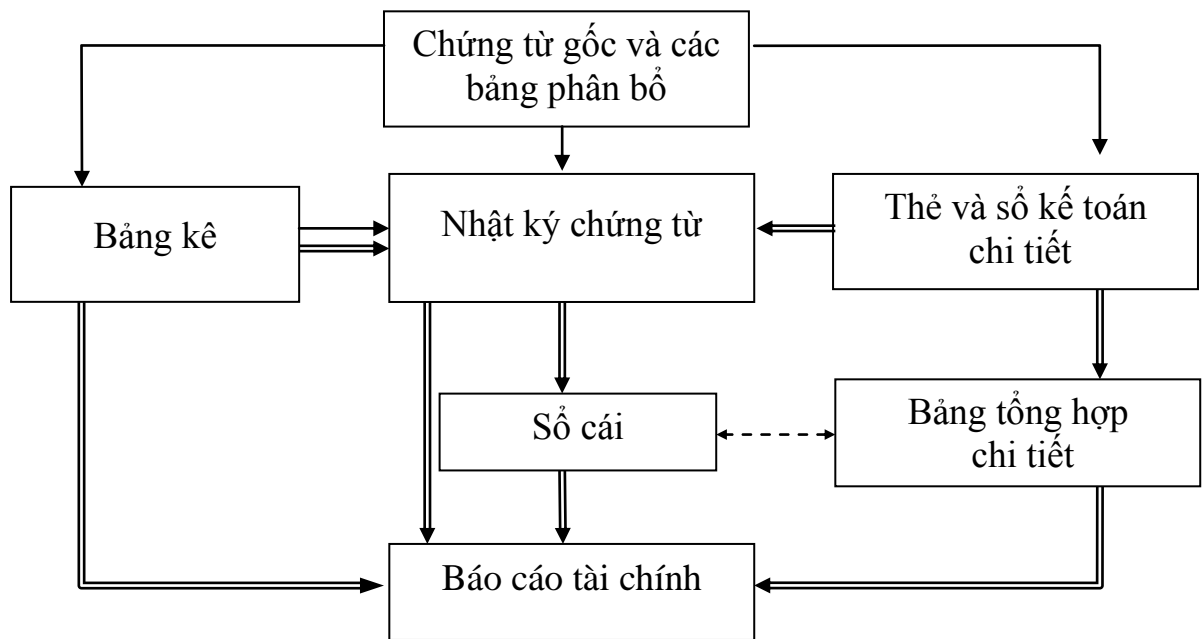
+ Kết hợp chặt chẽ việc ghi chép các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo trình tự thời gian với việc hệ thống hoá các nghiệp vụ theo nội dung kinh tế.

+ Kết hợp rộng rãi việc hạch toán tổng hợp với hạch toán chi tiết trên cùng một sổ kế toán và trong cùng một quá trình ghi chép.

+ Sử dụng các mẫu sổ in sẵn, các quan hệ đối ứng có thể cho đối tượng mở sổ. Mẫu sổ đều in sẵn và ban hành mẫu thống nhất.

-Trình tự ghi sổ kế toán:

Sơ đồ 2.3: Trình tự ghi sổ theo hình thức NKCT của Công ty:



Ghi chú :

→ : Ghi hàng ngày

← - - - - - → : Quan hệ đối chiếu

⇒ : Ghi cuối kỳ

Hàng ngày căn cứ vào các chứng từ kế toán đã được kiểm tra lấy số liệu ghi trực tiếp vào các Nhật ký - Chứng từ hoặc Bảng kê, sổ chi tiết có liên quan.

Đối với các loại chi phí sản xuất, kinh doanh phát sinh nhiều lần hoặc mang tính chất phân bổ, các chứng từ gốc trước hết được tập hợp và phân loại trong các bảng phân bổ, sau đó lấy số liệu kết quả của bảng phân bổ ghi vào các Bảng kê và Nhật ký - Chứng từ có liên quan.

Đối với các Nhật ký - Chứng từ được ghi căn cứ vào các Bảng kê, sổ chi tiết thì căn cứ vào số liệu tổng cộng của bảng kê, sổ chi tiết, cuối tháng chuyển số liệu vào Nhật ký - Chứng từ.

Cuối tháng khoá sổ, cộng số liệu trên các Nhật ký - Chứng từ, kiểm tra, đối chiếu số liệu trên các Nhật ký - Chứng từ với các sổ, thẻ kế toán chi tiết, bảng

tổng hợp chi tiết có liên quan và lấy số liệu tổng cộng của các Nhật ký - Chứng từ ghi trực tiếp vào Sổ Cái.

Đối với các chứng từ có liên quan đến các sổ, thẻ kế toán chi tiết thì được ghi trực tiếp vào các sổ, thẻ có liên quan. Cuối tháng, cộng các sổ hoặc thẻ kế toán chi tiết và căn cứ vào sổ hoặc thẻ kế toán chi tiết để lập các Bảng tổng hợp chi tiết theo từng tài khoản để đối chiếu với Sổ Cái.

Số liệu tổng cộng ở Sổ Cái và một số chỉ tiêu chi tiết trong Nhật ký - Chứng từ, Bảng kê và các Bảng tổng hợp chi tiết được dùng để lập báo cáo tài chính.

2.2.4: Tổ chức hệ thống báo cáo tài chính.

-Bảng cân đối kế toán.

-Báo cáo kết quả kinh doanh.

-Báo cáo lưu chuyển tiền tệ.

-Bản thuyết minh báo cáo tài chính

2.3: Thực trạng tổ chức kế toán Nguyên vật liệu tại Công ty.

2.3.1: Đặc điểm, phân loại nguyên vật liệu tại Công ty.

Công ty TNHH MTV Xây lắp và Vật liệu xây dựng V là một công ty đa chức năng, hoạt động trong nhiều lĩnh vực, với chức năng chủ yếu là sản xuất kinh doanh vật liệu xây dựng, thi công các công trình xây dựng công nghiệp và dân dụng. Vì vậy nguyên vật liệu tại Công ty chiếm một tỷ trọng lớn. NVL chủ yếu của công ty được thể hiện dưới dạng vật hóa như: gạch, cát, sỏi, sắt, thép, xi măng... các loại vật liệu sử dụng trong quá trình thi công, chế biến, sản xuất... NVL chỉ tham gia vào 1 chu kỳ sản xuất nhất định và khi tham gia vào quá trình sản xuất, dưới tác động của lao động chúng bị tiêu hao toàn bộ hoặc thay đổi hình thái vật chất ban đầu để tạo ra hình thái của sản phẩm.

Tại công ty TNHH MTV Xây lắp & VLXD V nguyên vật liệu không chỉ được mua mà còn được bán, đi vay của công ty khác, vì vậy NVL tại công ty rất đa dạng và phong phú cả về chủng loại và số lượng. Mặt khác, việc cất trữ và bảo quản NVL là rất quan trọng nếu không NVL sẽ thất thoát, hỏng hóc không thể sử dụng được gây lãng phí tiền của. Do hoạt động tại địa bàn

khá rộng, thi công các công trình khắp mọi nơi cho nên NVL thường được mua sắm tại chỗ phục vụ cho công tác thi công, điều này giúp công ty giảm được chi phí vận chuyển và hao hụt khi vận chuyển, giảm thiểu hỏng hóc trong quá trình vận chuyển.

Tùy theo đặc thù của NVL mà công ty phân loại chúng ra thành từng nhóm để tiện cho quá trình quản lý và công tác hạch toán NVL như sau:

- NVL chính (1521): sắt, thép, gạch, cát, đá, xi măng...
- NVL phụ (1522): dầu mỡ bôi trơn, đinh, sơn, dây thép, gỗ ...
- Nhiên liệu (1523): xăng, dầu, khí ga...
- Phụ tùng thay thế (1524): phụ tùng thay thế các loại máy cầu, máy ủi, máy trộn bê tông, máy nghiền, phụ tùng thay thế cho các phương tiện vận tải như vòng bi...
- Các loại vật liệu khác (1528): các thiết bị đặc chủng của máy móc thi công dùng trong quá trình sửa chữa, thay thế không có trong nước hoặc không phổ biến trên thị trường khó có thể mua được phải đặt nhà cung cấp.

2.3.2: Đánh giá Nguyên vật liệu tại Công ty.

2.3.2.1: Giá thực tế của nguyên vật liệu nhập kho.

Giá trị của nguyên vật liệu nhập kho tính trên cơ sở Giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được nguyên vật liệu ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Ví dụ 1:

❖ Nguyên vật liệu mua ngoài:

Ngày 3/6/2012, mua 100 Bao Xi măng Hải Phòng với đơn giá 73.500 đ (chưa VAT). Chi phí vận chuyển về kho Anh Dũng là 200.000 đ.

-Tổng trị giá nhập kho:

$$73.500 \times 100 + 200.000 = 75.500.000 \text{ (đ)}$$

-Đơn giá nhập kho:

$$\frac{100 \times 73.500 + 200.000}{100} = 75.500 \text{ (đ)}$$

❖ Nguyên vật liệu tự gia công, chế biến:

Trị giá nguyên vật liệu tự gia công, chế biến nhập kho bằng trị giá vật liệu xuất để chế biến với chi phí bỏ ra để chế biến.

2.3.2.2: Giá thực tế của nguyên vật liệu xuất kho.

Công ty áp dụng Phương pháp nhập trước, xuất trước. Phương pháp này áp dụng dựa trên giả định là nguyên vật liệu được mua trước hoặc sản xuất trước thì được tính trước, và nguyên vật liệu còn lại cuối kỳ là nguyên vật liệu được mua hoặc sản xuất gần thời điểm cuối kỳ. Theo phương pháp này thì giá trị hàng xuất kho được tính theo giá của lô hàng nhập kho ở thời điểm đầu kỳ hoặc gần đầu kỳ, giá trị của nguyên vật liệu được tính theo giá nhập kho ở thời điểm cuối kỳ hoặc gần cuối kỳ còn tồn kho.

Ví dụ 2:

Số dư đầu kì của Xi măng Hải Phòng là: 4.494.000 VNĐ (60 bao).

Ngày 3/6/2012, nhập 100 bao Xi măng Hải Phòng với đơn giá 75.500 đ.

Ngày 4/6/2012, nhập 50 bao Xi măng Hải Phòng với đơn giá 75.100 đ.

Ngày 4/6/2012, xuất 80 bao phục vụ thi công via hè khu Anh Dũng 3.

=> Trị giá xuất kho (ngày 4/6):

$$4.494.000 + 75.500 * 20 = 6.004.000 (\text{đ}).$$

2.3.3: Phương pháp hạch toán.

Công ty sử dụng phương pháp thẻ song song để hạch toán chi tiết vật liệu đây là phương pháp hạch toán tối ưu và phù hợp với đặc điểm SXKD của Công ty. Việc hạch toán chi tiết vật liệu ở kho và phòng kế toán của Công ty được tiến hành như sau:

Ở kho:

Việc ghi chép tình hình nhập - xuất - tồn kho do thủ kho tiến hành ghi trên thẻ kho và chỉ ghi theo chỉ tiêu số lượng. Khi nhận chứng từ Nhập - Xuất vật liệu thủ kho phải kiểm tra tính hợp lệ, hợp pháp của chứng từ rồi tiến hành ghi chép số thực nhập, thực xuất từ chứng từ nhập xuất vào thẻ kho. Cuối ngày

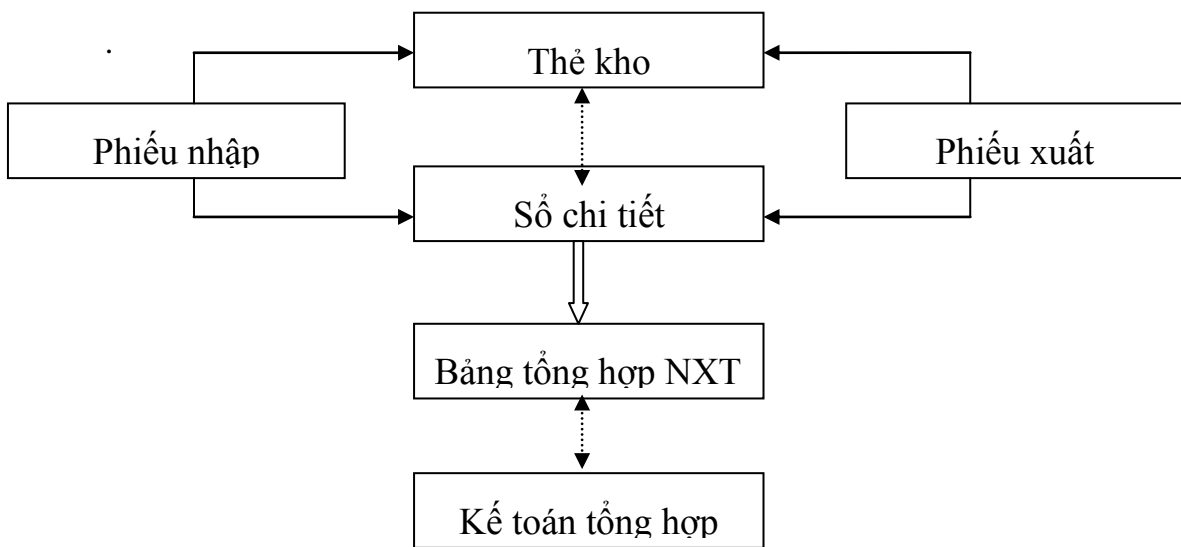
tính ra số tồn kho ghi vào thẻ kho. Định kỳ thủ kho giao các chứng từ nhập xuất đã được phân loại theo từng thứ vật liệu chuyên cho phòng kế toán.

Ở phòng kế toán:

Kế toán sử dụng sổ (thẻ) để ghi chép tình hình nhập, xuất, tồn kho theo chi tiết hiện vật và giá trị. Cơ sở để ghi sổ (thẻ) chi tiết vật liệu là các chứng từ nhập, xuất do thủ kho giao sau khi cũng đã được kiểm tra hoàn chỉnh đầy đủ. Sổ chi tiết vật liệu có kết cấu giống thẻ kho nhưng thêm các cột để theo dõi cả về chỉ tiêu giá trị. Cuối tháng kế toán cộng sổ chi tiết và tiến hành kiểm tra đối chiếu với thẻ kho. Cuối tháng căn cứ vào các sổ (thẻ) kế toán chi tiết kế toán lập bảng tổng hợp nhập, xuất, tồn kho về mặt giá trị theo từng loại.

Sơ đồ 2.4:

Phương pháp thẻ song song



Ghi chú:

- Ghi hàng ngày
- ⇒ Ghi cuối tháng
- ↔ Quan hệ đối chiếu

2.3.4: Chứng từ kế toán sử dụng.

+ Các chứng từ liên quan đến nhập xuất và sử dụng nguyên vật liệu bao gồm các loại sau:

- Phiếu nhập kho - Phiếu xuất kho

- Biên bản kiểm nghiệm vật tư, công cụ, sản phẩm hàng hoá
- Phiếu báo vật tư còn lại cuối kỳ
- Biên bản kiểm kê vật tư, công cụ, sản phẩm, hàng hoá
- Bảng kê mua hàng
- Bảng phân bổ nguyên vật liệu, công cụ, dụng cụ

Ngoài các chứng từ bắt buộc sử dụng theo qui định của nhà nước các doanh nghiệp có thể sử dụng thêm các chứng từ kế toán hướng dẫn khác như:

- Phiếu xuất kho kiêm vận chuyển nội bộ...

2.3.5: Thủ tục nhập xuất kho trong công tác kế toán NVL tại Công ty.

2.3.5.1: Thủ tục nhập kho.

Theo chế độ kế toán qui định, tất cả các loại NVL khi về đến Công ty điều phải tiến hành kiểm nghiệm và làm thủ tục nhập kho. Khi nguyên vật liệu về nhập kho Công ty người đi nhận hàng mang hoá đơn của bên bán NVL lên phòng kế toán. Căn cứ vào hoá đơn của đơn vị bán hàng phòng kế toán làm thủ tục nhập kho NVL đã mua. Trước khi nhập kho phải kiểm nghiệm xem vật liệu có đúng phẩm chất, qui cách hay không. Xem tính thích hợp của hoá đơn nếu thấy hợp lý mới nhập kho số NVL đó. Phiếu nhập kho này được lập thành 02 liên. Người lập có trách nhiệm đánh số hiệu phiếu nhập và ngày, tháng, năm lập phiếu, họ tên người lập, số hoá đơn, tên, sau đó chuyển cả 02 liên cho người nhận hàng. Người nhận hàng mang hoá đơn kèm theo 02 liên phiếu nhập kho tới thủ kho để nhận hàng. Sau khi thủ kho kiểm tra số lượng, chất lượng phải ghi vào cột thực nhập và ký nhận vào cả 02 liên phiếu nhập kho và tiến hành vào thẻ kho. Cuối ngày thủ kho phải chuyển cho kế toán vật liệu 01 liên phiếu nhập để ghi đơn giá, tính thành tiền từng thứ vật tư thực nhập và để theo dõi thanh toán đồng thời kế toán theo dõi kho vật liệu có trách nhiệm đối chiếu số phiếu nhập theo chứng từ thanh toán với phiếu nhập kho chứng từ nhận từ thủ kho để phát hiện những trường hợp thủ kho còn thiếu phiếu nhập chưa vào thẻ kho hoặc người đi mua hàng chưa mang chứng từ hoá đơn đến thanh toán nợ. Kế toán phải thường xuyên thông báo nợ của từng người và định thời gian thanh toán dứt điểm.

Ví dụ 3:

*Nghịệp vụ:

1. Ngày 1/6/2012, mua sơn màu ghi và sơn chống rỉ AD tại Công ty sơn Hải Phòng với tổng giá thanh toán là 1.017.500 đ. Thanh toán bằng chuyển khoản (Phí chuyển khoản: 10.000đ chưa VAT).
2. Ngày 3/6/2012, mua 100 Bao Xi măng Hải Phòng của Công ty TNHH Anh Thu với đơn giá 73.700 đ (chưa VAT). Thanh toán bằng tiền mặt.
3. Ngày 7/6/2012, mua 100 bao xi măng Hải Phòng của Công ty TNHH Anh Thu. Tổng cộng tiền hàng là 8.129.000đ chưa thanh toán.

*Định khoản:

1a) Nợ 1522: 925.000	1b) Nợ 642: 10.000
Nợ 133: 92.500	Nợ 133: 1.000
Có 112: 1.017.500	Có 112: 11.000
2a) Nợ 1521: 7.370.000	
Nợ 133: 737.000	
Có 111: 8.085.000	
3) Nợ 1521: 7.390.000	
Nợ 133: 739.000	
Có 331: 8.129.000	

Khi mua hàng, giao hàng về Công ty, Đơn vị bán hàng chuyển hóa đơn GTGT cho Công ty. Sau khi nhận được hoá đơn GTGT và hàng hoá, kế toán NVL căn cứ vào:

- Hoá đơn GTGT số 0081091 ngày 01 tháng 6 năm 2012 (biểu 2.1).
- Hoá đơn GTGT số 0004785 ngày 03 tháng 06 năm 2012(biểu 2.4).
- Hoá đơn GTGT số 0004851 ngày 07 tháng 06 năm 2012(biểu 2.7).

Và số hàng thực tế đã về được kiểm nghiệm chủng loại, chất lượng, số lượng... lập:


- Biên bản kiểm nghiệm vật tư số 215 (biểu2.2).
- Biên bản kiểm nghiệm vật tư số 216 (biểu2.5).
- Biên bản kiểm nghiệm vật tư số 217 (biểu2.8).

Sau đó phòng kế toán tài chính lập:

- Phiếu nhập kho số 01/06 ngày 01 tháng 06 năm 2012(biểu 2.3).
- Phiếu nhập kho số 02/06 ngày 03 tháng 06 năm 2012(biểu 2.6).
- Phiếu nhập kho số 03/06 ngày 07 tháng 06 năm 2012(biểu 2.9).

Sau khi xác định số lượng, đơn giá, thủ kho tiến hành nhập kho.

Biểu số 2.1:

	<p>CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN HẢI PHÒNG Địa chỉ: Số 21 đường 208- An Đồng- An Dương- Hải Phòng. Điện thoại: 031.3593681 - 3641121 Fax: 031.3593680 Email: sonhp.vien@hn.vnn.vn</p> <p>MST:</p> <table border="1" style="margin-left: auto; margin-right: auto;"> <tr> <td style="width: 20px; text-align: center;">0</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">1</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">0</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">1</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">5</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">5</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">2</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">5</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">4</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">3</td> </tr> </table>	0	1	0	1	5	5	2	5	4	3	
0	1	0	1	5	5	2	5	4	3			
<p>HOÁ ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG</p> <p>Liên 2: (Giao khách hàng)</p> <p>Ngày 01 tháng 06 năm 2012</p>		<p>Mẫu số: 01GTKT 3/001</p> <p>Ký hiệu AA/06HP</p> <p>Số hóa đơn 0081091</p>										
<p>Họ tên người mua hàng: <i>Lê Duy Hoà</i></p> <p>Đơn vị: Công ty TNHH MTV Xây lắp & Vật liệu Xây dựng V - Bộ thương mại</p> <p>Địa chỉ: Số 7/226 Lê Lai - Máy Chai - Ngô Quyền - Hải Phòng</p> <p>Số TK:</p> <p>Hình thức thanh toán: Chuyển khoản</p> <p>MST:</p> <table border="1" style="margin-left: auto; margin-right: auto;"> <tr> <td style="width: 20px; text-align: center;">0</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">2</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">0</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">0</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">1</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">2</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">8</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">2</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">5</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">4</td> </tr> </table>		0	2	0	0	1	2	8	2	5	4	
0	2	0	0	1	2	8	2	5	4			
Số TT	Tên hàng hoá, dịch vụ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền							
A	B	C	1	2	3 = 1x2							
1	Sơn màu ghi	Kg	15,00	35.000	525.000							
2	Sơn chống rỉ AD	Kg	20,00	20.000	400.000							
Xin trả tiền vào TK số: TK VND: 0011001738553 TK USD : 0011371738563 TK EUR : 0011143433856 Sở giao dịch Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam		Cộng tiền hàng: 925.000 đ Tiền thuế GTGT: 10 % 92.500 đ Lệ phí dầu mỡ:.....0.... Tổng cộng tiền thanh toán: 1.017.500 đ										
Số tiền: (Bằng chữ): <i>Một triệu không trăm mười bảy nghìn năm trăm đồng.</i>												
Người mua hàng		Người bán hàng		Thủ trưởng đơn vị								

Biểu số 2.2:

Công ty TNHH MTV Xây lắp và
VLXD V

Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Hải phòng, ngày 1 tháng 6 năm 2012

BIÊN BẢN KIỂM NGHIỆM VẬT TƯ

SỐ 215

Đơn vị: Công ty TNHH MTV Xây lắp và Vật liệu xây dựng V

Căn cứ hóa đơn GTGT Số 0081091 ngày 1 tháng 6 năm 2012 của Công ty Cổ phần Sơn Hải Phòng.

Thành phần tham gia gồm:

1. Ông: Nguyễn Thành Trung - Chức vụ: Nhân viên Phòng kế hoạch - đầu tư

2. Ông: Phạm Đăng Nghị - Chức vụ: Thủ kho

3. Bà: Nguyễn Thị Hải - Chức vụ: Kế toán hàng tồn kho

Chúng nhau cùng nhau kiểm nghiệm thực tế vật tư mua ngoài như sau:

STT	Tên, quy cách vật tư	ĐVT	Số lượng	Chất lượng
1	Sơn màu ghi	Kg	15,00	Tốt
2	Sơn chống rỉ	Kg	20,00	Tốt

Kết quả nghiệm thu: Đều đúng quy cách phẩm chất.

Phòng KH-ĐT


Phòng KT-TC

Thủ kho

Biểu số 2.3:

Cty TNHH MTV Xây lắp và VLXD V Bộ phận: ...	Mẫu số: 01-VT QĐ số 15/2006/QĐ-BTC Ngày 30/03/2006 của BTC						
<p>PHIẾU NHẬP KHO Ngày 01 tháng 06 năm 2012</p>							
Số: 01/06 TK nợ: 1522,1331 TK có: 112							
Họ tên người nhận: <i>Cô Dung</i> Theo hoá đơn số: 0081091 ngày 01 tháng 06 năm 2012 Của cửa hàng: Công ty sơn HP ngày 01 tháng 06 năm 2012 Nhập tại kho: 152/Kho Văn Phòng Địa điểm: Số 267 Lê Thánh Tông-Ngô Quyền –Hải Phòng							
SỐ T T	Tên nhãn hiệu quy cách hàng hoá	Mã số	ĐVT	Số lượng hàng		Đơn giá	Thành tiền
				Theo chứng từ	Thực nhập		
1	Sơn màu ghi		Kg	15,00	15,00	35.000	525.000
2	Sơn chống rỉ AD		Kg	20,00	20,00	20.000	400.000
	Cộng tiền hàng:	x	x	x	x	x	925.000
Số tiền: (Bằng chữ): <i>Chín trăm hai mươi năm nghìn đồng chẵn.</i> Số chứng từ gốc kèm theo: Nhập ngày 01 tháng 06 năm 2012							
Người lập phiếu	Người giao hàng	Thủ kho	Kế toán trưởng	Thủ trưởng			
<i>(Ký, họ tên)</i>	<i>(Ký, họ tên)</i>	<i>(Ký, họ tên)</i>	<i>(Ký, họ tên)</i>	<i>(Ký, họ tên)</i>			

Biểu số 2.4:

	<p>CÔNG TY TNHH ANH THU ANH THU COMPANY LIMITED Địa chỉ: Số 8 Ngô Gia Tự Hải Phòng. Điện thoại: 031 39875818 Fax: 031 39875819 Email: anhthu@vnn.vn MST:</p> <table border="1" style="margin-left: auto; margin-right: auto;"> <tr> <td>0</td><td>1</td><td>0</td><td>1</td><td>7</td><td>5</td><td>4</td><td>7</td><td>2</td><td>1</td> </tr> </table>	0	1	0	1	7	5	4	7	2	1
0	1	0	1	7	5	4	7	2	1		
<p>HOÁ ĐƠN Mẫu số: 01GTKT 3/001 GIÁ TRỊ GIA TĂNG Ký hiệu AA/06HP Liên 2: (Giao khách hàng) Số hóa đơn 0004785 Ngày 03 tháng 06 năm 2012</p>											
<p>Họ tên người mua hàng: <i>Đào Xuân Long</i> Đơn vị: Công ty Xây lắp & Vật liệu Xây dựng V - Bộ thương mại Địa chỉ: Số 7/226 Lê Lai - Máy Chai - Ngô Quyền - Hải Phòng Số TK: Hình thức thanh toán: Tiền Mặt MST:</p> <table border="1" style="margin-left: auto; margin-right: auto;"> <tr> <td>0</td><td>2</td><td>0</td><td>0</td><td>1</td><td>2</td><td>8</td><td>2</td><td>5</td><td>4</td> </tr> </table>		0	2	0	0	1	2	8	2	5	4
0	2	0	0	1	2	8	2	5	4		
Số TT	Tên hàng hoá, dịch vụ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền						
A	B	C	1	2	3 = 1x2						
1	Xi măng Hải Phòng	bao	100	73.700	7.370.000						
Xin trả tiền vào TK số:		Cộng tiền hàng: 7.370.000đ									
TK VND: 0011001738553		Tiền thuế GTGT: 10 % 737.000đ									
TK USD : 0011371738563		Lệ phí dầu mỡ:.....0....									
TK EUR : 0011143433856		Tổng cộng tiền thanh toán: 8.107.000đ									
Sở giao dịch Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam											
Số tiền: (Bằng chữ): <i>Tám triệu một trăm linh bảy nghìn đồng chẵn.</i>											
Người mua hàng		Người bán hàng		Thủ trưởng đơn vị							


Biểu số 2.5:

Công ty TNHH MTV Xây lắp và VLXD V		Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam Độc lập – Tự do – Hạnh phúc <i>Hải phòng, ngày 3 tháng 6 năm 2012</i>		
BIÊN BẢN KIỂM NGHIỆM VẬT TƯ				
SỐ 216				
Đơn vị : Công ty TNHH MTV Xây lắp và Vật liệu xây dựng V				
Căn cứ hóa đơn GTGT Số 0004785 ngày 3 tháng 6 năm 2012 của Công ty TNHH Anh Thư.				
Thành phần tham gia gồm:				
1. Ông: Nguyễn Văn Hải - Chức vụ: Nhân viên Phòng kế hoạch - đầu tư				
2. Ông: Phạm Đăng Nghị - Chức vụ: Thủ kho				
3. Bà: Nguyễn Thị Hải - Chức vụ: Kế toán hàng tồn kho				
Chúng nhau cùng nhau kiểm nghiệm thực tế vật tư mua ngoài như sau:				
STT	Tên, quy cách vật tư	ĐVT	Số lượng	Chất lượng
1	Xi măng Hải phòng	bao	100	Tốt
Kết quả nghiệm thu: Đều đúng quy cách phẩm chất.				
Phòng KH-ĐT		Phòng KT-TC		Thủ kho

Biểu số 2.6:

Cty TNHH MTV XL & VLXD V Bộ phận: ...	<p>PHIẾU NHẬP KHO</p> <p>Ngày 03 tháng 06 năm 2012</p>	Mẫu số: 01-VT QĐ số 15/2006/QĐ-BTC Ngày 30/03/2006 của BTC Số: 02/06 TK nợ: 1521,1331 TK có: 111					
Họ tên người nhận: Phạm Đăng Nghi Theo hoá đơn số: 0004785 ngày 03 tháng 06 năm 2012 Cửa cửa hàng: Công ty TNHH Anh Thư ngày 03 tháng 06 năm 2012 Nhập tại kho: 152/Kho Anh Dũng Địa điểm: Khu Anh Dũng 3-Dương Kinh –Hải Phòng							
Số TT	Tên nhãn hiệu quy cách hàng hoá	Mã số	ĐVT	Số lượng hàng		Đơn giá	Thành tiền
				Theo chứng từ	Thực nhập		
1	Xi măng Hải Phòng		bao	100	100	73.700	7.370.000
	Cộng tiền hàng:	x	x	x	x	x	7.370.000
Số tiền: (Bằng chữ): Bảy triệu ba trăm bảy mươi nghìn đồng chẵn. Số chứng từ gốc kèm theo: Nhập ngày 03 tháng 06 năm 2012							
Người lập phiếu	Người giao hàng	Thủ kho	Kế toán trưởng	Thủ trưởng			
(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)			

Biểu số 2.7:

	<p>CÔNG TY TNHH ANH THU ANH THU COMPANY LIMITED Địa chỉ: Số 8 Ngô Gia Tự Hải Phòng. Điện thoại: 031 39875818 Fax: 031 39875819 Email: anhthu@vnn.vn MST:</p> <table border="1" style="margin-left: auto; margin-right: auto;"> <tr> <td style="width: 20px; text-align: center;">0</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">1</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">0</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">1</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">7</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">5</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">4</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">7</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">2</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">1</td> </tr> </table>	0	1	0	1	7	5	4	7	2	1
0	1	0	1	7	5	4	7	2	1		
<p>HOÁ ĐƠN Mẫu số: 01GTKT 3/001 GIÁ TRỊ GIA TĂNG Ký hiệu AA/06HP Liên 2: (Giao khách hàng) Số hóa đơn 0004851 Ngày 07 tháng 06 năm 2012</p>											
<p>Họ tên người mua hàng: Đào Xuân Long Đơn vị: Công ty Xây lắp & Vật liệu Xây dựng V - Bộ thương mại Địa chỉ: Số 7/226 Lê Lai - Máy Chai - Ngô Quyền - Hải Phòng Số TK: Hình thức thanh toán: Chưa thanh toán MST:</p> <table border="1" style="margin-left: auto; margin-right: auto;"> <tr> <td style="width: 20px; text-align: center;">0</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">2</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">0</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">0</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">1</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">2</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">8</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">2</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">5</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">4</td> </tr> </table>		0	2	0	0	1	2	8	2	5	4
0	2	0	0	1	2	8	2	5	4		
Số TT	Tên hàng hoá, dịch vụ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền						
A	B	C	1	2	3 = 1x2						
1	Xi măng Hải Phòng	bao	100	73.900	7.390.000						
Xin trả tiền vào TK số:		Cộng tiền hàng: 7.390.000đ									
TK VND: 0011001738553		Tiền thuế GTGT: 10 % 739.000đ									
TK USD : 0011371738563		Lệ phí dầu mỡ:.....0.....									
TK EUR : 0011143433856		Tổng cộng tiền thanh toán: 8.129.000đ									
Sở giao dịch Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam											
Số tiền: (Bằng chữ): Tám triệu một trăm hai chín nghìn đồng chẵn.											
Người mua hàng		Người bán hàng		Thủ trưởng đơn vị							

Biểu số 2.8:

Công ty TNHH MTV Xây lắp và
VLXD V

Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Hải phòng, ngày 7 tháng 6 năm 2012

BIÊN BẢN KIỂM NGHIỆM VẬT TƯ

SỐ 217

Đơn vị : Công ty TNHH MTV Xây lắp và Vật liệu xây dựng V

Căn cứ hóa đơn GTGT Số 0004851 ngày 7 tháng 6 năm 2012 của Công ty TNHH Anh Thư.

Thành phần tham gia gồm:

1. Ông: Nguyễn Văn Hải - Chức vụ: Nhân viên Phòng kế hoạch - đầu tư
2. Ông: Phạm Đăng Nghị - Chức vụ: Thủ kho
3. Bà: Nguyễn Thị Hải - Chức vụ: Kế toán hàng tồn kho

Chúng nhau cùng nhau kiểm nghiệm thực tế vật tư mua ngoài như sau:

STT	Tên, quy cách vật tư	ĐVT	Số lượng	Chất lượng
1	Xi măng Hải phòng	bao	100	Tốt

Kết quả nghiệm thu: Đều đúng quy cách phẩm chất.

Phòng KH-ĐT

Phòng KT-TC

Thủ kho

Biểu số 2.9:

Cty TNHH MTV XL & VLXD V				<i>Mẫu số: 01-VT</i>			
Bộ phận: ...				<i>QĐ số 15/2006/QĐ-BTC</i>			
PHIẾU NHẬP KHO				<i>Ngày 30/03/2006 của BTC</i>			
<i>Ngày 07 tháng 06 năm 2012</i>				Số: 03/06			
				TK nợ: 1521,1331			
				TK có: 331			
Họ tên người nhận: Phạm Đăng Nghị							
Theo hoá đơn số: 0004851 ngày 07 tháng 06 năm 2012							
Cửa cửa hàng: Công ty TNHH Anh Thu ngày 07 tháng 06 năm 2012							
Nhập tại kho: 152/Kho Anh Dũng							
Địa điểm: Khu Anh Dũng 3-Dương Kinh –Hải Phòng							
Số TT	Tên nhãn hiệu quy cách hàng hoá	Mã số	ĐVT	Số lượng hàng		Đơn giá	Thành tiền
				Theo chứng từ	Thực nhập		
1	Xi măng Hải Phòng		bao	100	100	73.900	7.390.000
	Cộng tiền hàng:	x	x	x	x	x	7.390.000
Số tiền: (Bằng chữ): <i>Bảy triệu ba trăm chín mươi nghìn đồng chẵn.</i>							
Số chứng từ gốc kèm theo: <i>Nhập ngày 07 tháng 06 năm 2012</i>							
Người lập phiếu	Người giao hàng	Thủ kho	Kế toán trưởng	Thủ trưởng			
<i>(Ký, họ tên)</i>	<i>(Ký, họ tên)</i>	<i>(Ký, họ tên)</i>	<i>(Ký, họ tên)</i>	<i>(Ký, họ tên)</i>			

-Căn cứ vào các phiếu nhập kho kế toán nguyên liệu, vật liệu hàng ngày tập hợp lại thành bảng kê nhập nguyên vật liệu (biểu 2.10).

Biểu số 2.10:

BẢNG KÊ NHẬP VẬT LIỆU

Tháng 6 năm 2012

TT	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Tổng số tiền	Ghi chú
	Số	Ngày				
1	01/06	1/6	Nhập sơn màu ghi, sơn chống rỉ	112	925.000	
2	02/06	3/6	Nhập Xi măng HP	111	7.370.000	
3	03/06	7/6	Nhập Xi măng HP	331	7.390.000	
4	04/06	11/6	Nhập cửa hoa sắt vuông	111	1.555.200	
5	05/06	14/6	Nhập đá 1x2	331	25.172.000	
6	06/06	14/6	Nhập gạch đỏ	331	52.500.000	
...	
			Tổng cộng		225.182.530	

Ngày 30 tháng 6 năm 2012

NGƯỜI LẬP

KẾ TOÁN TRƯỞNG

(Trích bảng kê nhập nguyên vật liệu)

2.3.5.2: Thủ tục Xuất kho.

Nguyên vật liệu xuất kho phục vụ cho xây dựng nhà xưởng, thi công sân bãi, nâng cấp mặt bằng... và xuất cho các đối tượng sử dụng khác thì việc xuất dùng NVL phải theo nguyên tắc là:

Căn cứ vào số lượng vật tư yêu cầu được tính toán theo định mức sử dụng của cán bộ kỹ thuật, phòng kế hoạch, kế toán làm phiếu xuất kho gồm 02 liên khi lập phiếu xuất kho người lập phải ghi rõ ngày... tháng... năm ... của phiếu xuất kho và nội dung sử dụng phục vụ cho công trình nào. Người lĩnh vật tư mang 02 liên phiếu xuất vật tư đến kho, thủ kho căn cứ vào số lượng ghi trên phiếu xuất kho để xuất vật liệu số lượng thực tế xuất kho có thể ít hơn hoặc bằng so với yêu cầu đã đề ra, thủ kho ghi số thực xuất và chuyển cho những người có liên quan ký tên vào phiếu xuất kho, người nhận và thủ kho cũng phải ký cả vào 02 liên đó thủ kho giữ lại 01 liên để vào thẻ kho sau đó chuyển cho kế toán nguyên vật liệu để hạch toán, một liên người nhận đưa về nộp cho đội trưởng hoặc cán bộ kỹ thuật phụ trách công trường để kiểm tra số lượng, chất lượng nguyên vật liệu đưa từ kho đến nơi sử dụng đồng thời làm căn cứ để lập báo cáo quyết toán vật tư sử dụng hàng tháng, sau đây là biểu phiếu xuất kho.

Ví dụ 4:

*Nghịệp vụ:

1. Xuất sơn màu ghi và sơn chống rỉ AD phục vụ sơn cửa công trình Phương Lưu ngày 5 / 6/ 2012.
2. Ngày 12/6/2012 xuất kho 10 bao xi măng và 20m³ cát vàng sửa chữa sân bãi kho Anh Dũng.

*Định khoản:

1. Nợ 621 : 555.000
 Có 1522: 555.000
2. Nợ 627: 1.177.000
 Có 1521: 1.177.000

Căn cứ vào lượng vật tư yêu cầu được tính toán theo định mức sử dụng của cán bộ kĩ thuật :

- Giấy đề nghị xuất kho (biểu 2.11, biểu 2.13).

Kế toán lập:

-Phiếu xuất kho nguyên vật liệu số 09/06(biểu 2.12), phải ghi rõ ngày tháng xuất là ngày 5 tháng 6 năm 2012, và lý do xuất kho là phục vụ sơn cửa công trình Phương Lưu.

-Phiếu xuất kho 15/06 ngày xuất kho 12 tháng 6 năm 2012 (biểu 2.14) xuất kho để sửa chữa sân bãi kho Anh Dũng.

Sau đó Phiếu xuất được chuyển đến cho thủ kho, thủ kho căn cứ vào số lượng ghi trên phiếu xuất kho để xuất vật liệu số lượng thực tế xuất kho có thể ít hơn hoặc bằng so với yêu cầu đã đề ra, thủ kho ghi số thực xuất và chuyển cho những người có liên quan ký tên vào phiếu xuất kho.

Biểu số 2.11:

Công ty TNHH MTV Xây lắp và VLXD V		Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam <i>Độc lập-Tự do-Hạnh phúc</i>		
GIẤY ĐỀ NGHỊ XUẤT KHO				
Họ và tên: Lê Văn Tuấn				
Bộ phận công tác: Ban chỉ huy công trình Phương Lưu				
Lý do xuất: Xuất thi công công trình Phương Lưu (sơn cửa).				
STT	Tên vật liệu	Đơn vị tính	Số lượng	Chủng loại
1	Sơn màu ghi HP	Kg	10	Sơn HP
2	Sơn chống rỉ AD	Kg	10	Sơn HP
Cộng				
Người đề nghị		Phòng KH-ĐT	Thủ trưởng đơn vị	

Biểu số 2.12:

Đơn vị: Cty XL & VLXD V		PHIẾU XUẤT KHO		Mẫu số: 02-VT					
Bộ phận:		Ngày 5 tháng 6 năm 2012		QĐ số 15/2006/QĐ-BTC					
Tên đơn vị nhận: <i>Phạm Văn An</i>				Ngày 30/03/2006 của BTC					
Địa chỉ: Đội XDCT				Số: 09/06					
Lý do xuất: Thi công công trình Phương Lưu				<table border="1" style="width: 100%; border-collapse: collapse;"> <tr> <td style="width: 50%;">Nợ</td> <td style="width: 50%;">621</td> </tr> <tr> <td>Có</td> <td>1522</td> </tr> </table>		Nợ	621	Có	1522
Nợ	621								
Có	1522								
Xuất tại kho: 152/Văn Phòng									
Số TT	Tên nhãn hiệu quy cách hàng hoá	ĐVT	Số lượng		Giá đơn vị	Thành tiền	Ghi chú		
			Theo chứng từ	Thực xuất					
1	Sơn màu ghi HP	Kg	10		35.000	350.000			
2	Sơn chống rỉ AD	Kg	5		20.000	100.000			
			5		21.000	105.000			
	Cộng					555.000			
<p>Cộng thành tiền: <i>Năm trăm năm mươi năm nghìn đồng chẵn.</i></p> <p> Người lập phiếu Người nhận hàng Thủ kho Kế toán trưởng Thủ trưởng <i>(Ký, họ tên)</i> <i>(Ký, họ tên)</i> <i>(Ký, họ tên)</i> <i>(Ký, họ tên)</i> <i>(Ký, họ tên)</i> </p>									

Biểu số 2.13:

Công ty TNHH MTV Xây lắp và VLXD V		Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam <i>Độc lập-Tự do-Hạnh phúc</i>		
GIẤY ĐỀ NGHỊ XUẤT KHO				
Họ và tên: Nguyễn Xuân Sơn				
Bộ phận công tác: Ban chỉ huy công trình Anh Dũng				
Lý do xuất: Xuất sửa chữa sân bãi kho Anh Dũng.				
STT	Tên vật liệu	Đơn vị tính	Số lượng	Chủng loại
1	Xi măng Hải Phòng	bao	10	
2	Cát vàng	M ³	20	
Cộng				
Người đề nghị		Phòng KH-ĐT	Thủ trưởng đơn vị	

Biểu số 2.14:

Đơn vị: Cty XL & VLXD V		PHIẾU XUẤT KHO		Mẫu số: 02-VT					
Bộ phận:		Ngày 12 tháng 6 năm 2012		QĐ số 15/2006/QĐ-BTC					
Tên đơn vị nhận: Nguyễn Đăng Trường				Ngày 30/03/2006 của BTC					
Địa chỉ: Đội XDCT				Số: 15/06					
Lý do xuất: Sửa chữa sân bãi kho Anh Dũng				<table border="1" style="width: 100%; border-collapse: collapse;"> <tr> <td style="width: 50%;">Nợ</td> <td style="width: 50%;">627</td> </tr> <tr> <td>Có</td> <td>1522</td> </tr> </table>		Nợ	627	Có	1522
Nợ	627								
Có	1522								
Xuất tại kho: 152/Anh Dũng									
Số TT	Tên nhãn hiệu quy cách hàng hoá	ĐVT	Số lượng		Giá đơn vị	Thành tiền	Ghi chú		
			Theo chứng từ	Thực xuất					
1	Xi măng Hải Phòng	bao	10		73.700	737.000			
2	Cát vàng	M ³	20		22.000	440.000			
	Cộng					1.177.000			
<p>Cộng thành tiền: <i>Một triệu một trăm bảy mươi bảy nghìn đồng chẵn.</i></p> <p> Người lập phiếu Người nhận hàng Thủ kho Kế toán trưởng Thủ trưởng <i>(Ký, họ tên)</i> <i>(Ký, họ tên)</i> <i>(Ký, họ tên)</i> <i>(Ký, họ tên)</i> <i>(Ký, họ tên)</i> </p>									

-Căn cứ vào các phiếu xuất kho kế toán nguyên liệu, vật liệu hàng ngày tập hợp lại thành bảng kê xuất nguyên vật liệu chi tiết cho từng đối tượng sử dụng (biểu 2.15).

Biểu số 2.15:

BẢNG KÊ XUẤT VẬT LIỆU

Tháng 6 năm 2012

TT	Chứng từ		Diễn giải	TKDU	Tổng số tiền	Đối tượng sử dụng		
	Số	NT				Ctrường Phương Lưu	Ctrường Anh Dũng	...
...	
7	07/06	3/6	Xuất sơn màu ghi	621	340.000		340.000	
8	08/06	3/6	Xuất đá 1x2	621	13.062.000		13.062.000	
9	08/06	3/6	Xuất Xi măng HP	621	22.110.000		22.110.000	
10	09/06	5/6	Xuất sơn màu ghi	621	350.000	350.000		
11	09/06	5/6	Xuất sơn chống rỉ.	621	205.000	205.000		
12	10/06	6/6	Xuất xi măng HP	621			3.685.000	
...	
22	15/06	12/6	Xuất kho xi măng HP	627	737.000		737.000	
23	15/06	12/6	Xuất cát vàng	627	440.000		440.000	
...	
Tổng cộng					229.433.280	45.250.000	73.689.000	...

(Trích bảng kê xuất vật liệu)

2.3.6: Kế toán chi tiết nguyên vật liệu tại Công ty.

Đối với thẻ kho:

Căn cứ vào phiếu nhập, xuất kho như đã trình bày ở phần thủ tục nhập xuất, thủ kho tiến hàng ghi vào thẻ kho hàng ngày cho từng loại vật liệu. Mỗi chứng từ ghi 1 dòng vào thẻ kho.

Biểu số 2.16:

Công ty TNHH MTV Xây lắp & VLXD V
Kho Văn phòng

Mẫu số S12-DN
Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ - BTC
Ngày 20/3/2006 của BTC

THẺ KHO

Ngày lập thẻ: 1/6/2012

Tờ số: 01

Tên nhãn hiệu quy cách vật tư sản phẩm hàng hoá: Sơn màu ghi

Đơn vị tính: Kg

Ngày nhập xuất	CHỨNG TỪ			DIỄN GIẢI	SỐ LƯỢNG			Ký xác nhận của kế toán
	Số phiếu		Ngày tháng		Nhập	Xuất	Tồn	
	Nhập	Xuất						
				Tồn đầu tháng			10	
01/06	01/06		1/6/2012	Nhập kho mua của Cty Sơn HP	15			
03/06		07/06	3/6/2012	Xuất kho sơn hệ thống cửa công trình Phương Lưu		10		
05/06		09/06	5/6/2012	Xuất kho sơn hệ thống cửa công trình Phương Lưu		10		
17/06	24/06		17/6/2012	Nhập kho mua của Cty Sơn HP	15			
...				
				Cộng	50	35	25	

-Số này có.....trang, đánh số từ trang 01 đến trang...

-Ngày mở sổ:.....

Ngày.....tháng năm.....

Thủ kho

Kế toán trưởng

Giám đốc

Biểu số 2.17:

Công ty TNHH MTV Xây lắp &
VLXD V
Kho Văn Phòng

Mẫu số S12-DN
Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ - BTC
Ngày 20/3/2006 của BTC

THẺ KHO

Ngày lập thẻ: 1/6/2012

Tờ số: 01

Tên nhãn hiệu quy cách vật tư sản phẩm hàng hoá: Sơn chống rỉ AD

Đơn vị tính: Kg

Ngày nhập xuất	CHỨNG TỪ			DIỄN GIẢI	SỐ LƯỢNG			Ký xác nhận của kế toán
	Số phiếu		Ngày tháng		Nhập	Xuất	Tồn	
	Nhập	Xuất						
				Tồn đầu tháng			5	
01/06	01/06		1/6/2012	Nhập kho mua của Cty Sơn HP	20			
05/06		09/06	5/6/2012	Xuất kho sơn hệ thống cửa công trình Phương Lưu		10		
10/06		13/06	10/6/2012	Xuất kho sơn hệ thống cửa công trình Phương Lưu		5		
...				
				Cộng	30	20	15	

-Số này có.....trang, đánh số từ trang 01 đến trang...

-Ngày mở sổ:.....

Ngày.....tháng năm.....

Thủ kho

Kế toán trưởng

Giám đốc

(Trích thẻ kho sơn chống rỉ AD-Kho Văn phòng)

Biểu số 2.18:

Công ty TNHH MTV Xây lắp & VLXD V
Kho Anh Dũng

Mẫu số S12-DN
Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ - BTC
Ngày 20/3/2006 của BTC

THẺ KHO

Ngày lập thẻ: 1/6/2012

Tờ số: 01

Tên nhãn hiệu quy cách vật tư sản phẩm hàng hoá: Xi măng Hải Phòng

Đơn vị tính: Bao

Ngày nhập xuất	CHỨNG TỪ			DIỄN GIẢI	SỐ LƯỢNG			Ký xác nhận của kế toán
	Số phiếu		Ngày tháng		Nhập	Xuất	Tồn	
	Nhập	Xuất						
				Tồn đầu tháng			10	
03/06	02/06		3/6/2012	Nhập kho mua của Cty Anh Thư	100			
06/06		10/06	6/6/2012	Xuất kho thi công via hè khu Anh dũng		50		
07/06	03/06		7/6/2012	Nhập kho mua của Cty Anh thư	100			
12/06		15/06		Xuất kho sửa chữa sân bãi Anh Dũng		10		
...				
				Cộng	300	250	60	

-Số này có.....trang, đánh số từ trang 01 đến trang...

-Ngày mở sổ:.....

Ngày.....tháng năm.....

Thủ kho

Kế toán trưởng

Giám đốc

(Trích thẻ kho Xi măng Hải phòng-Kho Anh Dũng

Đối với sổ chi tiết nguyên vật liệu :

Căn cứ vào Phiếu nhập kho, Phiếu xuất kho, kế toán nguyên vật liệu tiến hành ghi vào sổ chi tiết nguyên vật liệu theo từng mặt hàng.

Biểu số 2.19:

SỔ CHI TIẾT VẬT LIỆU

Tháng 6 năm 2012

Tài khoản: 1522

Tên kho: Kho Văn Phòng

Tên nhãn hiệu quy cách vật tư sản phẩm hàng hoá: Sơn màu ghi

Đơn vị tính: Kg

CHỨNG TỪ		DIỄN GIẢI	TK ĐƯ	Đơn giá	NHẬP		XUẤT		TÒN	
Số	Ngày				Lượng	Tiền	Lượng	Tiền	Lượng	Tiền
		SDĐT		34000					10	340.000
PN01/06	01/06	Nhập vật tư	112	35000	15	525.000			25	865.000
PX07/06	03/06	Xuất vật tư	627	34000			10	340.000	15	525.000
PX09/06	05/06	Xuất vật tư	621	35000			10	350.000	5	175.000
PN24/06	17/06	Nhập vật tư	111	35000	15	525.000			20	700.000
...
		Cộng			50	1.750.000	35	1.215.000	25	875.000

(Trích sổ chi tiết NVL Sơn màu ghi-Kho Văn phòng)

Biểu số 2.20:

SỔ CHI TIẾT VẬT LIỆU

Tháng 6 năm 2012

Tài khoản: 1522

Tên kho: Kho Văn Phòng

Tên nhãn hiệu quy cách vật tư sản phẩm hàng hoá: Sơn chống rỉ AD

Đơn vị tính: Kg

CHỨNG TỪ		DIỄN GIẢI	TK ĐƯ	Đơn giá	NHẬP		XUẤT		TÒN	
Số	Ngày				Lượng	Tiền	Lượng	Tiền	Lượng	Tiền
		SDĐT		21000					5	105.000
PN01/06	01/06	Nhập vật tư	112	20000	20	400.000			25	505.000
PX09/06	05/06	Xuất vật tư	621	21000			5	105.000		
				20000			5	100.000	15	300.000
PX13/06	10/06	Xuất vật tư	627	20000			5	100.000	10	200.000
...
		Cộng			30	600.000	20	405.000	15	300.000

(Trích sổ chi tiết NVL Sơn chống rỉ-Kho Văn phòng)

Biểu số 2.21:

SỔ CHI TIẾT VẬT LIỆU

Tháng 6 năm 2012

Tài khoản: 1521

Tên kho: Kho Văn Phòng

Tên nhãn hiệu quy cách vật tư sản phẩm hàng hoá: Xi măng Hải Phòng

Đơn vị tính: Bao

CHỨNG TỪ		DIỄN GIẢI	TK ĐU'	Đơn giá	NHẬP		XUẤT		TÒN	
Số	Ngày				Lượng	Tiền	Lượng	Tiền	Lượng	Tiền
		SDDT		73.700					10	737.000
PN02/06	03/06	Nhập vật tư	111	73.700	100	7.370.000			110	8.107.000
PX10/06	06/06	Xuất vật tư	621	73.700			50	3.685.000	60	4.422.000
PN03/06	07/06	Nhập vật tư	331	73.900	100	7.390.000			100	7.390.000
PX15/06	12/06	Xuất vật tư	627	73.700			10	737.000	50	3.685.000
...
		Cộng			300	22.150.000	250	18.453.000	60	4.434.000

(Trích sổ chi tiết NVL Xi măng Hải phòng- kho Anh dũng)

Cuối tháng căn cứ vào các chứng từ nhập, xuất, sổ chi tiết vật liệu, kế toán lập bảng tổng hợp nhập, xuất tồn kho theo từng loại vật liệu.

Biểu số 2.22:

**BẢNG TỔNG HỢP CHI TIẾT NHẬP XUẤT TỒN KHO VẬT LIỆU,
CÔNG CỤ DỤNG CỤ, HÀNG HÓA**

Tài khoản: 152

Tháng 6 năm 2012

TT	Tên vật liệu	Tồn đầu tháng	Nhập trong tháng	Xuất trong tháng	Tồn cuối tháng
1	Xi măng HP	737.000	22.150.000	18.453.000	4.434.000
2	Sơn màu ghi	340.000	1.750.000	1.215.000	875.000
3	Sơn chống rỉ AD	105.000	600.000	405.000	300.000
4	Cát vàng	517.000	0	440.000	77000
5	Thép cuộn $\phi 10$	35.226.875	7.439.916	20.290.680	22.376.111
6	Thép thanh vằn $\phi 10$	19.4610450	10.153.800	15.230.700	14.384.550
7	Gạch đỏ	10.500.000	52.500.000	15.750.000	47.250.000
...
	Cộng	215.832.315	225.182.530	229.433.280	211.581.565

Ngày 30 tháng 6 năm 2012

Người lập

Kế toán trưởng

(Trích sổ tổng hợp chi tiết xuất nhập tồn kho nguyên vật liệu)

2.3.7: Kế toán tổng hợp nguyên vật liệu tại Công ty.

- Bên cạnh kế toán chi tiết nguyên vật liệu, kế toán tổng hợp Nguyên vật liệu cũng là công cụ quan trọng không thể thiếu được và rất có ảnh hưởng trong công tác quản lý các hoạt động sản xuất kinh doanh.

- Kế toán tổng hợp nguyên vật liệu là việc sử dụng các tài khoản kế toán để phản ánh, kiểm tra, giám sát tình hình nguyên vật liệu ở dạng tổng quát. Kế toán tổng hợp có chức năng phản ánh số hiện có tình hình biến động Nguyên vật liệu của Doanh nghiệp theo chỉ tiêu giá trị mà kế toán chi tiết NVL chưa đảm bảo được. Do đó, kế toán tổng hợp là khâu quan trọng trong quá trình hạch toán NVL bởi nó đóng vai trò cung cấp những số liệu cần thiết phục vụ công tác quản lý, điều hành sản xuất kinh doanh.

2.3.7.1: Kế toán tổng hợp nhập nguyên vật liệu.

Ví dụ 3 (tiếp):

-Căn cứ vào hoá đơn GTGT và lượng hàng thực nhập trong trường hợp thanh toán ngay bằng chuyển khoản, kế toán viết ủy nhiệm chi số 13 ngày 01 tháng 6 năm 2012 (biểu 2.23) nhờ Ngân hàng thanh toán hộ tiền hàng của hóa đơn số 0081091 ngày 1 tháng 6 năm 2012(biểu 2.1), đồng thời ghi sổ nhật ký chứng từ số 2 (biểu 2.26) khi nhận được chứng từ giao dịch (biểu 2.24 , 2.25).

-Căn cứ vào hoá đơn GTGT và lượng hàng thực nhập trong trường hợp thanh toán ngay bằng tiền mặt, kế toán viết phiếu chi số 03/06 ngày 03 tháng 06 năm 2012 (biểu 2.27) trả cho hoá đơn số 0004785 ngày 03/06/2012 (biểu 2.4), đồng thời ghi chép trên sổ nhật ký chứng từ số 1 (biểu 2.28).

-Trong trường hợp mua hàng theo hợp đồng chưa thanh toán ngay, kế toán vào sổ chi tiết theo dõi ở tài khoản 331. Do nguyên vật liệu của Công ty hầu hết mua ngoài nhập kho nên đã nảy sinh quan hệ thanh toán giữa Công ty với người cung cấp vật tư. Khi nào Công ty có nhu cầu mua vật tư thì người cung cấp sẽ gửi báo giá đến trước. Căn cứ vào phiếu báo giá này Công ty chuẩn bị


tiền trả cho người cung cấp hoặc hoặc có thể trả nợ sau. Chính vì vậy Công ty sử dụng sổ chi tiết thanh toán được mở theo từng người bán để theo dõi quan hệ thanh toán với người bán (sổ chi tiết TK 331). Tùy theo tình hình thanh toán giữa Công ty với người cung cấp và tính chất nghiệp vụ kinh tế phát sinh mà kế toán định khoản lên các phiếu nhập kho và vào các sổ khác có liên quan khác.

Theo hóa đơn GTGT số 0004851 ngày 07 tháng 06 năm 2012 (biểu 2.7) kế toán thực hiện ghi sổ chi tiết thanh toán người bán đối tượng theo dõi Công ty TNHH Anh Thư (biểu 2.29). Sau đó tiến hành ghi nhận Nhật ký chứng từ số 5_Phải trả người bán (biểu 2.30).

Biểu số 2.23:

ỦY NHIỆM CHI		SỐ UNC 13
CHUYỂN KHOẢN, CHUYỂN TIỀN THU, ĐIỆN Lập ngày 01/06/2012 Tên đơn vị trả tiền: Công ty TNHH MTV Xây lắp và VLXD V Số tài khoản: 2100311000032 Tại Ngân hàng : Nông nghiệp& PTNT Tỉnh,TP: Hải Phòng		PHẦN DO NH GHI TÀI KHOẢN NỢ
Tên đơn vị nhận tiền: Công ty Cổ phần sơn Hải Phòng Số tài khoản: 0031000139968 Tại Ngân Hàng: TMCP Ngoại Thương Việt Nam – CNHP		TÀI KHOẢN CÓ
Số tiền bằng chữ: Một triệu không trăm mười bảy nghìn năm trăm đồng. Nội dung thanh toán: Thanh toán tiền mua sơn theo HĐ GTGT số 0081091 ngày 1/6/2012.		SỐ TIỀN BẰNG SỐ 1 017 500 Đ
ĐƠN VỊ TRẢ TIỀN Kế toán Chủ tài khoản	NGÂN HÀNG A Ghi sổ ngày..... Kế toán Trưởng phòng kế toán	NGÂN HÀNG B Ghi sổ ngày..... Kế toán Trưởng phòng kế toán

Biểu số 2.24:

	LỆNH THANH TOÁN LỆNH CÓ	Số tham chiếu: 2100OTT121101460 Loại chuyển tiền: IH Ngày lập lệnh 01/06/2012
Ngân hàng gửi lệnh: 01204009 TTT.toán NHNo&PTNT VN Ngân hàng nhận lệnh: 31203001 NHNT CN Hải Phòng Người phát lệnh: Công ty TNHH MTV Xây lắp và VLXD V Địa chỉ/CMND: Tài khoản: 2100311000032 Tại 31204001 NHNo TP Hải Phòng Người nhận lệnh: Công ty Cổ phần sơn Hải Phòng Địa chỉ/CMND: Tài khoản: 0031000139968 Tại 31203001 NHNT CN Hải Phòng Chương loại khoản mục: Mã số thuế:		
Số tiền:		1,017,500VND
Một triệu không trăm mười bảy nghìn năm trăm đồng chẵn.		
Nội dung: <i>Thanh toán tiền mua sơn theo HĐ GTGT số 0081091 ngày 1/6/2012.</i> Thời gian chuyển tiền: 01/06/2012 14:56:43 Ngày in: 01/06/2012 14:56:50 Thanh toán viên Kiểm soát		

Biểu số 2.25:



CHỨNG TỪ GIAO DỊCH

Ngày: 01/06/2012

Liên 2: Khách hàng

Mẫu số: 01GTGT2/2100
 Ký hiệu: FX/06T
 Số hóa đơn :
 10220073000123
 Ngày giá trị: 01/06/2012
 SBT: 123

Chi nhánh: 2100-Chi nhánh TP Hải Phòng
 Địa chỉ: Số 283 Lạch Tray-Quận Ngô Quyền-TP Hải Phòng

Mã số thuế:
 0200116474.1
 Điện thoại/Fax:
 031728975/031728113

Người phát lệnh: Công ty TNHH MTV Xây lắp và VLXD V
Chứng minh thư:
Địa chỉ: 7/226 Lê lai NQ- HP
Khách hàng thụ hưởng: Công ty Cổ phần Sơn Hải Phòng
Chứng minh thư:
Địa chỉ:

Mã số thuế:
Điện thoại/Fax:
Số tài khoản:
 2100311000032

Mã số thuế:
Điện thoại/Fax:
Số tài khoản:
 0031000139968

NH phát lệnh: 31204001: Thành phố Hải Phòng
NH gửi lệnh: 01204009: HQ for I/O(KBS-KBS)

NH nhận lệnh: 01203001-Hội sở NHNT Việt Nam
NH thanh toán: 31203001:NHNT CN HPhông

Loại giao dịch: Chuyển tiền đi
 Số tham chiếu đi: 2100OTT131101460
 Số tham chiếu đến:

Số tiền giao dịch: 1 017 500 VND
Bằng chữ: Một triệu không trăm mười bảy nghìn năm trăm đồng chẵn.
Nội dung: Thanh toán tiền mua sơn theo HĐ GTGT số 0081091 ngày 1/6/2012.

Thông tin giao dịch	N/C	Số tiền	LTT	Ghi chú
Số tiền giao dịch	C	1.017.500	VND	
Tài khoản khách hàng	N	1.028.500	VND	2100311000032
CT khác hệ thống (ST < 500 TRđ)	C	10.000	VND	Mức phí(%): .020
VAT	C	1000	VND	Thuế suất(%): .100

Khách hàng Thủ Quỹ Giao dịch viên Kiểm soát Giám đốc

Biểu số 2.26:

NHẬT KÝ CHỨNG TỪ SỐ 2
Ghi có Tài khoản 112 – Tiền gửi ngân hàng
 Tháng 06 năm 2012

Số TT	Ngày	Ghi Có tài khoản 112, ghi nợ các tài khoản								
		111	133	152	331	...	641	642	...	Cộng Có 112
1	1/6/2012		93.500	925.000				10.000		1.028.500
2	3/6/2012	15.000.000								15.000.000
3	10/6/2012				8.545.000					8.545.000
...
	Cộng	115.000.000	5.487.750	27.486.296	712.756.686	...	9.563.000	17.492.400	...	1.782.457.400

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

Ngày 30 tháng 06.năm2012.

Giám đốc

(Trích nhật ký chứng từ số 2)

Biểu số 2.27:

Công ty TNHH MTV Xây lắp và VLXD V
Địa chỉ: Số 7/226 Lê Lai – Ngô Quyền – HP
Mã số thuế: 02001282541
Telefax: 0313766926

Mẫu số 02 – TT
Ban hành theo QĐ số:
15/2006/QĐ/BTC
Ngày 20 tháng 3 năm 2006
của Bộ Tài chính

PHIẾU CHI

Ngày 03/06/2012

Số CT 03/06

TÀI KHOẢN GHI NỢ

1521	7.370.000
------	-----------

133	737.000
-----	---------

Người nhận tiền: Công ty TNHH Anh Thư

Địa chỉ: Số 8 - Ngô Gia Tự - Hải Phòng.

Về khoản: Thanh toán tiền mua xi măng HP theo HĐ GTGT số 0004785

Số tiền: **8.107.000đ**

Bằng chữ: **Tám triệu một trăm linh bảy nghìn đồng chẵn.**

Kèm theo: 01 chứng từ gốc.

Giấy giới thiệu số: Ngày: / / Nhận ngày 03 tháng 06 năm 2012

Thủ trưởng đơn vị (Ký, họ tên)	Kế toán trưởng (Ký, họ tên)	Kế toán thanh toán (Ký, họ tên)	Người nhận tiền (Ký, họ tên)	Thủ quỹ (Ký, họ tên)
--	---	---	--	-----------------------------------

Biểu số 2.28:

Công ty TNHH MTV Xây lắp và VLXD V
Số 7/226 Lê Lai- Ngô quyền – Hải Phòng

Mẫu số S04a1- DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
Ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

NHẬT KÝ CHỨNG TỪ SỐ 1
Ghi có Tài khoản 111 – Tiền mặt

Tháng 06 năm 2012

Số TT	Ngày	Ghi Có tài khoản 111, ghi nợ các tài khoản								
		112	133	138	141	142	152	...	642	Cộng Có 111
1	01/06				2.000.000					2.000.000
....
10	03/06		737.000				7.370.000			8.107.000
...
	Cộng	150.000.000	2.450.450	8.546.000	5.000.000	35.245.000	12.245.500		6.278.430	558.146.750

Đã ghi sổ cái ngày....tháng....năm....

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký họ tên)

Ngày 30.tháng 06.năm 2012.
Giám đốc

(Trích sổ nhật ký chứng từ số 1)

Biểu số 2.29:

SỔ CHI TIẾT THANH TOÁN VỚI NGƯỜI BÁN

Tài khoản: 331

Đối tượng: Công ty TNHH Anh Thu

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Thời hạn chiết khấu	Số phát sinh		Số Dư	
	SH	NT				Nợ	Có	Nợ	Có
			Số dư đầu kì						78.145.245
			Số phát sinh trong kì						
7/6	HDGTGT 0004851	7/6	Mua 100 bao Xi măng HP	152			7.370.000		
	PN03/06	7/6		133			737.000		
9/6	HDGTGT 0004885	9/6	Mua dầu PA2_PAW68	156			10181818		
	PN11/06	9/6		133			1018182		
11/6	UNC 20	11/6	Chuyển tiền thanh toán mua dầu nhờn PA4- D9000_20W50 theo hóa đơn 0004739	112		41.076.922			
....				
			Cộng số phát sinh	x	x	275.475.457	347.587.642	x	x
			Số dư cuối kì	x	x	x	x		150.257.430

(Trích sổ chi tiết thanh toán người bán-Công ty Anh thu)

Biểu số 2.30:

NHẬT KÝ CHỨNG TỪ SỐ 5
Ghi có Tài khoản 331_Phải trả cho người bán
Tháng 6 năm 2012

S T T	Tên đơn vị	Dư đầu tháng		Ghi có TK331, nợ TK khác			Ghi nợ TK331, ghi có TK			Dư cuối tháng		
		Nợ	Có	152	133	...	Cộng	111	112	Cộng	Nợ	Có
1	Công ty Anh Thư		78.145.245	147.524.474	4752.447	...	347.587.642	134.398.500	141.076.957	275.475.457		150.257.430
2	Công ty LPK		27.458.654	7.452.200	945.587	...	168.245.458	20.000.000	85.458.458	105.458.458		90.245.654
3	Công ty Thăng Lợi	112.458.245		1.555.200	342.542	...	248.459.254	43.400.400	85.058.255	128.458.655		7.542.354
...
	Cộng	1.457.245.154	2.475.258.450	185.450.734	18.456.721	...	690.594.125	257.861.112	712.756.686	970.617.798	1.078.080.500	2.816.070.123

Đã ghi sổ cái ngày 30 tháng 6 năm 2012

Người ghi sổ

Kế toán tổng hợp

Ngày 30 tháng 6 năm 2012

Kế toán trưởng

(Trích sổ nhật ký chứng từ số 5)

2.3.7.2: *Kế toán tổng hợp xuất nguyên vật liệu.*

Việc xuất dùng nguyên vật liệu chủ yếu là do nhu cầu sản xuất và phục vụ sản xuất. Tùy theo mục đích sử dụng, hạch toán tổng hợp xuất nguyên vật liệu sẽ phản ánh thực tế của vật liệu xuất dùng vào bên có của tài khoản 152 và bên nợ của tài khoản 621,627,642...

Ví dụ 4 (tiếp):

- Căn cứ vào các chứng từ xuất kho và bảng kê xuất kế toán Nguyên vật liệu lập bảng phân bổ nguyên vật liệu cho từng công trình (biểu2.31).
- Căn cứ vào bảng phân bổ, kế toán lập bảng kê số 4 (biểu2.32) và nhật ký chứng từ số 7(biểu2.33).
- Cuối tháng căn cứ vào nhật ký chứng từ, sổ kế toán chi tiết xuất vật liệu đã đối chiếu với thủ kho, kế toán ghi vào sổ cái TK152(biểu2.34)

Biểu số 2.31:

BẢNG PHÂN BỐ NGUYÊN VẬT LIỆU, CÔNG CỤ DỤNG CỤ

Tháng 6 năm 2012

STT	Ghi có các Tk Ghi nợ các Tk	Tài khoản 152		Tài khoản 153		Tài khoản 142	Tài khoản 242
		Giá HT	Giá TT	Giá HT	Giá TT		
1	TK 621- Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp		168.587.500		28.697.500
	-Công trình Anh Dũng		53.450.000		14.245.000
	-Công trình Phương Lưu		40.178.000		7.452.500

2	TK 623-Chi phí sử dụng máy thi công		
3	TK 627-Chi phí sản xuất chung		60.845.780		16.016.501
	-Công trình Anh Dũng	...	20.239.000	...	8.457.750
	-Công trình Phương Lưu	...	5.072.000	...	6.458.751

(Trích bảng phân bổ nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ)

Biểu số 2.32:

BẢNG KÊ SỐ 4
Tập hợp chi phí sản xuất theo phân xưởng
Dùng cho TK: 154,621,622,623,627,631
Tháng 6 năm 2012

T T	Các TK ghi có Các TK ghi nợ	152	153	334	...	621	622	627	Các TK phản ánh ở NKCT khác		Cộng chi phí thực tế
									NKCT 1	...	
1	TK 154				...	101.125.200	174.245.500	113.542.200			
2	TK 621	168.587.500	28.697.500		...						197.285.000
	-CT Anh Dũng	53.450.000	14.245.000		...						67.695.000
	-CT Phương Lưu	40.178.000	7.452.500		...						47.630.500

3	TK 622			174.245.500	...						212.254.682
	-CT Anh Dũng			84.542.540	...						102.254.642
	-CT Phương Lưu			38.245.654	...						51.245.874

4	627	60.845.780	16.016.501	89.578.690	...				128.543.541		354.482.245
	-CT Anh Dũng	20.239.000	8.457.750	51.245.350	...				61.245.785		142.358.245
	-CT Phương Lưu	5.072.000	6.458.751	21.254.500	...				28.459.543		112.254.365

Biểu số 2.33:

NHẬT KÝ CHỨNG TỪ SỐ 7

Phần I: Tập hợp chi phí sản xuất, kinh doanh toàn doanh nghiệp

Ghi có các TK: 142, 152, 153, 154, 214, 241, 242, 334, 335, 338, 351, 352, 611, 621, 622, 623, 627, 631

Tháng 6 năm 2012

TT	TK ghi có TK ghi nợ	142	152	153	334	...	Các TK phản ánh ở các NKCT				Tổng cộng chi phí
							NKCT1	NKCT2	NKCT5	...	
...					
7	621		168.587.500	28.697.500							
8	622				174.245.500						
9	627		60.845.780	16.016.501							
...					
15	Cộng A	...	229.433.280	44.714.001							
16	152						12.245.500	27.486.296	185.450.734		
...	
26	Cộng B	...	0	0			
27	A+B	...	229.433.280	44.714.001	

Biểu số 2.34:

SỔ CÁI TÀI KHOẢN 152

Số dư đầu năm	
Nợ	Có
545.124.500	

Ghi có các TK đối ứng Nợ với TK này	Tháng 1	Tháng 2	Tháng 3	Tháng 4	Tháng 5	Tháng 6	Tháng ...	Tháng 12	Cộng
TK 111	95.472.500	12.245.500	942.548.548
TK 112	157.485.532	27.486.296	1.425.542.254
TK 331	213.245.540	185.450.734	1.758.548.458
Cộng số phát sinh	Nợ				466.203.572	225.182.530			2.548.254.854
	Có				250.371.257	229.433.280			2.325.254.548
Số dư cuối tháng	Nợ				215.832.315	211.581.565			223.000.306
	Có								

2.3.8: Công tác kiểm kê nguyên vật liệu tại Công ty TNHH MTV Xây lắp và Vật liệu xây dựng V.

Công tác kiểm kê nguyên vật liệu nói chung và kiểm kê hàng tồn kho nói riêng đối với tất cả các Doanh nghiệp là vô cùng quan trọng. Ngoài việc kiểm tra để đảm bảo về số lượng, chất lượng quy cách hàng tồn kho, việc kiểm kê hàng tồn kho thường xuyên cũng góp phần nâng cao trách nhiệm quản lý, tìm hiểu kịp thời rõ ràng nguyên nhân và có thể đưa ra những giải pháp kịp thời để khắc phục hiện trạng của hàng tồn kho.

Đối với Công ty Xây lắp và VLXD V thực hiện công tác kiểm kê NVL nói riêng và tất cả các loại mặt hàng, chủng loại hiện có tại doanh nghiệp trong một năm hoạt động làm 4 kỳ vào cuối mỗi quý trước khi làm báo cáo tài chính. Thời điểm kiểm kê là xác định vật tư, hàng hoá các loại kiểm kê số lượng, chất lượng, giá trị, thừa thiếu, kém phẩm chất...

Biểu 2.35: Mẫu biên bản kiểm kê vật tư, hàng hóa, công cụ dụng cụ... vào cuối quý II, ngày 30 tháng 6 năm 2012.

Biểu số 2.35:

BIÊN BẢN KIỂM KÊ VẬT TƯ, CÔNG CỤ DỤNG CỤ, SẢN PHẨM, HÀNG HÓA

-Thời điểm kiểm kê: 15 giờ ngày 30 tháng 06 năm 2012.

-Ban kiểm kê gồm:

Ông: Nguyễn Thành Trung

Chức vụ: Nhân viên Phòng kế hoạch - đầu tư

Ông: Phạm Đăng Nghị

Chức vụ: Thủ kho

Bà: Nguyễn Thị Hải

Chức vụ: Kế toán hàng tồn kho

-Đã kiểm kê kho có những mặt hàng dưới đây:

S TT	Tên nhãn hiệu, quy cách	Mã số	ĐVT	Đơn giá	Theo sổ kế toán		Theo kiểm kê		Chênh lệch	
					SL	Thành tiền	SL	Thành tiền	SL	Thành tiền
1	Xi măng HP		bao	73700	60	4.434.000	60	4.434.000	0	
2	Sơn màu ghi		kg	35000	15	525.000	15	525.000	0	
3	Sơn chống rỉ AD		kg	20000	10	200.000	10	200.000	0	
4	Cát vàng		M ³	22.000	20	440.000	20	440.000	0	
5	Gạch đỏ		viên	700	10000	7.000.000	10000	7.000.000	0	
		
	Cộng	x	x	x	x	211.581.565	x	211.581.565	x	

CHƯƠNG III:

MỘT SỐ BIỆN PHÁP NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC HẠCH TOÁN KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU TẠI CÔNG TY TNHH MTV XÂY LẤP VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG V.

3.1: Nhận xét về công tác hạch toán kế toán nguyên vật liệu tại Công ty TNHH MTV Xây lắp & Vật liệu xây dựng V.

3.1.1: Đánh giá chung.

Công ty TNHH MTV Xây lắp và Vật liệu Xây dựng V - Bộ Thương mại là một Doanh nghiệp Nhà nước trực thuộc Bộ Thương mại. Trải qua quá trình phát triển lâu dài, Công ty đã khẳng định một chỗ đứng và có vai trò quan trọng trong nền kinh tế, Công ty đã không ngừng trưởng thành và lớn mạnh về cơ sở vật chất, trình độ quản lý đang dần được hoàn thiện. Trong nền kinh tế thị trường, Công ty đã và đang khẳng định tính độc lập, tự chủ trong kinh doanh biết khai thác phát huy và sử dụng có hiệu quả nội lực, tiềm năng sẵn có của mình để đem lại hiệu quả cho Doanh nghiệp, đồng thời đóng góp vào vào nguồn Ngân sách Nhà nước đáng kể, nhất là vào khoảng thời gian Việt Nam mới gia nhập WTO những năm 2007, 2008 lợi nhuận trước thuế của Công ty lên đến hơn 11 tỷ đồng. Tuy nhiên, trong những năm gần đây khi nền kinh tế thế giới bị khủng hoảng nghiêm trọng, việc làm ăn của các doanh nghiệp trong nước gặp nhiều khó khăn, thì Công ty vẫn trụ vững vẫn đóng góp vào Ngân sách Nhà nước hàng năm dù không bằng những năm trước. Đó là những nỗ lực không biết mệt mỏi của cán bộ công nhân viên công ty, nhằm tìm ra hướng đi mới cùng nền kinh tế đất nước vượt qua giai đoạn khó khăn.

Nhìn chung, Công ty có bộ máy quản lý gọn nhẹ nhưng chặt chẽ, các phòng ban được phân công nhiệm vụ một cách rõ ràng cụ thể, hợp lý, trực tiếp phụ trách các vấn đề thuộc chuyên môn nghiệp vụ của mình. Tuy gặp nhiều khó khăn nhưng Công ty luôn cố gắng phấn đấu vươn lên, đảm bảo việc làm cho cán bộ công nhân viên, phát động phong trào thi đua nhằm khắc phục mặt yếu, phát huy những điểm mạnh, thực hiện tốt các chế độ cho người lao

động theo quy định nhà nước, thực hiện thưởng phạt phân minh, khuyến khích các sáng tạo, đổi mới... đem lại hiệu quả sản xuất của cán bộ công nhân viên nhằm nâng cao ý thức trách nhiệm, tính kỷ luật tận dụng tối đa nguồn tri thức, tay nghề cũng như phát huy tính sáng tạo của nhân viên.

Công ty không ngừng nâng cao phương thức quản lý, mở rộng quy mô sản xuất, áp dụng kỹ thuật tiên tiến nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất. Cụ thể là cơ sở vật chất của Công ty được chú trọng đầu tư hệ thống trang thiết bị phục vụ sản xuất được đầu tư có hiệu quả, các dây chuyền sản xuất tiên tiến hiện đại, hệ thống máy vi tính hiện đại, đưa tin học đến từng phòng ban đảm bảo công việc được thực hiện hiệu quả, công tác quản lý rất thuận tiện, phù hợp với phương thức quản lý và quy luật phát triển chung của Công ty.

Phải nói đây là một doanh nghiệp Nhà nước làm ăn có hiệu quả, biết vươn lên trong sự cạnh tranh của nền kinh tế thị trường. Bí quyết của sự thành công là Doanh nghiệp biết tính toán chi phí, biết khai thác những khả năng sẵn có của mình để giảm chi phí tới mức thấp nhất và hạ giá thành sản phẩm. Đạt được những thành tựu đó là do có sự định hướng, chỉ đạo đúng đắn của các cấp lãnh đạo, Ban Giám đốc Công ty còn luôn chú trọng tới công tác xây dựng và hoàn thiện cơ sở vật chất, nâng cao trình độ của cán bộ công nhân viên trong Công ty, đảm bảo mở rộng đúng tiến độ, đổi mới và cải tiến sản xuất, ổn định và nâng cao thu nhập cho cán bộ công nhân viên, tiếp tục đưa Công ty ngày một phát triển trong đó có sự đóng góp không nhỏ của những người làm công tác tài chính kế toán ở Công ty.

3.1.2: Nhận xét về bộ máy kế toán và công tác kế toán tại Công ty .

Công ty TNHH MTV Xây lắp và VLXD V trong thời gian qua đã có nhiều biện pháp nhằm hoàn thiện, đổi mới trong công tác tổ chức hạch toán kế toán tại đơn vị mình. Vì vậy, công tác tổ chức hạch toán kế toán tại Công ty đã đạt được những thành tựu, góp phần quan trọng vào quá trình phát triển của Công ty trong thời kỳ mới. Trong nhiều năm qua, Công ty luôn đảm bảo

thực hiện đúng nguyên tắc hạch toán kế toán đặc biệt trong công tác quản lý vật tư.

Công tác kế toán nói chung và các tổ chức phân hành kế toán nói riêng tại công ty đã đi vào nề nếp thể hiện ở các mặt sau:

- Về hình thức tổ chức bộ máy kế toán:

Công ty áp dụng mô hình tổ chức bộ máy kế toán theo hình thức kế toán tập trung. Đó là mỗi kế toán viên sẽ chịu trách nhiệm về một mảng riêng sau đó số liệu sẽ được tổng hợp lại bởi kế toán tổng hợp cuối cùng được kiểm tra bởi Kế toán trưởng. Kế toán viên phải chịu trách nhiệm trước Kế toán trưởng về phân hành mà mình phụ trách, đảm bảo cung cấp thông tin nhanh chóng, kịp thời, chính xác đến đối tượng sử dụng.

Tất cả các công việc đều được thực hiện tập trung tại phòng kế toán như thực hiện ghi sổ kế toán tổng hợp và sổ kế toán chi tiết toàn bộ các nghiệp vụ tài chính phát sinh ở tất cả các bộ phận, lập báo cáo tài chính.

Ở các tổ đội sản xuất không tổ chức kế toán riêng mà chỉ có nhân viên làm nhiệm vụ thu nhập, kiểm tra, lưu trữ, các chứng từ ban đầu gửi về phòng kế toán Công ty để hạch toán tại phòng kế toán. Theo hình thức này, công việc kế toán ở Công ty được tổ chức có kế hoạch, sắp xếp và bố trí cán bộ, nhân viên kế toán phù hợp với năng lực, trình độ của từng người nên chất lượng công tác được nâng cao. Mô hình này phù hợp với quy mô và phạm vi hoạt động của Công ty.

Ngoài ra, bộ máy kế toán tổ chức theo phương thức ghép, nghĩa là mỗi nhân viên phải phụ trách hai hay ba phân hành kế toán. Việc sử dụng phương thức này giảm bớt được cán bộ kế toán mà vẫn đảm bảo công việc hiệu quả, tránh được tình trạng nhàn rỗi phù hợp với chế độ quy định. Bộ máy kế toán ở Công ty tuy gọn nhẹ nhưng rất hợp lý hoạt động có hiệu quả, cung cấp thông tin kế toán một cách kịp thời, chính xác đầy đủ hữu ích cho các đối tượng sử dụng thông tin. Đồng thời nó cũng phát huy và nâng cao trình độ nghiệp vụ của các cán bộ kế toán.

Đội ngũ cán bộ Kế toán của Công ty đa số là những người có kinh nghiệm lâu năm, có trình độ và nhiệt tình trong công tác cũng như nhạy bén trong việc xử lý các nghiệp vụ kinh tế phát sinh và tổng hợp thông tin kế toán. Công ty luôn tạo điều kiện tổ chức hội nghị kế toán thường niên, bồi dưỡng đào tạo nâng cao nghiệp vụ cho cán bộ nhân viên kế toán để tiếp thu kịp thời, vận dụng linh hoạt chế độ kế toán mới. Nhân viên trong Phòng kế toán tài chính có tinh thần đoàn kết, tương trợ giúp đỡ nhau trong công việc.

Công ty trang bị hệ thống máy vi tính có nối mạng vào công tác kế toán để các nhân viên kế toán có thể trao đổi thông tin dễ dàng, giảm bớt khối lượng công việc, tiết kiệm chi phí văn phòng và thời gian cho nhân viên kế toán, đảm bảo cung cấp số liệu nhanh chóng, kịp thời, chính xác, bên cạnh đó trong quá trình công tác, dựa vào những vấn đề thực tế nảy sinh, các cán bộ nhân viên kế toán luôn mạnh dạn đề xuất ý kiến của mình đưa ra trao đổi, bàn bạc góp phần nhằm hoàn thiện công tác kế toán của Công ty.

Nhờ vậy mà công tác quản lý hoạt động SXKD của Công ty cũng như công tác kế toán ngày càng hoàn thiện và lớn mạnh.

- Về hình thức sổ kế toán:

Công ty áp dụng hình thức sổ kế toán theo hình thức nhật ký chứng từ. Các sổ nhật ký chứng từ, bảng biểu thực hiện đầy đủ, ngoài ra việc ghi chép rất cẩn thận, rõ ràng, chính xác còn các tài khoản được vận dụng một cách phù hợp. Hệ thống sổ sách báo cáo linh hoạt, đầy đủ phù hợp với chế độ quy định hiện hành của Nhà nước.

- Về hệ thống chứng từ và tài khoản kế toán sử dụng:

Công ty áp dụng những chứng từ, tài khoản kế toán theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ tài chính, hệ thống chứng từ được lập, kiểm tra, luân chuyển phù hợp với nghiệp vụ kinh tế phát sinh đồng thời phản ánh đầy đủ kịp thời, chính xác đảm bảo thông tin nhanh, hiệu quả. Từ đặc điểm hoạt động kinh doanh của Công ty khối lượng ghi chép các nghiệp vụ kinh tế phát sinh là rất lớn nên tổ chức hệ thống sổ sách hợp lý

có vai trò trong việc cung cấp kịp thời, đầy đủ các thông tin và lập báo cáo định kỳ.

- Về việc lập và thời gian lập các báo cáo tài chính:

Công ty thực hiện theo đúng chế độ quy định đối với Công ty Nhà nước. Các báo cáo tài chính được nộp cho cơ quan thuế, ngân hàng... Ngoài báo cáo tài chính, Công ty còn lập báo cáo quản trị theo yêu cầu quản lý giúp Ban Giám đốc Công ty có thể đưa ra những quyết định kịp thời, chính xác.

- Về kỳ hạch toán:

Hiện nay Công ty đang tiến hành hạch toán theo tháng. Kỳ hạch toán theo tháng rất thuận tiện cho công tác kế toán, tăng cường chức năng kiểm tra kế toán, đáp ứng kịp thời yêu cầu quản lý.

3.1.3: Nhận xét về công tác kế toán nguyên vật liệu tại Công ty TNHH MTV Xây lắp và Vật liệu xây dựng V.

Công ty đã hạch toán nguyên vật liệu theo đúng chuẩn mực kế toán số 02 về Hàng tồn kho, trong đó kế toán nguyên vật liệu đạt được những ưu điểm sau:

Ưu điểm

- Về phương pháp kế toán :

Để quá trình thực hiện hạch toán tổng hợp NVL Công ty đã áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên, tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ, phương pháp này có ưu việt là về hàng tồn kho đặc biệt là NVL luôn được theo dõi, kiểm tra thường xuyên, liên tục kịp thời phù hợp với đặc điểm, lĩnh vực kinh doanh của Công ty, bởi vậy NVL luôn biến động rất cần thiết đến khâu quản lý vật tư tiến hành theo phương pháp này giúp Công ty quản lý theo dõi và kiểm tra NVL được chính xác kịp thời hơn. Đây là một lựa chọn sáng suốt của Công ty trong phương pháp hạch toán.

Để hạch toán chi tiết NVL Công ty áp dụng phương pháp thẻ song song phương pháp này vừa thuận tiện trong công tác hạch toán NVL tại

phòng kế toán (theo dõi cả về số lượng và giá trị) vừa giảm nhẹ công việc của thủ kho (chỉ cần theo dõi số lượng), giúp theo dõi chặt chẽ từng NVL từ khâu thu mua về kho bãi đến khi xuất dùng, đối chiếu giữa sổ và các chứng từ đơn giản, chính xác, việc quản lý được dễ dàng kịp thời. Các thẻ kho, sổ chi tiết và các loại sổ sách chi tiết có liên quan của phương pháp này được Công ty mở và ghi chép đầy đủ, đúng mẫu.

- Kế hoạch cung cấp và công tác quản lý hạch toán nguyên vật liệu:

Mặc dù nguyên liệu, vật liệu được sử dụng ở Công ty có số lượng chủng loại đa dạng nhưng Công ty vẫn đảm bảo cung cấp đầy đủ NVL phục vụ cho nhu cầu SXKD không gián đoạn, không thiếu vật liệu khi cần. Qua đó chứng tỏ tinh thần trách nhiệm và sự nỗ lực của ban giám đốc cũng như của các phòng ban trong Công ty rất cao, Công ty chú trọng quan tâm đến kế hoạch cung cấp và công tác quản lý hạch toán NVL từ khâu thu mua, bảo quản, dự trữ đến khâu sử dụng nguyên liệu, vật liệu.

Công tác thu mua nguyên vật liệu: Về mặt này Công ty luôn chú trọng đến vấn đề chất lượng, số lượng vật tư sao cho luôn đảm bảo công tác thu mua đã được xem xét cân đối giữa kế hoạch sản xuất và nhu cầu thực tế, để đáp ứng đầy đủ kịp thời cho SXKD, tránh ứ đọng vốn.

Công ty đã làm tốt khâu lựa chọn nhà cung cấp, ký kết hợp đồng, nhận hàng cũng như kiểm định chất lượng. Nên việc thu mua được tiến hành quy củ, chất lượng và số lượng vật tư được đảm bảo đúng yêu cầu sử dụng, không phát sinh những chi phí không cần thiết.

Công tác sử dụng nguyên vật liệu: NVL là một trong ba yếu tố cơ bản của quá trình SXKD, là cơ sở cấu thành nên thực thể của sản phẩm. Chi phí về NVL thường chiếm tỷ trọng lớn trong tổng giá trị công trình. Việc sử dụng NVL một cách tiết kiệm, đúng mục đích và có hiệu quả nhằm hạ thấp chi phí, giảm giá thành sản phẩm và tăng thu nhập cho doanh nghiệp.

Công tác bảo quản: Nhận thấy tầm quan trọng của NVL đối với quá trình sản xuất và kinh doanh nên công ty rất chú trọng đến công tác bảo quản và cất trữ nguyên vật liệu.

Tại các kho của công ty luôn có đầy đủ các trang thiết bị phục vụ công tác quản lý và bảo vệ NVL và các thủ tục xuất, nhập cũng được quản lý chặt chẽ và liên hoàn. Thủ kho có tinh thần trách nhiệm cao, trình độ chuyên môn tốt đảm bảo nguyên vật liệu được bảo quản trong kho giữ nguyên được phẩm chất, quy cách, đầy đủ về số lượng.

Hiện tại Công ty chỉ có hai kho trên địa bàn Hải Phòng vì vậy chỉ có những công trình nằm trên địa bàn Thành phố gần các kho mới tiến hành nhập kho. Đối với các công trình thi công ở xa, công ty thường xây dựng kho bãi bảo quản tạm thời ngay tại nơi công ty xây dựng, nguyên vật liệu được mua về xuất thẳng đến chân công trình và tại đó công ty cũng tiến hành cử người trông coi và quản lý chúng, có bảo vệ thường trực canh giữ, trông coi, có người chịu trách nhiệm nhập, xuất nguyên vật liệu. Nhờ đó vừa phục vụ thuận tiện cho việc thi công, giảm chi phí vận chuyển, lại vừa đảm bảo chất lượng, quy cách... nguyên vật liệu.

Cùng với đó là công tác kiểm kê nguyên vật liệu cũng được thực hiện nghiêm túc, đúng quy trình nhằm đảm bảo về số lượng và chất lượng nguyên vật liệu thi công.

-Về vấn đề thanh toán các nhà cung cấp vật tư đã được kế toán theo dõi sát sao trên hệ thống sổ chi tiết. Nhằm tạo điều kiện cho công tác đối chiếu thanh toán công nợ theo hợp đồng kinh tế.

- Công tác kế toán vật liệu:

Công tác kế toán ở Công ty được tiến hành khá nề nếp theo một qui trình luân chuyển chứng từ, được dựa trên những căn cứ khoa học và đặc điểm tình hình thực tế của Công ty có vận dụng sáng tạo chế độ kế toán hiện hành do NVL đa dạng các nghiệp vụ nhập xuất diễn ra thường xuyên.

Hơn nữa để hoà nhập với sự phát triển của khoa học kỹ thuật và xu hướng tiên bộ trên toàn thế giới, việc áp dụng công nghệ thông tin trong hạch toán là hoàn toàn đúng đắn và cần thiết.

Hạch toán nguyên vật liệu đạt được những thành tựu trong việc phản ánh, giám sát tình hình hoạt động sản xuất Công ty cũng như tình hình biến động nguyên vật liệu phục vụ sản xuất giúp nhà quản trị đưa ra quyết định đúng đắn, đảm bảo hoạt động sản xuất kinh doanh diễn ra liên tục, hạ thấp giá thành sản xuất, tối đa hóa lợi nhuận cho Công ty.

Nhược điểm.

Bên cạnh những ưu điểm nêu trên, công tác quản lý và hạch toán NVL còn có những mặt hạn chế cụ thể như sau:

-Trong công tác quản lý nguyên vật liệu:

Công ty TNHH MTV Xây lắp và Vật liệu xây dựng V là một công ty đa chức năng với lĩnh vực hoạt động chính là sản xuất và kinh doanh vật liệu xây dựng, thi công các công trình xây dựng công nghiệp và dân dụng. Vì vậy nguyên vật liệu Công ty sử dụng rất đa dạng và nhiều chủng loại, biến động liên tục. Do đó, để phục vụ tốt cho nhu cầu quản lý cần phải biết được một cách đầy đủ, cụ thể số hiện có và tình hình biến động của từng loại nguyên vật liệu được sử dụng trong hoạt động sản xuất tại Công ty, đồng thời tiết kiệm thời gian đối chiếu giữa kho và phòng kế toán. Công ty cần lập sổ điểm danh nguyên vật liệu được phân chia chi tiết theo tính năng hóa lý, quy cách phẩm chất, đặc biệt được mã hóa thành hệ thống đảm bảo tính logic, thuận tiện việc tìm kiếm thông tin của nguyên vật liệu trong hoạt động sản xuất.

-Việc luân chuyển chứng từ:

Chứng từ kế toán rất quan trọng đến công tác quản lý tài chính nói chung và công tác tập hợp chi phí nói riêng, vì vậy công tác quản lý chứng từ phải đặc biệt chú trọng.

Giữa phòng kinh doanh, phòng kế toán và thủ kho diễn ra thường xuyên tuy nhiên các bộ phận phòng ban này không có biên bản giao nhận chứng từ rất dễ xảy ra tình trạng mất mát chứng từ. Khi xảy ra mất mát không quy được trách nhiệm cho ai. Dẫn đến tình trạng thiếu trách nhiệm, buông lỏng việc quản lý chứng từ.

Hơn nữa, việc tập hợp luân chuyển chứng từ không có quy định cụ thể về thời gian giao nộp chứng từ nên tình trạng chứng từ bị chậm trễ trong quá trình đưa lên phòng Tài chính-Kế toán.

-Hệ thống tài khoản:

Công ty không thực hiện trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho. Trong thực tế việc trích lập các khoản dự phòng là rất quan trọng, giúp đơn vị đánh giá được giá trị thực của tài sản hiện có. Đặc biệt là một Công ty có lượng nguyên vật liệu lớn, đa dạng phong phú về chủng loại, thì công tác lập dự phòng giảm giá càng nên được thực hiện.

-Công tác kiểm kê:

Công tác này được thực hiện 4 lần trong năm vào cuối mỗi quý. Đối với một Công ty có lượng nguyên vật liệu đa dạng phong phú, là Công ty Nhà nước phải làm báo cáo tài chính hàng quý thì công tác kiểm kê như vậy là hợp lý. Tuy nhiên, mẫu biên bản kiểm kê vật tư hàng hóa, công cụ dụng cụ... Công ty áp dụng không thể hiện được rõ về chất lượng, quy cách hàng tồn kho.

-Về công tác kế toán quản trị và báo cáo quản trị:

Công ty vẫn chưa xây dựng được hệ thống báo cáo quản trị phù hợp với yêu cầu cung cấp thông tin phục vụ cho quản lý Doanh nghiệp nói chung và quản lý nguyên vật liệu nói riêng nhằm giúp nhà quản trị có thông tin một cách nhanh nhất để phục vụ yêu cầu quản lý, điều hành và đưa ra quyết định kinh tế cho Doanh nghiệp.

Hiện nay ở Công ty đã tiến hành xây dựng định mức tiêu hao nguyên vật liệu, tuy nhiên trong quá trình thi công, việc sử dụng NVL còn lãng phí do việc kiểm tra, giám sát thi công của đội trưởng công trình không tiến hành chặt chẽ.

Kho bãi của Công ty được bố trí hợp lý, do đặc điểm ngành nghề mà một số loại nguyên vật liệu cồng kềnh chiếm diện tích thì Công ty không thể đưa vào kho mà để ngoài trời, điều này làm vật tư hư hỏng mất phẩm chất.

3.2: Một số biện pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán NVL tại Công ty TNHH MTV Xây lắp và Vật liệu xây dựng V.

3.2.1: Nguyên tắc hoàn thiện.

Việc hoàn thiện kế toán nguyên vật liệu tại Công ty đặc biệt phải chú ý đến các nguyên tắc sau:

- Nguyên tắc nhất quán: Nguyên tắc này yêu cầu kế toán đã chọn phương pháp nào để hạch toán thì phải áp dụng phương pháp đó trong cả niên độ kế toán.
- Nguyên tắc giá gốc: Quy định nguyên vật liệu phải được tính theo giá gốc.
- Nguyên tắc thận trọng: Nguyên tắc này đòi hỏi muốn hoàn thiện kế toán nguyên vật liệu cần cẩn trọng trong từng bước.

3.2.2: Yêu cầu hoàn thiện.

Hoàn thiện kế toán trong công ty là việc hết sức quan trọng và cần thiết để đảm bảo cho việc hoàn thiện mang tính khả thi, đáp ứng được các yêu cầu quản lý của Công ty phải thực hiện các yêu cầu sau:

- Hoàn thiện kế toán nguyên vật liệu phải đảm bảo sự phù hợp với các nguyên tắc kế toán chung.
- Phải tôn trọng cơ chế tài chính tuân thủ các chế độ chính sách, thể lệ kế toán do nhà nước ban hành với chế độ kế toán đặc thù của ngành.
- Đảm bảo sự tiết kiệm và hiệu quả trong việc tổ chức công tác kế toán ở Doanh nghiệp. Muốn vậy phải tổ chức kế toán hợp lý, khoa học, tiết kiệm

nhưng vẫn bảo đảm thực hiện tốt cả chức năng nhiệm vụ của kế toán để chất lượng công tác kế toán đạt chất lượng cao nhất với chi phí thấp nhất.

-Đảm bảo tốt chức năng thông tin cho nhà quản trị Doanh nghiệp vì mục tiêu của hoàn thiện công tác kế toán là cung cấp thông tin kịp thời, chính xác để nhà quản trị đưa ra quyết định đúng đắn.

3.2.3: Nội dung hoàn thiện

Công tác quản lý và hạch toán NVL bên cạnh những mặt tích cực còn có những mặt hạn chế cần khắc phục dần dần. Do đó để hoàn thiện những mặt hạn chế đó, em xin đưa ra một số ý kiến về công tác được tốt hơn, phù hợp với tình hình thực tế tại Công ty nhưng vẫn phải bảo đảm chế độ kế toán hiện hành.

➤ Biện pháp 1: Lập sổ danh điểm nguyên vật liệu:

Hiện tại Công ty đã chia nguyên vật liệu thành nguyên vật liệu chính, nguyên vật liệu phụ...bằng việc hạch toán theo các tài khoản cấp 2. Tuy nhiên với đặc điểm ngành nghề, nguyên vật liệu của Công ty vô cùng đa dạng và phong phú về chủng loại, phẩm chất, kích cỡ nên việc phân loại như vậy còn đơn giản chưa khoa học, chưa thể hiện rõ được đặc điểm, công dụng của từng loại nguyên vật liệu, do vậy việc theo dõi cho từng nguyên vật liệu là rất khó khăn và vất vả. Chính vì thế mà Công ty nên lập sổ điểm danh với quy định từng mã vật liệu để việc theo dõi vật tư được dễ dàng, chặt chẽ hơn.

Sổ điểm danh nguyên vật liệu là sổ danh mục tập hợp toàn bộ các loại nguyên vật liệu đã và đang sử dụng, được theo dõi cho từng loại, từng nhóm, quy cách vật liệu một cách chặt chẽ, logic. Hệ thống các danh điểm vật tư có thể được xác định bằng nhiều cách khác nhau nhưng phải đảm bảo đơn giản, dễ nhớ, không trùng lặp. Mỗi loại, mỗi nhóm vật liệu được quy định một mã riêng sắp xếp một cách trật tự, thuận tiện cho việc tìm kiếm khi cần thiết.

Xây dựng sổ điểm danh nguyên vật liệu, giúp cho việc quản lý từng loại vật liệu sẽ tránh được nhầm lẫn, thiếu sót và cũng giúp cho việc thống

nhất giữa thủ kho và kế toán trong việc lập bảng kê, báo cáo nhập xuất tồn kho. Khi có sổ danh điểm việc cập nhật số liệu vào máy tính và việc ghi chép của thủ kho sẽ giảm nhẹ, thuận tiện hơn và tránh được nhầm lẫn. Việc quản lý nguyên vật liệu trong Công ty nói chung sẽ được chặt chẽ, thống nhất, khoa học hơn.

Để lập sổ danh điểm nguyên vật liệu, điều quan trọng nhất là phải xây dựng được bộ mã nguyên vật liệu chính xác, đầy đủ không trùng lặp, có dự trữ để bổ sung những mã chưa có. Công ty có thể xây dựng bộ mã dựa trên các đặc điểm sau đây:

- + Dựa vào vật liệu;
- + Dựa vào số nhóm vật liệu trong mỗi loại;
- + Dựa vào số thứ vật liệu trong mỗi nhóm;
- + Dựa vào số quy cách vật liệu trong mỗi thứ;

Mẫu sổ điểm danh vật tư Công ty có thể áp dụng:

Biểu số 3.1

SỔ ĐIỂM DANH VẬT TƯ

Ký hiệu		Mã số điểm danh	Danh điểm nguyên vật liệu	Đơn vị tính	Ghi chú
Loại	Nhóm				
1521			Nguyên vật liệu chính		
	1521.01		Thép thanh vằn	Kg	
		1521.01.01	Thép thanh vằn $\phi 6$	Kg	
		1521.01.02	Thép thanh vằn $\phi 8$	Kg	
		1521.01.03	Thép thanh vằn $\phi 10$	Kg	
		1521.01.04	Thép thanh vằn $\phi 12$	Kg	
	1521.02		Thép cuộn	Kg	
		1521.02.01	Thép cuộn $\phi 4$	Kg	
		1521.02.02	Thép cuộn $\phi 6$	Kg	
		1521.02.03	Thép cuộn $\phi 8$	Kg	
	1521.03		Tôn CT03	Tám	
		1521.03.01	Tôn CT03-2mm	Tám	
		1521.03.02	Tôn CT03-4mm	Tám	
		1521.03.03	Tôn CT03-6mm		
	
1522			Nguyên vật liệu phụ		
	1522.01		Sơn chống rỉ	Lít	
		1522.01.01	Sơn chống rỉ AD	Lít	
		1522.01.02	Sơn chống rỉ AM	Lít	
		1522.01.03	Sơn chống rỉ HQ	Lít	
	1522.02		Sơn màu	Lít	
		1522.02.01	Sơn màu ghi	Lít	
		1522.02.02	Sơn màu nâu	Lít	
		1522.02.03	Sơn màu lục	Lít	
	

➤ **Biên pháp 2:** Lập sổ giao nhận chứng từ:

Công ty có hệ thống nguyên vật liệu đa dạng, đồng thời việc luân chuyển chứng từ giữa các phòng ban diễn ra liên tục, thường xuyên mà không có sổ giao nhận chứng từ dễ dẫn đến mất mát chứng từ. Công ty nên lập sổ giao nhận chứng từ khi luân chuyển chứng từ giữa các bộ phận. Mỗi khi luân chuyển thì các bên giao và nhận chứng từ đều phải ký vào phiếu giao nhận. Nếu xảy ra mất mát chứng từ cũng dễ quy trách nhiệm cho đúng người, đúng bộ phận để có biện pháp xử lý.

Việc làm này giúp chứng từ quản lý chặt chẽ hơn và theo dõi được số lượng chứng từ trong một khoảng thời gian nhất định. Hơn nữa cũng nâng cao tinh thần trách nhiệm cho cán bộ công nhân viên trong việc quản lý chứng từ nói riêng và công việc nói chung. Mẫu sổ giao nhận chứng từ:

Biểu số 3.2: SỔ GIAO NHẬN CHỨNG TỪ

Từ ngày 01 tháng 06 năm 2012 đến ngày 30 tháng 06 năm 2012

Ngày tháng giao nhận	Số hiệu chứng từ	Ngày tháng trên chứng từ	Diễn Giải	Ký tên	
				Bên giao	Bên nhận
1/6/2012	HĐGTGT 0081091	1/6/2012	Mua sơn của Công ty Sơn Hải Phòng		
	KNVT 215	1/6/2012			
	PN 01/06	1/6/2012			
1/6/2012	HĐGTGT 0054749	1/6/2012	Xuất bán dầu nhớt PA4-D9000_20W50		
	PX 01/06	1/6/2012			
2/6/2012	HĐGTGT 0054750	2/6/2012	Xuất bán dầu PA2-D9002_20W50		
	PX 02/06	2/6/2012			
...		

➤ Biên pháp 3: Hoàn thiện hệ thống tài khoản (TK 159_Dự phòng giảm giá hàng tồn kho).

Nguyên vật liệu của Công ty nhiều đa dạng, phong phú về chủng loại, quy cách, phẩm chất... nhưng giá cả trên thị trường thường biến động thường xuyên và không ổn định. Vì vậy Công ty nên tiến hành trích lập khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho để giảm bớt rủi ro và có nguồn để bù đắp nguyên vật liệu bị giảm giá, mặt khác xác định giá thực tế của hàng tồn kho trên hệ thống báo cáo tài chính.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho là dự phòng phân giảm giá trị bị tổn thất do giá vật tư, thành phẩm, hàng hóa tồn kho bị giảm giá (Bao gồm cả hàng tồn kho bị hư hỏng, kém phẩm chất, lạc hậu, ứ đọng, chậm luân chuyển...).

$\text{Mức dự phòng giảm giá HTK} = \text{Số lượng HTK tại thời điểm lập BCTC}$ <p>(Giá gốc HTK theo sổ kế toán – Giá trị thuần có thể thực hiện được của HTK)</p>
--

Công ty chỉ được lập dự phòng cho những nguyên vật liệu thuộc quyền sở hữu của mình, có chứng từ kế toán hợp pháp, hợp lý chứng minh giá vốn hàng tồn kho.

❖ Kết cấu tài khoản 159:

Bên nợ:

Giá trị dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hoàn nhập ghi giảm giá vốn hàng bán trong kỳ.

Bên có:

Giá trị dự phòng giảm giá hàng tồn kho đã lập và tính vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

Dư có cuối kì:

Giá trị dự phòng giảm giá hàng tồn kho hiện có cuối kỳ.

❖ Kế toán dự phòng giảm giá hàng tồn kho:

Cuối kỳ kế toán, khi lập dự phòng giảm giá lần đầu tiên ghi:

Nợ 632: Giá vốn hàng bán

Có 159: Dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

Cuối kỳ kế toán tiếp theo:

Nếu khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho phải lập ở cuối kỳ kế toán năm nay lớn hơn khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho đã lập ở cuối kỳ kế toán năm trước chưa sử dụng hết thì số chênh lệch lớn hơn, ghi:

Nợ 632: Giá vốn hàng bán (Chi tiết dự phòng giảm giá hàng tồn kho).

Có 159: Dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

Nếu khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho phải lập ở cuối kỳ kế toán năm nay nhỏ hơn khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho đã lập ở cuối kỳ kế toán năm trước chưa sử dụng hết thì số chênh lệch nhỏ hơn, ghi:

Nợ 159: Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Nợ 632: Giá vốn hàng bán (Chi tiết dự phòng giảm giá hàng tồn kho).

➤ Biện pháp 4: Thay đổi hình thức kế toán áp dụng:

Công ty áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chứng từ, là một trong những hình thức kế toán phải theo dõi nhiều loại sổ sách, bảng biểu công kênh. Hơn nữa, Kế toán viên mới chỉ làm việc trên phần mềm Excel mà chưa có bất kỳ phần mềm hỗ trợ nào khác. Điều đó làm cho Kế toán gặp khó khăn trong việc theo dõi sổ sách, đồng thời phải có nhiều nhân viên kế toán để xử lý số liệu kế toán phát sinh trong kì. Chính vì vậy Công ty nên áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính áp dụng hình thức sổ sách theo hình thức nhật ký chung. Điều đó sẽ làm cho bộ máy kế toán Công ty gọn nhẹ hơn nữa, việc hạch toán nghiệp vụ kinh tế phát sinh đơn giản hơn, giảm tải cho kế toán tổng hợp khối lượng khổng lồ những bút toán cuối kỳ, phân bổ, kết chuyển... Ngăn chặn sự sai sót, chênh lệch thông tin các phần hành. Kế toán viên thuận tiện trong việc theo dõi công tác của mình.

Biên pháp 5: Hoàn thiện biểu mẫu biên bản kiểm kê vật tư, công cụ dụng cụ, sản phẩm, hàng hóa:

Công tác kiểm kê nguyên vật liệu là để xác định lại số lượng, giá trị và chất lượng nguyên vật liệu còn tồn kho, phát hiện chênh lệch giữa sổ sách và thực tế nhằm bảo vệ tài sản, chấn chỉnh công tác quản lý nguyên vật liệu tại Công ty.

Hiện nay, Công ty đã tổ chức kiểm kê nguyên vật liệu 4 lần trong năm tại thời điểm cuối mỗi quý. Thời gian tổ chức kiểm kê như vậy đánh giá được kịp thời, chính xác số lượng, giá trị của nguyên vật liệu tồn kho, nhanh chóng tìm ra nguyên nhân hư hỏng, mất mát, quy trách nhiệm cho đúng đối tượng, hạn chế gây gián đoạn, ảnh hưởng đến quá trình sản xuất.

Tuy nhiên, do mẫu biên bản kiểm kê của Công ty hiện tại không thể hiện được chi tiết phần kiểm tra về phẩm chất nguyên vật liệu, một phần quan trọng trong mục đích của công tác kiểm kê là nắm được chất lượng vật liệu trước khi đưa vào sản xuất. Vì vậy, Công ty nên sử dụng mẫu phiếu kiểm kê vật tư, công cụ dụng cụ, sản phẩm, hàng hóa số VT-05 theo Quyết Định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 6 năm 2006 do Bộ tài chính phát hành.

Biểu số 3.3:

Đơn vị:

Bộ phận:

Mẫu số: 05-VT

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

BIÊN BẢN KIỂM KÊ VẬT TƯ, CÔNG CỤ DỤNG CỤ, SẢN PHẨM, HÀNG HÓA

-Thời điểm kiểm kê: 15 giờ ngày 30 tháng 06 năm 2012.

-Ban kiểm kê gồm:

Ông: Nguyễn Thành Trung

Chức vụ: Nhân viên Phòng kế hoạch - đầu tư

Trưởng ban

Ông: Phạm Đăng Nghị

Chức vụ: Thủ kho

Ủy viên

Bà: Nguyễn Thị Hải

Chức vụ: Kế toán hàng tồn kho

Ủy viên

-Đã kiểm kê kho có những mặt hàng dưới đây:

S TT	Tên nhãn hiệu, quy cách	Mã số	ĐVT	Đơn giá	Theo sổ kế toán		Theo kiểm kê		Chênh lệch				Chất lượng		
					SL	Thành tiền	SL	Thành tiền	Thừa		Thiếu		Còn tốt 100%	Kém phẩm chất	Mất phẩm chất
									SL	TT	SL	TT			
1	Xi măng HP		bao	73700	60	4.434.000	60	4.434.000					60		
2	Sơn màu ghi		kg	35000	15	525.000	15	525.000					15		
3	Sơn chống rỉ AD		kg	20000	10	200.000	10	200.000					10		
	Cộng	x	x	x	x		x		x		x		x	x	x

➤ Biện pháp 6: Chú trọng công tác kế toán quản trị và lập báo cáo quản trị về tình hình biến động nguyên vật liệu:

-Công tác kế toán quản trị:

Định mức tiêu hao NVL là vấn đề quan trọng, có ý nghĩa quyết định đến chi phí vật tư của Công ty do đó khi xây dựng hệ thống tiêu hao nguyên liệu, vật liệu phải được xây dựng trên yêu cầu kỹ thuật, kết hợp với kinh nghiệm SXKD thực tế của Công ty và các nước tiên bộ trong khu vực và quốc tế.

Để khắc phục tình trạng sử dụng nguyên vật liệu lãng phí, đội trưởng công trình phải thường xuyên kiểm tra, giám sát việc thi công cũng như việc sử dụng hợp lý tiết kiệm NVL trên cơ sở định mức tiêu hao. Đồng thời phải có chế độ thưởng phạt nghiêm minh đối với việc sử dụng hợp lý, tiết kiệm chi phí NVL tận dụng phế liệu thu hồi, dùng chế độ thưởng phạt để làm đòn bẩy kích thích công nhân tăng năng suất lao động, nâng cao hiệu quả sản xuất chỉ như vậy mới làm giảm được chi phí nguyên vật liệu.

Ngoài ra, phải liên tục đào tạo nâng cao tay nghề, học hỏi phương pháp kỹ thuật mới cho công nhân sản xuất vừa góp phần tiết kiệm nguyên vật liệu vừa đáp ứng được thị trường.

Áp dụng khoa học kỹ thuật tiên tiến vào sản xuất, đồng thời thường xuyên duy tu, bảo dưỡng hệ thống máy móc phục vụ sản xuất. Điều này cũng góp phần lớn vào việc tiết kiệm nguyên vật liệu trong sản xuất, nhằm cắt giảm chi phí cho Công ty.

Kho bãi của Công ty đã được bố trí hợp lý, tuy nhiên do đặc thù của ngành nghề nên một số nguyên vật liệu không thể đưa vào trong kho để bảo quản, điều này làm ảnh hưởng đến chất lượng nguyên vật liệu. Để khắc phục tình trạng này, ngoài việc tính toán lượng nguyên vật liệu cần mua cho phù hợp, Công ty cần phải bảo quản theo hình thức khác như dùng bạt để che chắn NVL, làm giảm một phần nào tác động của môi trường tới NVL.

Hiện nay hàng hóa trên thị trường rất phong phú và đa dạng, nhà cung cấp nhiều, cạnh tranh bình đẳng, vì thế bên cạnh những nhà cung cấp quen thuộc Công ty cần có kế hoạch thăm dò thị trường lựa chọn nhà cung cấp nào đảm bảo chất lượng, giá cả, giảm chi phí vận chuyển, cũng như phù hợp với điều kiện thanh toán của công ty, tránh mua phải nguyên vật liệu với giá cao khi khan hiếm hoặc thiếu trong quá trình sản xuất.

Công ty nên thiết lập hệ thống báo cáo quản trị, hệ thống báo cáo quản trị cần được xây dựng phù hợp với yêu cầu cung cấp thông tin phục vụ quản lý của Doanh nghiệp và quản lý về nguyên vật liệu. Nội dung hệ thống báo cáo kế toán quản trị cần đảm bảo cung cấp đầy đủ và đảm bảo tính so sánh được của các thông tin phục vụ yêu cầu quản lý, điều hành và ra quyết định kinh tế của Doanh nghiệp, các chỉ tiêu trong báo cáo kế toán quản trị cần phải được thiết kế phù hợp với các chỉ tiêu kế hoạch, dự toán và báo cáo tài chính. Đối với kế toán quản trị về hàng tồn kho nói chung và nguyên vật liệu nói riêng ta có thể sử dụng một số mẫu bảng báo cáo theo quy định của Bộ tài chính.

-Báo cáo tình hình biến động nguyên vật liệu:

Bảng này giúp nhà quản trị có cái nhìn tổng quát tình hình biến động của từng loại nguyên vật liệu. Từ bảng này nhà quản trị sẽ biết được đầu kỳ kế hoạch mua vào của từng loại nguyên vật liệu, ước lượng số tiền bỏ ra tương ứng. Trong quá trình thực hiện mua vào nguyên vật liệu trong kỳ do nhu cầu sản xuất, dự trữ có thể số lượng mua vào sẽ nhiều hơn, ít hơn hoặc bằng số lượng tính toán đầu kỳ, từ đó nhà quản trị cũng biết được chính xác số tiền phải bỏ ra bao nhiêu để mua nguyên vật liệu đó. Đồng thời nhà quản trị cũng nắm được cụ thể tình hình xuất dung NVL, từ đó giúp nhà quản trị xác định được việc sử dụng nguyên vật liệu có hợp lý không hay lãng phí dựa vào định mức tiêu hao. Báo cáo này cũng giúp nhà quản trị thấy được tình hình tồn kho đầu kỳ và tồn kho cuối kỳ với từng nguyên vật liệu để biết được lượng dự trữ như vậy đã đảm bảo đáp ứng kịp thời sản xuất kinh doanh, có bị ứ đọng không. Việc đưa ra ý kiến, nhận xét cụ thể của từng loại NVL để có được những biện pháp khắc phục nhược điểm, phát huy những ưu điểm.

Biểu số 3.4:

Đơn vị:.....

Bộ phận:.....

BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG NGUYÊN VẬT LIỆU

Tháng.....năm.....

Tên quy cách nguyên vật liệu	Kế hoạch mua vào			Thực hiện mua trong kỳ			Thực xuất trong kỳ						Số TKĐƯ		Số cuối kỳ		Ý kiến	
	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Dùng SXKD		Dùng cho QL		Khác		Số lượng	Thành tiền	Số lượng	Thành tiền	Nhận xét	Kiến nghị
							SL	TT	SL	TT	SL	TT						

KẾT LUẬN

Là một sinh viên được Trường Đại học Dân lập Hải Phòng được đào tạo và trang bị những kiến thức khoa học hiểu biết về bản chất cũng như tầm quan trọng của công việc kế toán nói chung và công tác kế toán nguyên liệu, vật liệu nói riêng. Trong thời gian nghiên cứu và tìm hiểu thực tế về công tác kế toán tại Công ty Xây lắp và Vật liệu Xây dựng – Bộ thương mại (nay là Bộ Công thương), em thấy bản thân đã học hỏi được nhiều kiến thức thực tế, bổ ích về hạch toán kế toán, đặc biệt là kế toán NVL.

Trong lĩnh vực hoạt động SXKD của các DN, để đạt được hiệu quả cao và hạ giá thành sản phẩm thì nguyên liệu, vật liệu là một trong những yếu tố quyết định, nguyên liệu, vật liệu giữ vai trò rất quan trọng trong công tác hạch toán tại đơn vị, nguyên liệu, vật liệu cấu thành nên thực tế của sản phẩm vì vậy việc quản lý nguyên liệu, vật liệu từ khâu thu mua đến khâu sử dụng, tiết kiệm hợp lý chính xác có hiệu quả là rất quan trọng, sẽ làm tăng chất lượng hàng hoá và hạ được giá thành sản phẩm. Đó là chỉ tiêu và cũng là mục tiêu phấn đấu của các DN. Vì vậy việc hoàn thiện công tác hạch toán kế toán nguyên liệu, vật liệu là một yêu cầu cần thiết nhằm tăng cường công tác quản lý trong DN.

Sau thời gian thực tập tại Công ty TNHH MTV Xây lắp và Vật liệu xây dựng V, được làm quen với thực tế hạch toán nguyên vật liệu cùng với phân lý thuyết được nghiên cứu, em đã học hỏi được rất nhiều điều bổ ích để củng cố những kiến thức đã được học ở trường. Đợt thực tập vừa qua cũng giúp em nắm bắt được tầm quan trọng của kế toán nguyên vật liệu trong quá trình sản xuất kinh doanh.

Qua thời gian thực tập tại Công ty Xây lắp và VLXD V Bộ Thương mại (nay là Bộ Công thương) nhận được sự giúp đỡ tận tình của ban lãnh đạo và tập thể cán bộ công nhân viên phòng Kế toán Tài chính cùng với sự nhiệt tình hướng dẫn của Cô giáo Ths Phạm Thị Nga cùng kết hợp với kiến thức đã được học, đã giúp em hoàn thành bài khóa luận tốt nghiệp ***“Hoàn thiện công tác kế toán nguyên vật liệu tại Công ty Xây lắp và Vật liệu Xây dựng V”***.

Trong bài khóa luận này em cũng mạnh dạn đề xuất một số ý kiến với nguyện vọng để Công ty tham khảo, nhằm hoàn thiện hơn nữa công tác kế toán nói chung và kế toán nguyên vật liệu nói riêng để Công ty sẽ đạt hiệu quả cao hơn nữa trong hoạt động SXKD của mình.

Vì thời gian thực tập tại Công ty ngắn, với trình độ kiến thức, lý luận của bản thân còn có nhiều hạn chế, bài khóa luận mới chỉ đi vào tìm hiểu một số vấn đề chủ yếu nên không tránh khỏi những thiếu sót, em mong nhận được những ý kiến nhận xét của thầy cô giúp bài khóa luận của em được hoàn thiện hơn về mặt lý luận cũng như thực tiễn.

Em xin chân thành cảm ơn!

Hải Phòng, Ngày 12 tháng 6 năm 2013.

Sinh viên

Lê Phương Thảo

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Chế độ kế toán doanh nghiệp _ NXB Thống Kê 2009.
2. Kế toán tài chính _ NXB Thống Kê 2006.
3. Kế toán tài chính doanh nghiệp _ NXB Đại học kinh tế Quốc dân.
4. Chuẩn mực số 02 _ Quyết định 149/2001/QĐ-BTC
5. Khóa luận tốt nghiệp các khóa trước.
6. Số liệu kế toán nguyên vật liệu của Công ty TNHH MTV Xây lắp và Vật liệu Xây dựng V.